



. khởi đăng : « Kẻ sống đã chết »
truyện dài Dương Nghiễm Mậu
. phỏng vấn ông Nguyễn Sỹ Tế



TRẦN THỊ TUỆ MAI . MAI TRUNG TĨNH
DU TỬ LÊ . ALEXIS TOLSTOI . LÊ HUY OANH
. VŨ BẰNG . NGUYỄN THỊ HOÀNG . VÕ
HỒNG . MƯỜNG MÁN . NGUYỄN PHAN
THỊNH . THƯ TRUNG

tập san VĂN số 180



Paris * 03.2025

***Bìa: họa phẩm của
Duy Thanh
Nguồn: Thư Ấn quán***

tập san VĂN **số 180**

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 180 ra ngày 15-6-1971

Độc trong số này:

1. Trần Thị Tuệ Mai 11
Khu vườn nhà ngục tôi, thơ

2. Mai Trung Tĩnh 18
Một chút gì, thơ

3. Du Tử Lê 21
Tội lỗi hân hoan mới, thơ

* MỘT TÁC GIẢ NGOẠI QUỐC

4. Alexis Tolstoi 26
Nhà văn Nga-la-tư (1882-1945) * Những
tên cướp hào hoa – Lê Huy Oanh dịch

5. Mường Mán 73
Khúc hát dưới núi, thơ

6. Nguyễn Phan Thịnh	75
Còn một chỗ nào, thơ	
7. Vũ Bằng	79
Thương nhớ mười hai, tùy bút	
8. Khê Kinh Kha	109
Nhớ lúc xa cổ thành, thơ	
9. Nguyễn Thị Hoàng	111
Cõi xa vời, truyện	
10. Võ Hồng	171
Lủi vào ruộng mía, đoản văn	
11. Tần Hoài Dạ Vũ	190
Nằm bệnh, nửa đêm dậy uống rượu, thơ	
12. Hồ Ngọc Ngự	192
Chiều mưa ở Tân Bùi, thơ	
13. Hạc Thành Hoa	193
Chỗ đứng, thơ	
14. Nguyễn Đức Nhân	194
Còn chi, thơ	

15. Nguyễn Nam Anh	195
Phỏng vấn Nguyễn Sỹ Tế, phút nói thật	
16. Hoàng Xuân Sơn	220
Ngày buồn, thơ	
17. Vũ Hữu Định	222
Một ngày quạnh hiu, thơ	
18. Yên Uyên Sa	224
Động cánh muông vàng, thơ	
* MỤC THƯỜNG XUYÊN	
19. Dương Nghiễm Mậu	226
Kẻ sống đã chết (kỳ 1)	
20. Thư Trung	251
Giải đáp thắc mắc	
21. Tòa soạn Văn	269
Tin Văn vắn * Hộp thư bạn đọc	



Tòa soạn và Trị sự : 38, Phạm
Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định số 64/
BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn Đình
Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông Trần
Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp : ông Gia Tuấn
(phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo VĂN.

* Quản lý : Cô Nguyễn thị Tuấn.

THƠ

Trần Thị Tuệ Mai * Mai Trung Tĩnh

Du Tử Lê

Khu vườn nhà ngục tôi

*Có phải chúng ta
công việc bắt đầu là
dựng xây nhà ngục.*

Ngục mỗi người đều gắng thật tở

*tổng giam mình vào đó
suốt đời không cho ra.*

*Bằng sức lực thanh xuân,
tôi dựng lên những bức tường cao
ngắt*

*bằng trái tim tuổi trẻ,
tôi đốt lên những vòng lửa rực trời
bằng bước chân kiêu hãnh, tôi hăm
hở đẩy thân tôi
bằng bàn tay khéo léo, tôi ra sức đóng
cài mọi cửa.*

*Và tôi rất tự do
đi lại trong nhà ngục*

*và ngục rất tự do
xoay cùng tôi đây đó.*

*Tôi trang trí ngục tôi
bằng những hình ngộ nhận
đang thể hiện nơi nơi
bằng những hình xung đột
tranh chấp đời đời.*

*Bằng muôn vàn khắc khoải
trong tình ái tuyệt vời
bằng não tâm dã thú
trong bộ áo con người*

*bằng rất nhiều tráo trở
trong nhân loại là tôi*

*Như thiêu thân tự do lao vào đèn
tôi tự do xây nhà ngục cao thêm.
Tháng ngày leo miết quanh chòi sắt
để thấy mình dường sống hiển nhiên*

*Bởi dường sống cho nên không thể
ngồi êm ru thừa thãi chân tay
bởi dường sống cho nên rất dễ
vào cuộc chơi nhào lộn đu bay.*

*Lúc chưa xây nhà ngục
đã có sẵn khu vườn
(dĩ nhiên ai cũng thế
nhận gia tài lưu truyền).*

*Mặc dầu là tôi nhớ
mặc dầu là tôi quên
vườn vẫn tôi sẵn sóc
(vì đó là đất riêng).*

*Mặc dầu là tôi biết
mặc dầu là tôi không
vườn vẫn nơi cung cấp*

lượng thực đều vô cùng.

Tôi trồng hoa bất hạnh

tôi trồng trái trâm tư

song le tôi đầy rẫy

các loài cây nhorn nhơ.

Vườn rộng lớn (phần ai cũng thể)

cây rất nhiều, bởi lúc mình ưa

loại nào đó, thì trồng lên đó

khóm xanh non khóm đã khô già.

Và có thứ ươm rồi bỏ mặc

có thứ ta chăm sóc hoài hoài.

*Hôm nay có bướm hồng
vào thăm hoa thơ mộng
hôm nay có gió hồng
đùa lá xanh lồng lộng.*

*Hôm nay vẫn âu bay
trong nhà giam kiên cố
hôm nay vẫn thơ ngây
trong cũi già đau khổ...*

Trần Thị Tuệ Mai

Một chút gì

1.

Sớm nay một chút gì xao xuyến

Một chút gì như nứt cửa

*Mạch xuân mong nhựa mới ươm đời
ta ?*

*Không, đã từ lâu trên con nước nhạt
nhòa lãng đãng*

Gã chài ngư bị nguyên rửa,

ta chỉ đi nghe mọc những chiều tà

Ôi những chiều lưới ta đỏ

Ta vờn tung vào khắp chân trời

Nhưng cá chẳng về, lưới bủa xuống

quấn đời ta khi trở lại.

2.

*Như dòng sông chậm như nổi ngâm
ngùi*

*Ta sung sướng nhìn các em vui thỏa
thích*

Các em cứ chơi cứ đùa cứ nghịch

Và các em cứ đi đi, đi xa mãi

Để chiều nay ta ngồi lại bên đường

Ngó những gì đang qua đang qua

Như những cuộc tình trong đời ta

Như những bình minh lửa dậy

Như những hoàng hôn hắt hiu

Như ta đã sống và đã chết

Bao nhiêu lần, các em biết không ?

*Các em cứ đi đi, cứ cười đùa đùa
ngoảnh lại*

*Ta ngồi đây nghe một chút mùa
xuân.*

Mai Trung Tĩnh

(1-71)

VĂN số 181

« Khi mùa mưa tới »

tuyển tập thơ văn những cây bút trẻ

Tội lỗi hân hoan mới

*Hãy quẩn quanh cổ anh
những sợi mềm tơ lụa
với hương trầm hai vai
tóc cay mùi khói thuốc*

*Hãy nhỏ xuống ngực anh
những giọt lệ cuối cùng
trả buồn cho dĩ vãng
giữ lấy bình minh mai
ăn năn dành kiếp khác*

*Hãy gác lên bụng anh
đôi chân anh ngọc thạch
máu rì rào trong thân
trái tim nào mới đập*

*Hãy gởi lên tay anh
đầu em như trái bưởi
mỗi múi như một ngăn
cất anh từng mảnh nhỏ*

*Hãy gửi trên môi anh
vô vàn tội lỗi mới*

*hạnh phúc không thể với
bởi chưa tirng đây ấp
tay sẽ mãi trong tay
bởi mắt nhìn đã chết*

*Hãy đắp lên người anh
thịt da em ngào ngọt
ôi hương vị ái ân
ứ ngực anh hạnh phúc*

*Hãy cảm ơn tổ tông
mở đường cho ta thấy
tội lỗi muôn ngàn năm*

không bao giờ xóa sạch

Nếu Chúa khước từ ta

đành tự mình cứu rồi

Em một vai thiên đàng

anh một vai địa ngục

chân bước lùi tương lai

chân ra ngoài quá khứ

Thượng đế hãy quay đi

khi chúng tôi hạnh phúc

*Về với tội tổ tông
thấy tận cùng chân lý
em một đời như đêm
buông rèm che sự thật*

Du Tử Lê
(9-71)

Alexis Tolstoi

Những tên cướp hào hoa
Les braqueurs flamboyants
Người dịch : LÊ HUY OANH

Xin đừng lẫn ALEXIS TOLSTOÏ (1882-1945) với LÉON TOLSTOÏ (1828-1910), tác giả bộ tiểu thuyết Chiến tranh và Hòa bình. Nhưng hai nhà văn này đều cùng một dòng họ.

Bá tước Alexis Tolstoi ra chào đời tại tỉnh Samara. Khi đang theo học trường Bách Khoa ở Saint Pétersbourg, ông đã bỏ dở việc học để theo đuổi ngành hội họa.

Ông từng bị nhà cầm quyền Cộng sản bắt đi đày một thời gian.

Alexis là một cây viết phong phú, giàu ý tưởng, giàu óc tưởng tượng, có thể viết đủ loại văn và loại nào cũng khá cả. Tập truyện *Contes de Pie* của ông được biểu diễn bằng một lối văn tượng trưng khá tinh vi.

Cuốn *L'Enfance de Nikita* chứa đựng những nét tâm lý sâu sắc và chứng tỏ ông có khả năng quan sát rất thực tế. Hai cuốn *Alelita* và *L'Hyperboloide de l'ingénieur Garine* thuộc loại văn châm biếm và có tính cách giải trí giống những tác phẩm của nhà bên Anh H.G. Wells. Alexis Tolstoi còn có hai tác phẩm rất nổi tiếng nữa là cuốn *Le Chemin des tourments* và *Pierre 1er*.

Bản Việt ngữ dưới đây được dịch theo bản Pháp dịch của Vladimir Pozner.

Thoạt nhìn, người ta thấy vụ xảy ra tại đường Basseinaia cũng chẳng khác gì hàng chục vụ khác phạm vào Hình luật. Vụ này chỉ được đặc biệt chú ý tới sau khi viên dự thẩm, công tố viên và các nhân viên tòa án đã sau khi đã trông thấy mặt các bị cáo, đã nghe những lời cung khai của họ, đã nghiên cứu những chi tiết, và do đấy, họ nhận thấy vụ án có nhiều tính chất đặc biệt hơn. Chắc chắn phụ thẩm đoàn có chịu ảnh hưởng bài cãi của viên luật sư khi hô tuyên án. Viên luật sư đã mở đầu bài bào chữa của ông bằng lời sau đây:

- Cần phải tìm hiểu nguyên nhân phát sinh ra án mạng tại cái xứ đã sản xuất cái cuốn phim mà các bị cáo đã coi tới năm lần với sự say mê sùng kính. Xin phép các ngài cho tôi được trở về quá khứ đã xảy ra...

Bài cãi của luật sư có vẻ khô khan vì nó là sản phẩm của một người làm ăn trong phạm vi nghề nghiệp. Chúng tôi kể lại nội dung bài cãi đó nhưng mạn phép tô điểm cho nó có vẻ văn hoa bóng bẩy một chút.

*

Cuộc sống luôn luôn linh hoạt của những đại lộ lớn được phản chiếu trên những hè đường ẩm ướt, rộng rãi và đen như đêm tối. Những bàn chân đàn bà

lướt đi trên đám nhựa lich thanh, trên những ánh đèn phản chiếu, trên những vũng nước được ánh sáng nhuộm cho một màu đỏ như máu; vẫn những cẳng chân đổ ngược ấy, những váy ngắn, những áo choàng lụa diễn qua diễn lại trong những tấm gương không đáy ấy. Người ta có thể bảo rằng tất cả đời sống đã được đảo ngược lại, giống như một giấc mộng mơ hồ và rắc rối. Dầu thế nào chăng nữa thì Gilles Bounot, khi gã bước lững thững trên hè đường, đầu cúi xuống, hai tay thọc vào túi chiếc quần nhung, đã nhận thấy cuộc sống như vậy đó.

Trong khuôn khổ cuộc sinh hoạt của hắn, Gilles Bounot là một tên nham hiểm. Nếu không có những viên cảnh sát, nhất là những cảnh sát cưỡi xe máy, thì hắn là hắn dám làm rất nhiều chuyện

lộn xộn trong cái thành phố này, mặc dầu sức khỏe của hắn suy yếu (hắn bị các bệnh đau gân háng kinh niên, đau dạ dày, và kích động thần kinh). Bounot can đảm và lanh lợi. Mỗi tháng hắn được lãnh một khoản tiền trợ cấp 150 francs vì trong thời chiến hắn có bị thương, và số tiền ít ỏi đó cũng đủ để giữ cho hắn khỏi dẫn thân vào những cuộc phiêu lưu nguy hiểm.

Hắn ham thích nhiều thứ lắm ; hắn ao ước có tất cả các thức sang trọng trong những chiếc xe hơi lớn đậu ở những đại lộ của thành phố Paris, những đại lộ rực rỡ ánh đèn như những phòng dạ hội. Những thiếu nữ thơm phức, da dẻ hồng hào mịn màng, đôi mắt mở to êm ái như mắt mấy con chó cái đã khiến hắn khổ sở ghê lắm vì thèm thuồng, khổ sở đến ngất đi được. Hắn biết rằng thật là cực kỳ

khoái lạc nếu được làm những chuyện yêu đương với bất cứ cô nào trong số những thiếu nữ ấy, và hẳn nghiêng rằng mỗi khi, từ chỗ của hắn trên vỉa hè, lén nhìn một cô gái ăn mặc hở hang, căng thon dài, bước ra khỏi một chiếc xe hơi, cổ gái đó, đêm nay sẽ tiêu xài như phá. Gilles tin rằng hắn bị tới ba thứ bệnh chỉ vì mỗi một lý do là bởi hắn quá ham muốn thèm khát nên máu hắn kết lại thành cục và do đấy máu cứ bị tắc nghẽn hoài.

Hắn vừa bước đi, cái lưng run rẩy lắc lư vừa hít mạnh làn hơi bốc ra từ đám đông. Hắn đi lang thang vô mục đích, không có kế hoạch rõ rệt, cũng như một con dã thú mở một lối đi ngang qua rừng rậm, trong một đêm oi bức vùng nhiệt đới.

Một dãy bóng đèn nhấp nháy tỏa

ra một ánh sáng màu hồng làm phai lợt tất cả những ánh đèn khác. Những bóng đèn thủy ngân đỏ trang hoàng cho mặt tiền của rạp chiếu bóng; Những người đàn bà đi qua những tia sáng rực rỡ ấy liền biến thành những con búp bê bằng sáp, và những con mắt của họ cũng lấp lánh như thể bằng thủy tinh. Trên những khung gỗ được đặt hai bên lối vào rạp có dán những tờ quảng cáo sặc sỡ về cuốn phim *Án mạng tại đường Vaugirard*. Một phim như cả trăm phim khác, không có gì có vẻ nổi bật trong mùa cả. Dầu thế anh chàng Gilles cũng dừng lại trước bảng quảng cáo, hấp háy đôi mu mắt nóng rực, quan sát lâu cái hình vẽ trình bày một gã đàn ông đeo mặt nạ quần áo chỉnh tề, tay cầm một con dao vấy đầy máu, gã đàn ông lịch sự bảnh bao đó đang bước qua xác chết một ông già hói đầu. Phim này có vẻ khá, Gilles vừa nghĩ

như vậy vừa làm cho những đồng tiền trong túi quần hắn kêu leng xeng, một đề tài khá đầy. Hắn móc ra một nắm xu và bước vào rạp.

Liệu có cần kể lại cốt truyện phim không ? Trước hết là con trai một ông chủ nhà băng và vợ chàng ta, cô vợ thuộc típ người rất đàn bà, đa sầu đa cảm. Rồi tới một gã đẹp trai hành tung bí ẩn, gốc ngoại quốc chứ không phải gốc Pháp; hắn là gã này muốn quyến rũ vợ của trai ông chủ ngân hàng và gã thèm khát cái sản nghiệp của cậu con trai đó. Rồi tới một ả gái điếm sống giữa cảnh cực kỳ xa hoa. Với những hình ảnh mô tả đời tư của một bọn nửa xa hoa đảng điếm, giới kỹ nghệ điện ảnh Pháp đã muốn làm cho khán giả phải lóa mắt ; trong căn phòng rạp nửa sáng nửa tối, khán giả đã phải trầm trồ trước những cảnh

sa hoa sang trong ấy. Lẽ dĩ nhiên gã lạ mặt đẹp trai kia giới thiệu con trai ông chủ ngân hàng với cô gái điểm. Người vợ của con trai ông chủ ngân hàng, người vợ mà các khán giả chỉ ái ngại cho có một nửa, bỏ ăn và khóc nức nở. Con trai ông chủ ngân hàng bị thua nhiều tiền vào những canh bài canh bạc và những trận đua ngựa; xen lẫn với những cảnh chơi bài đó còn có cảnh những tiệm may đồ sộ, những cửa hàng lớn bán những xa xỉ phẩm. Và những cảnh sống đó dồn tới một án mạng, một vụ giết người. Một ông già hói đầu, chuyên nghề cho vay lấy lời đã bị giết.

Mới đầu tất cả những khán giả cứ tưởng rằng con trai ông chủ nhà băng đã giết ông già hói đầu. Rốt cuộc, người ta đã nghĩ oan cho anh chàng này, bởi sau đó người ta mới hay rằng kẻ sát nhân

chính là gã lạ mặt đẹp trai chứ không phải ai khác.

Khi manh mối đã được phanh phui rõ ràng, không còn để nghi ngờ nữa, anh chàng Gilles bỗng phá lên cười.

– Xạo quá! Gilles nói với một nữ khán giả ngồi bên hần. Đây chỉ là một lối quảng cáo khéo léo để hốt bạc của dân Mỹ và dân Luân Đôn. Không có một chút gì có vẻ xác thực cả, ngoại trừ sự kiện cái gã giết ông già ở đường Vaugirard đã thoát khỏi cảnh sát. Tại sao không trình bày câu chuyện cho nó có vẻ giống như thực. Này cô, chắc cô có nhớ là vào hồi tháng mười một năm ngoái, cả Paris đã xôn xao bàn tán về vụ án mạng đẫm máu ở đường Vaugirard. Hờ, nếu cứ trình bày đúng mọi chi tiết, cuốn phim chắc chắn sẽ hay hơn nhiều! Còn cuốn phim này chỉ là để dành cho người ngoại quốc coi...

Cho tới lúc vãn phim, Gilles không ngừng chỉ trích cuốn phim. Khi đi ra khỏi rạp chiếu bóng, hắn đốt một điếu thuốc lá và đứng giùng giàng một lúc ở chỗ cửa ra vào rộng rãi tràn ngập một làn ánh sáng rực rỡ màu hồng. Chớ gì những cô gái đang bước thoăn thoắt trên mặt nhựa đường, trên tấm gương đen ấy, cặng xỏ trong những đôi vớ màu da thịt, hãy quay bộ mặt xinh xắn của họ lại, hãy nhướng những cặp mắt đã được biến chế bằng thủy tinh của họ nhìn vào quần hắn, vào chiếc cát-két của hắn, vào chiếc cằm nhô ra của hắn... Hắn đây, Gilles Bounot, hắn chính là cái nhân vật lạ mặt mà người ta ít ra cũng đã nói tới trong cái cuốn phim ngớ ngẩn mười hai đoạn và chiếu trong ba bốn buổi này, cuốn phim mà nội dung được rút ra từ đời sống của mấy ông chủ nhà băng. Chính hắn. Bounot (mà hình được treo ở hai bên cửa rạp) trong bộ lễ

phục, bộ mặt ần náu sau cái mặt nạ chó sói, đang bước qua xác chết và kẻ trong tờ quảng cáo đó cũng chính là hăn bằng xương bằng thịt mà các ngài đang nhìn thấy đây... ha, ha, ha !

Dầu sao thì tối hôm đó, trong tiền sảnh của rạp chiếu bóng, Bounot cũng có một số lý do để mà kiêu hãnh, bởi vì vào lối tháng mười một năm ngoái, tại đường Vaugirard, chỉ có một mình hăn và không có đồng lõa nào khác, hăn đã dùng một con dao cạo cắt cổ họng một người gác cổng, một ông già sống hiu quạnh một mình, để đoạt hai ngàn phật lãng, và với một nghệ thuật tinh vì hăn đã che giấu nhem

Đúng thế, cái lúc đó đích thực là giờ phút vinh quang, một sự vinh quang đơn độc. Và trong lúc này đây, trong túi của Gilles, số tiền hai ngàn phật lãng đó chỉ

còn lại có bốn xu, không đủ để mua một ly rượu nguyên chất. Những tên trưởng gia này, những con sâu quốc tế này rốt cuộc đã bóc lột nốt của Gilles Bounot. Hắn nhổ mẩu thuốc lá đi, bước xuống những bậc thêm và tan lẫn vào dòng người để ít ra cũng có thể hít cái hơi của những đàn bà mà không mất gì cả.

*

Gilles Bounot biến mất trong đám đông. Chúng ta cũng chẳng cần lưu ý tới số phận hắn làm gì. Hắn đã cung cấp một đề tài đặc biệt mà không được lãnh một xu, người ta đã ăn cắp đề tài của hắn, rồi người ta cũng chẳng cần đến đề tài của hắn nữa. Cuốn phim huy hoàng Án mạng tại đường đường Vaugirard đã được chuyển đi khắp hoàn cầu hiển

dương nhành buôn bán xa xỉ phẩm, hiển dương những con điểm mắc giá, làm xao xuyến tâm hồn bọn đàn ông bằng những cảnh kinh dị rất lịch sự và đánh thức dậy thực ở họ nỗi khát kinh khủng những giấc mộng không thể nào thực hiện được.

Một năm sau đó, cuốn phim tới Pétersbourgskaja Storona ở Leningrad và được chiếu tại rạp Le Diable. Những phụ đề đã được sửa đổi, những đoạn có hại rõ rệt bị hủy bỏ; Nhan đề cuốn phim lúc này là Những tên cướp hào hoa ở Paris thay vì Án mạng tại đường Vaugirard.

Một buổi tối tháng sáu, cô Maria Oskolkina và cậu Mikhaïl Tsybrikov tới coi “những tên cướp hào hoa”. Maria mười sáu tuổi, Mikhaïl mười bảy. Cả hai đã bỏ học đường mùa xuân vừa qua. Maria bỏ học vì nó đã ra khỏi cái tuổi mà người ta cảm cú học bài ; Còn Mikhaïl bỏ học chỉ

vì lý do cái váy ngắn của cô gái tơ đã che mắt nó khiến nó không còn trông thấy gì khác trong vũ trụ này nữa.

Thỉnh thoảng Mikhail ở với ba nó, một ông già bán tạp hóa tại chợ Apraxine; còn Maria, mồ côi cha mẹ, sống với dì nó, một người đàn bà làm nghề đan áo. Hai đứa thiếu tiền để có thể sống tự lập. Vả chăng Maria (hay Mary, vì cô bé thường yêu cầu người ta gọi cô là Mary) sau khi đã mang ra chợ bán những sách vở và những đồ dùng nhà trường của cô, lúc này đột nhiên ham thích những vật dụng cần thiết cho đàn bà. Mikhail không thể biết là cô bé đã kiếm đâu ra tiền để mà mua những dây nịt vớ có ruy băng, những đôi vớ, những hộp phấn, những ve dầu thơm La Moscovite, vân vân: đó là chuyện riêng, đó là điều bí mật bất khả xâm phạm.

– Nếu anh muốn tôi yêu anh thì anh đừng có hỏi tôi gì cả. Mary nói thế.

Như vậy, Mikhail và Mary bước vào phòng rạp Le Diable ngồi vào ghế hạng ba chục kopecks, và rồi chúng nó cứ phải há hốc miệng, nín thở khi những hình ảnh sáng rực trên màn bạc đưa chúng vào một cơn lốc làm lao đao chóng mặt trong những đường phố ở Paris. Paris, Paris đó... Những đàn ông đáng mặt đàn ông, những thiếu nữ xinh đẹp láng bóng, những tên cướp hào hoa, những con trai các ông chủ ngân hàng, lịch sự ghê hồn, sống như thế đó.

Mary nắm lấy bàn tay Mikhail và đâm những móng tay vào da Mikhail. Mikhail không nhăn mặt, không cau mày. Làm thế nào để Mikhail với chiếc miệng rộng và bộ ngực gà giò của nó có thể gia nhập giới những kẻ mang những

đôi giày trị giá tới mười tám roubles...

Đôi mắt Mary sáng một cách kỳ lạ trong khi người khách lạ đẹp trai (tên sát nhân trong tương lai), trước một tấm gương soi lộng lẫy, đang mặc một bộ đồ sang trọng mà người ta chỉ thấy những người trong các hình ảnh ở các sách báo mặc mà thôi. Đôi vợ mới đẹp làm sao, người đàn ông này lịch sự bảnh bao suốt từ đỉnh đầu xuống tới gót giày... Mikhail nghĩ với sự lo lắng: “Khéo khéo rồi Mary lại mộng thấy gã bảnh bao ấy... Kia thằng chả súc dầu thơm, thằng chả đội lên đầu một cái mũ lông cao sáng lóng lánh, khoác một chiếc áo choàng, rồi rồi đột nhiên, miệng nhả lại với một nụ cười nham hiểm, thằng chả thò một lưỡi dao găm ra, và từ màn bạc y nhìn khán giả với đôi mắt rộng tới nửa thước, nhìn thẳng vào linh hồn Mary...”

– Micha¹ à, em phải đi Paris mới được.

– Mary, cứng của anh, chắc chắn một ngày kia chúng ta sẽ tới Paris.

– Càng sớm càng tốt, trong lúc em hãy còn trẻ, làn da đang mịn màng...

– Còn tiền, đào đâu ra tiền bây giờ ? Anh có thể bán chiếc áo ba-đờ-xuy của anh, bán khẩu súng sáu của anh... Em cũng có thể xoay lấy chút tiền... Nhưng anh sợ bằng ấy tiền không đủ...

– Anh là một đàn ông hay là một đứa con nít ? Một đàn ông mà không kiếm nổi ít tiền à, thôi, bỏ anh đi !

Mary ngó Mikhail với cặp mắt trong suốt của nàng, khẽ nhả cái mũi hơi hếch lên, môi bĩu ra với vẻ khinh thường

¹ Mikhail

(Mary là cô thiếu nữ đẹp nhất ở Lenin-grad. Ngay cả ở ngoài đường người ta cũng thường nghe thấy tiếng trầm trồ : nhìn con nhỏ tóc vàng óng kia, trông nó giống nữ tài tử Mary Pickford quá.)

– Ở Paris, thiên hạ kiếm tiền dễ dàng. Ở đó những sáng kiến riêng không bị bóp nghẹt. Mikhail nói lắm bầm.

– Này, đừng có thốt ra những lời kém cỏi thế, rồi kéo anh sẽ mất tôi đó!

– Vậy phải đánh cắp ư ? Phải ăn cướp ư ? Chỉ có làm thế mới có tiền được thôi chứ...

– Anh biết không, Micha, tôi nghĩ rằng anh đã sai lầm khi theo đuổi tôi... Tôi thấy anh còn ngây thơ khờ khạo lắm... Làm sao tôi có thể tin cậy những người như anh được.

Cuộc đối thoại đó đã diễn ra trong lúc tạm nghỉ giữa phim; đèn trong rạp lại tắt và những hình bóng của cuộc sống quẩn rũ lại dồn dập hiện ra trên màn ảnh.

Khi ra khỏi rạp Mary bước lảo đảo, không còn nhìn thấy gì hết. Còn Mikhail, vẻ mặt âm thầm, hờn dỗi, bước vào những vũng nước mà không hay.

Một trận mưa đêm tủa xuống thành phố Leningrad, huy diệt hết bụi bặm; cái hương dịu dịu mát mẻ của những cây bạch dương ở công viên Kronverkski tỏa ra trong không khí. Mary đi tới trạm xe điện, đưa mấy ngón tay giá lạnh của nó về phía Mikhaïl:

- Vĩnh biệt. Tôi sẽ đi một mình vậy.
- Đi đâu ?

– Đi đâu mặc tôi, nào có can dự gì đến anh...

Mary đã đi coi phim Những tên cướp hào hoa tới năm lần.

Mỗi lần (tới rạp chiếu bóng nơi mà Mikhail chờ đợi cô) cô ta lại chưng diện có vẻ kiểu cách hơn. Cô thân ngắn váy lên quá đầu gối ba phân, sắm một cái mũ màu sắc lòe loẹt, những chiếc vớ bằng lụa. Mikhail hoang vía khi nhìn thấy Mary và gã thiếu niên ấy trở nên mỗi ngày một âm thầm hơn.

– Này Mary, em kiếm đâu ra đôi giày mới nữa thế ?

– Anh thấy không, đôi giày này hơi chật, khổ hai bàn chân ghê.

– Anh van em đó, Mary, đừng hành hạ anh, hãy nói đi, ai đã cho em đôi giày này?

– Không nói được, việc này không can dự gì đến anh... mà có tôi là đủ rồi, đừng tò mò.

Một nỗi ghen tức vẫn vờ gặm nhấm tâm hồn Mikhaïl. Đầu như muốn nổ tung vì những ý nghĩ nung nấu, làm sao kiếm tiền để đưa Mary đi khỏi Lenin-grad, mua sắm cho nàng đầy đủ vật sang trọng, thật nhiều nữ trang... Còn chính nó thì mặc áo choàng đội mũ lòng cao mà đi dạo chơi?

Mikhaïl bán chiếc áo ba-đờ-xuy mùa đông của nó, bán tất cả sách vở, bán chiếc máy khâu thanh (do chính nó lắp), bán đôi giày trượt băng, bán đôi ủng bằng da, rồi nó vay của bạn bè, mỗi người một

tí, được một tchervonetz rưỡi, và một buổi tối kia, nó bước vào sông bạc. Trước tấm thảm xanh, những đồng tiền đều mọc cánh; chỉ trong vài phút đồng hồ tất cả số tiền trong túi Mikhail bay đi hết. Thua nhẵn nhụi. Nó muốn vào phòng vệ sinh lấy sợi dây đeo quần lên thắt lấy cổ mà tự sát cho chết quách; nhưng nó không tự sát. Vào lúc ba giờ sáng, nó tới ngồi ở bến tàu dưới chân tượng những con nhân sư Ai Cập mà khóc nức nở. Ở phía bên kia sông, bình minh làm sáng rực các kính cửa những lâu đài. Dòng sông Néva thấp thoáng sương mù và xanh mầu như đang thi thẩm giải ra trước gã thiếu niên khổ sở. Đêm vừa rồi, Mary ở đâu, nào ai biết? Chắc chắn là ngay trong lúc này có một gã đàn ông nào đó đang xiết chặt nàng trong hai cánh tay gã, ngay trong lúc này, khi mặt trời hãy còn mát mẻ, đang nhô lên từ sau pháo đài, giữa

những đám mây buổi sáng đỏ rực.

Mikhaïl không thể nào trấn áp được nỗi đau đớn của nó; nó bít mạnh khí trời vào ngực, những giọt lệ thoát khỏi mi mắt rơi xuống chiếc áo vét-tông chật bó lấy người nó...Ừ, nó phải quyết định, phải trở thành một tướng cướp, và lúc đó, túi đầy những đồng tchervonetz, dao cầm trong tay, nó sẽ đòi hỏi Mary từ nay trở đi không được lừa dối nó nữa, không được bán thân thể nàng nữa...

✱

Ngày hôm sau, Mikhaïl tuyên bố với Mary:

– Anh đã thử mọi thứ. Anh không hên trong trò cờ bạc, Em thấy đó, Mary, anh yêu em biết ngần nào: anh đã quyết

định sẽ trở thành một tên cướp.

Mary kê Mikhaïl:

– Anh là một thằng ngớ ngẩn... Tôi đã trông thấy tại một quán rượu ở đường Mikhailovskaïa những tướng cướp đích thực Họ can đảm như những hung thần và tính tình vui vẻ.

– Biết rồi, biết rồi, Mary, rồi người ta sẽ thấy ai là kẻ can đảm nhất.

– Như vậy là sao ? Anh đã nghĩ ra được một vụ gì chẳng?

Mary tò mò hỏi. Câu trả lời của Mikhaïl khiến nó đặc biệt lưu ý:

– Có lẽ, Mikhaïl nói lảm bảm – Rồi thì biết.

Trong một thời gian, Mikhaïl lợi dụng sự tò mò của Mary để đưa ra vài ý

kiến mơ hồ, cố ý lần lửa cho qua ngày... Nhưng lần lửa đến mấy rồi cuối cùng cũng tới lúc phải hành động. Nó nói bịa với Mary rằng cái tên nhà giàu mà nó đang theo dõi (mặc dầu tên đó võ trang rất kỹ, nào roi cao su, nào can mũi nhọn, nào súng lục) đã bắt thân đi ra ngoại quốc, vì thế mưu đồ của nó không thành. Mary tin tất cả những lời của Mikhaïl.

– Micha à, tên đó có nhiều tiền không ?

– Trong cặp hăn luôn luôn có gần hai ngàn tchervonetz.

Mary khoát mạnh một cử chỉ và cảm thấy hoàn toàn thua thiệt khi nó tính là một số tiền bằng đó sẽ có thể mua được những gì, những gì. Từ bữa đó trở đi, óc tưởng tượng được hun nóng của Mary bắt đầu hoạt động theo cùng một chiều

hướng: tìm cho là một tên nhà giàu khác, một tên có hai ngàn tehervonetz. Thái độ của nó đối với Mikhail đã thay đổi, do đấy Mikhail cảm thấy ngay lập tức rằng làm một tên cướp có những cái lợi gì.

Lúc này, Mary nói:

– Micha à, anh đừng ghen em, nghe hông. Nếu em có phải lui tới bọn đàn ông, thì đó cũng chỉ là vì hạnh phúc của hai đứa mình. Em chỉ yêu có anh mà thôi. Và hai đứa mình sẽ đi Paris...

✱

Mikhail chờ Mary ở công viên Bộ Tư lệnh Hải quân. Nó nhận ra ở xa xa, dọc theo con đường, chiếc rốp màu hồng, chiếc mũ mầu bông bay lượn trong những tia nắng. Hai gò má Mary đỏ au.

Con bé ngồi phịch xuống chiếc ghế dài, không thốt ra câu chào hỏi nào cả, chỉ đưa mắt nhìn phải, nhìn trái.

– Tìm thấy rồi. Tìm ra một tên rồi.
Mary nói.

– Sao? Ai ?

– Một tên nhà giàu, rất giàu. Một con mòng. Đã có vợ nhưng hảo ngọt, cả quỳnh lảm. Ở quán rượu người ta gọi thằng đó bằng một cái tên rất đàn bà là Cousine... Nè, Micha... (cặp mắt xanh của nàng dẫn ra.) Micha nè, đừng có đứng há hốc mồm ra như thế chứ...

– Chớ gì nó chỉ rơi vào tay anh mà thôi. Anh sẽ thịt nó !

Mary đưa Mikhaïl tới quán rượu, chỉ cho Mikhail coi La Cousine. Vừa nhìn thấy tên nhà giàu, Mikhail cảm thấy tim

nó co lại vì sợ: La Cousine là một gã đàn ông mập mạp, rất cao lớn. Mặt hăn phì nộn, hơi tái, râu ria được cạo nhẵn nhụi, khiến người ta nghĩ tới bộ mặt của một người đàn bà phúc hậu. Tóc hăn để rất thấp xuống trán. Hăn ăn mặc sang trọng bằng những vải vóc thuộc loại lậu thuế. Một viên kim cương lớn sáng lóng lánh ở ngón tay út hăn. Ngồi giữa đám gái vui nhộn, hăn uống nước suối với vẻ hiền từ.

Mary nói thì thầm bên tai Mikhaïl :

– Gia đình hăn ở Mạc-tử-khoa. Hăn tới đây nhân một chuyến du lịch, hăn làm ăn đủ thứ chuyện. Tất cả mọi người đều lấy làm lạ không hiểu tại sao hăn lại chưa bị đẩy đi Solovki. Vậy tội mình phải hành động thật gấp mới được.

Mary đứng dậy, vừa đi qua trước mặt gã La Cousine vừa lắc lắc cặp mông

trong một kiểu đi đặc biệt (cái kiểu đi đó khiến Mikhaïl co rúm người lại vì ghen tuông). Gã La Cousine giơ bàn tay tới phía Mary, những tia sáng từ viên kim của hắn tóe ra khắp quán rượu.

– Này cưng, này kiểu nữ tóc vàng óng, ngồi xuống đây nào... La Cousine pói.

– Em đang mắc công chuyện. Mary nhướn mũi lên mà trả lời.

Nhưng hắn cũng vô được cánh tay nàng, kéo nàng tới gần hắn và nói lâu vào tai nàng. Mary vùng thoát ra khỏi tay hắn, nàng nhún vai rồi bỏ ra chỗ khác. Mikhaïl thấy La Cousine lấy ra một chiếc mu-soa lau bộ mặt phì nộn và cổ hắn, chiếc cổ rụt vào lớp vải lụa.

Tên nhà giàu ở quán rượu đó có vẻ

đúng là ảo ảnh một cuộc sống xa vời và đầy hấp dẫn cho những tên cướp hào hoa. Tất cả hồi tiếp theo của vụ làm ăn này đều do một mình Mary thu xếp, Mikhail chỉ có việc thi hành những mệnh lệnh của Mary. Cô bé kiếm được ở đường Baseinaia một căn phòng có một lối đi đặc biệt và nàng có riêng một chìa khóa, nàng có thể tới đó mà khỏi cần khai báo với sở cảnh sát (chủ căn phòng này ngụ tại đường Sestroretsk). Nàng bắt buộc Mikhail phải theo sát nách La Cousine, từ ngân hàng này sang ngân hàng khác, để thu lượm những tin tức đích xác về những công việc của La Cousine liên hệ đến tiền bạc. Mikhail trông thấy từng xấp tchervonetz dây cộm; chắc chắn những tiền bạc không đếm xuể đó là của La Cousine. Mary và Mikhail ngất ngây choáng váng. Tối nào tên nhà giàu đã cũng tới quán rượu và hân ham thích

Mary một cách đặc biệt. Nhưng cô bé không ngồi vào bàn hẳn một lần nào cả, cô đứng từ xa mà nhử hẳn.

Khi tất cả đã sẵn sàng, Mary bảo Mikhail :

– Hãy tới đường Basseïnaïa vào hồi mười giờ sáng nay. bùng quên mang theo khẩu súng lục... Phải có khí giới mới thể nói chuyện dễ dàng được...

✱

Trở về nhà, Mikhail đi mua một ca rượu vodka và mang rượu ra một công viên mà uống. Nó nghĩ rằng rượu sẽ khiến nó hăng hái phấn khởi, nhưng nó vẫn cứ cảm thấy lạnh nhạt thờ thẩn. Tối chín giờ, gã thiếu niên vẫn còn nằm dài trong giường, hút thuốc lá, rúc đầu xuống dưới gối, bẻ các ngón tay kêu lục

cũc. Khi chiếc đồng hồ treo ở phòng ăn, nơi bố của nó đang đọc báo điểm chín tiếng, Mikhaïl bò dậy ra khỏi giường, mở ô kéo bàn lấy ra khẩu súng sáu, và giơ tay làm dấu thánh giá nhiều lần liên tiếp.

Tối mười giờ, gã trẻ tuổi đã có mặt ở đường Basseïnaïa. Mary mở cửa cho nó. Vừa dẫn nó vào phòng, Mary vừa nói thì thầm vào tai nó:

– Lúc qua cầu thang gác anh không gặp ai đó chứ? Im lặng nhé, không được thốt ra một tiếng nào cả ! Tại sao miệng anh sặc mùi rượu vodka vậy? Anh sợ hả?

– Sợ đếch gì !... Chính em đã...

– Đừng có la lớn thế !... Bước khe khẽ chứ. Hãy chú ý nghe em nói đây. Anh ở lại phòng này... Còn em đi... Khi nào anh nghe tiếng chân em trở lại đây

cùng với thẳng chả và mở cửa thì anh nấp vào sau tấm màn treo kia. Dầu em có làm gì đi nữa, anh cũng đứng yên trong đó không được thở mạnh, không được động đậy nghe hôn... Khi nào em thấy hần đã say em sẽ vỗ tay, lúc đó anh sẽ cầm khẩu súng nhào ra...

Mary ấn chiếc mũ lên đầu mình, thoa phấn thật nhiều, uốn cong những sợi tóc ở thái dương rồi ra đi. Mikhaïl ở lại phòng một mình. Trong hai tiếng đồng hồ chờ tên nhà giàu tới, nó đã cảm nghĩ những gì ? Sau này, nó đã không thể kể lại nhữong cảm nghĩ lúc đó của nó một cách rõ ràng sáng suốt được ; nó chỉ nhớ rằng trong hai tiếng đồng hồ chờ đợi đóng đã uống hết một bình nước lớn và uống luôn cả một phần lọ nước rửa tay...

Tới mười hai giờ đúng, tiếng cười mơn trớn của Mary nổi lên ở cầu thang

gác, tiếng chìa khóa lạch cạch trong ổ khóa. Như một bóng ma, Mikhaït biến mất sau một tấm màn treo rủ xuống trước một cái cửa và đứng im lìm trong đó, thân thể ướt đầm mồ hôi, chỉ sợ mình sẽ hắt hơi, sợ đến chết đi được.

Mary bước vào trước, tên nhà giàu bước theo sau, mang theo rượu sâm-banh và những trái cây. Hắn thở dốc và ngay lập tức ngồi phịch xuống một chiếc ghế bành. Mary nói không ngừng, cười lớn và chạy ngang chạy dọc trong phòng bằng một kiểu di chuyển đặc biệt. La Cousine cố gắng bắt lấy nàng và cố đặt nàng ngồi lên gối hắn; nàng vùng thoát khỏi tay hắn với một nụ cười. Lúc ấy, hắn cho nút chai sâm banh nổ tung:

– Cũng đã muốn anh uống rượu thì anh uống, mặc dầu tử lượng mau say lắm... chúng mình cùng uống nào.

– Ô, ồ em ưa rượu sâm-banh lắm, không ngờ được, phải không!

Mary nói riu rít.

– Em có thể uống được ba chai.

– Uống mừng cái gì nào ? Gã đàn ông nói.

– Mừng cho tương lai của chúng ta.

– Cũng đã tìm thấy cái tương lai đó rồi mà !... Mừng cho một tương lai tốt đẹp hơn ! Em bé à, anh mà nói sai thì quý bắt anh, em không thể nào tưởng tượng nổi bọn anh sống hách đến mức nào. Bọn anh dùng bữa tại biệt thự Rodé, các thức ăn đựng toàn trong những đĩa bạc; những gái đẹp mê hồn quây quần quanh bọn anh. Bây giờ đây, anh xài tạm những cô em trung bình như em chẳng hạn... Anh nói thành thật, em đừng giận nhé.

– Em cứ giận đó. Nhưng thôi, uống đi.

– Lại đây, cưng. Cưng cứ múa máy luôn chân luôn tay vậy.

– Thì em lại đây nè, nhưng uống đi chứ.

– Uống mừng cho cái gì nữa đây ?

– Mừng cho những mối liên lạc của hai đứa mình trong tương lai.

– Em mong mọi như vậy phải không... Tại sao không, để rồi anh sẽ coi xem em có ngon lành không nào...

Hắn mở nút chai rượu thứ nhì. Mary ngồi trên hai gối gã đàn ông, đu đưa hai cẳng chân nàng. Tên nhà giàu, ngà ngà say, ôm lấy Mary... Nàng vẫn chưa ra hiệu cho Mikhaïl, nàng vẫn cứ

cười lớn, vẫn uống rượu, vẫn ném những mảnh vỏ cam vào tấm gương soi.

Mikhaïl, bàng hoàng, đau khổ, đứng cứng nhắc sau tấm màn treo, chỉ e sợ là mình sẽ thở mạnh. Ước gì nó có thể được phép nhào ngay ra, quật cho thẳng khốn kiếp kia một trận, tổng cổ hắt ra khỏi phòng. Ai cho phép hắt vừa ôm Mary vừa cười một cách khả ố như thế chứ, ai cho phép hắt đặt Mary ngồi đong đưa trên gối hắt như thế !

Dầu vậy, Mikhaïl vẫn không dám động cựa. Rượu vodka đã bị hòa loãng trong một số lượng quá nhiều nước, đã không còn có thể giữ lại trong nó chút can đảm lúc này. Nó cảm thấy một sự bất hạnh đang bắt đầu tới.

Không, không, đừng làm vậy, khoan đã nào... Hãy buông tôi ra ! Tiếng nói

van nài của Mary vang lên.

Lúc bấy giờ Mikhail, bị đè bẹp dưới nỗi thất vọng, dưới sự nhục nhã, thở nấc lên sau tấm màn treo, khẩu súng tuột khỏi nó rớt phịch xuống sàn gác.

Bầu không khí trong căn phòng vụt trở nên im lặng.

– Ai đó ? La Cousine hỏi bằng giọng khàn khàn.

– Đồ hèn nhát, đồ khốn kiếp !

Mary vừa nhảy xuống khỏi hai gối tên nhà giàu vừa la mắng Mikhail. Nàng giật mạnh tấm màn treo sang bên; khuôn mặt cô bé đỏ bừng vì giận dữ và vì bị kích động. “Đồ ươn hèn !” Cô bé dùng hết sức lực hét vào bộ mặt đang thộn ra của Mikhail. “Hừ, đồ ngu !”

Nàng vô lấy khẩu súng, chĩa mũi súng vào La Cousine, tiến lên vài bước tới gần hắn. Gã đàn ông lại rơi phịch người xuống chiếc ghế bành và dang hai cánh tay lên. Hàm dưới hắn trể xuống. Đôi mắt mở thao láo của hắn ngó chăm chặp cái lỗ đen ngòm của khẩu súng.

– Đưa, tiền đây... nếu không tao bắn! Mary nói.

– Tôi đâu có mang tiền theo, La Cousine vừa nói thế vừa kéo hàm dưới lên. – Đừng bắn, hãy nghe tôi nói đây...

– Đưa tiền đây. Nếu mi la lên, ta sẽ...

– Tiền để ở nhà mà, người hùn vốn với tôi giữ cả mà... tôi đâu có mang tiền theo.

Mikhaïl vẫn đứng đằng sau Mary, hai bàn tay nó nắm chặt lại, bộ mặt nó

nhấn nhúm. Cả nó lẫn Mary đều đã không ngờ trước cái nông nổi như thế này. Khẩu súng lục run run trong bàn tay Mary. La Cousine có vẻ sợ hãi hơn trước và hẩn tìm ra một giải pháp cho cái hoàn cảnh rắc rối này. Hẩn nói:

– Đừng có lúc lắc mũi súng như vậy nữa. Cậu kia sẽ đi lấy tiền. Quỷ bắt mấy người ! Tôi sẽ cho tiền các người, nhưng phải đi lấy tiền đã chớ...

Ngay lập tức Mary lột quần dài của La Cousine, truyền lệnh cho Mikhaïl xé quần đó thành từng dải, La Cousine đưa hai cẳng chân ra và hai cô cậu trẻ tuổi trói chặt chân hẩn lại. Hẩn hí hoáy viết mấy hàng chữ, vừa viết vừa lau nhàu nguyên rửa và liếc mắt nhìn về phía khẩu súng.

Mikhail lập tức đi tới địa chỉ mà hẩn đã dặn. Trong vòng bốn mươi phút

đồng hồ, Mary cầm súng đứng canh tên nhà giàu; thỉnh thoảng nàng vớ lấy một trái quít trong rổ, dùng răng bóc vỏ.

– Chịu khó nằm im đó nhé, đừng có động cựa. Mary vừa nhai quít vừa nhắc đi nhắc lại lời đó.

La Cousine cố gắng dỗ dành cô bé, trách cứ cô ta bằng những lời thiết tha ngọt ngào, và hăn nói tới cả lũ con của hăn đang ở Mạc-tư-khoa; Mary vẫn phớt tỉnh, đứng điệu một nữ tướng cướp. Sau hết Mikhaïl trở lại với một số tiền. Nó chỉ mang về có ba chục tchervonetz...

– Tôi xin thề là tôi chỉ có bấy nhiêu tiền đó thôi. La Cousine rú lên. – Tôi sẵn lòng đưa thêm vào một ngày khác, một lần khác, nếu tôi có thêm. Sao ? Ít quá hả? Hừ, nếu cô cậu không tin lời tôi, thì cứ việc bắn tôi đi ! Đây không thể làm gì

hơn được nữa! (hắn nhổ nước miếng).

Mary đếm tiền, rồi nhét cả mớ giấy bạc vào đôi vớ dài của nàng, nàng tươi tỉnh úp cái mũ lên đầu nàng.

– Rồi ! Micha, cời trói cho nó ! Đây, nghe đây Cousine. Bọn này chuồn, nghe không. Nếu mi đuổi theo bọn ta, thì chúng ta sẽ bắn mi chết gục xuống cầu thang, nghe hôn. Phải ở lại đây, mười phút sau mới được ra.

– Hy vọng sẽ có dịp gặp lại mấy người !

Gã đàn ông vừa nói vừa khịt khịt mũi, và hắn vươn tay ra cầm lấy nột trái cam.

✱

Một tuần lễ sau, Maria Oskolkina và Mikhail Tsybrikov đã bị nhà chức trách bắt giữ tại Sébastopol. Hai đứa thú nhận tội lỗi ngay lập tức. Mikhail khóc ròng và tỏ vẻ hối hận. Còn Mary tỉnh bơ như không. Người ta giải chúng về Leningrad. Trong ngày xử án, viên luật sư bào chữa cho các bị cáo đã kết thúc bài cãi của ông bằng những lời sau đây:

–... thưa quý tòa, các ngài hãy nhìn nạn nhân mà coi, các ngài hãy để ý tới cái sức mạnh thể chất hùng hậu của ông ta, hãy xét tới khối óc lạnh lợi của ông, sự lạnh lợi mà ông đã thường bày tỏ trong những chuyến buôn bán. (Khi luật sư nói tới đây thì La Cousine được đẩy vào phòng xử: tất cả mọi người trong phòng đều cười ồ.) Giờ đây xin các ngài hãy nhìn hai cô cậu hãy còn ở tuổi vị thành niên này, những kẻ đã bị lừa dối bởi những

sự căm dỗ của Tây phương. Hai kẻ lãnh mạn loại mới này, hai người trẻ tuổi ham thích xi-nê này đã trối một người đàn ông to lớn, cái kẻ chỉ cần khê vung tay cũng đủ đề bẹp hai đối thủ như đề bẹp hai con ruồi vậy. Và tôi xin nhấn mạnh tới một điều quan trọng nhất: khẩu súng lục đóng vai chính trong vụ đó đã không có đạn (Mary ngó Mikhaïl với vẻ tức giận còn Mikhaïl sượng sùng cúi đầu xuống). Khẩu súng này không thể xài được bởi nó đã bị rỉ sét và bị nứt rạn...

★

Tòa xử Maria Oskolkina và Mikhaïl Tsybrikov năm năm tù treo.

Alexis Tolstôï

LÊ HUY OANH dịch

L.T.S. – Một tập tuyển truyện Nga-la-tư đã được ấn hành. Xin mời quý bạn coi lại VĂN số 178 (ngày 15 tháng 5 năm 1971). Bạn đọc chưa kịp mua, có thể gửi 60 đồng về Ty Trị sự đặt mua.

SỐNG THIỀN

là hơi thở nóng hổi của một người vừa bước vào điệu lý của Phật-giáo Thiền-tông, EUGEN HERRIGEL, đề cập đến những biểu lộ hoạt dụng của thiền trong các bộ môn tư tưởng và văn nghệ : thi ca, hội họa, kịch nghệ, vãn vãn... cùng sinh hoạt thường nhật với những bất trắc, những quân quai ngàn đời.

Sách do AN-TIÊM xuất bản

ĐỒNG NAI tổng phát hành

20, Đề Thám, Sài-gòn

THƠ

Mường Mán * Nguyễn Phan Thịnh

Khúc hát dưới núi

*đưa tay hái mấy lá mỏng tơ
bỗng thấy trời tan đất ngậm ngùi
soi từng sợi tóc nhìn mây nổi
không dùng bắt được một niềm vui*

*Giữa núi rừng hoang nói với ai
nói với cây ư ? Cây gãy rồi
cười với hoa ư ? Hoa nát nhụy
thôi đành nói với một mình thôi*

một mình nói mãi cho mình nghe

*lời thật thà như thóc lúa, và
lời điêu ngoa trót đong đầy lưỡi
lời yêu ai chưa hề nói ra*

*giữa rú truông hoang hát với ai
hát với trăng ư ? Trăng lặn rồi
hát với sương ư ? sương vừa rụng
thôi đành chỉ hát một mình thôi*

*một mình hát mãi cho mình nghe
khúc hát ngày cha đưa mẹ về
có con bướm lượn mừng dâu mới
rơi phấn thu vàng trong cánh che*

*giữa bụi bờ hoang biết ru ai
ru gió ngủ ư ? Gió tan rồi
ru lá ngủ ư ? Lá thở dài
thôi đành ru mình ngủ đi thôi*

*một mình ru mãi cho mình quên
ru cho chân cứng với đá mềm*

*ru thương đời mỗi trên tay nặng
một mình ru mãi dỗ mình quên.*

Mường Mán

(núi CoRoc, Hạ Lào, 2.71)

Còn một chỗ nào

Cho thành phố Nha Trang

*phất phơ bên hè phố
hồn tan theo rác bay
Trong mỗi giọt mồ hôi
Thoi thóp cơn mộng vỡ,*

*đi tìm chút trời xanh
trong ổ gà nước đọng
mỗi hơi thở mong manh
phối đầy thêm bụi sạn,*

*cuồng chân như sâu bọ
người lúc nhúc về đâu
anh thương binh gở nạng
riêng mặt đá biết đau,*

*chiến tranh về thành phố
trong rạp hát đông người
bom nổ tung màn ảnh
anh hôn em rồi,*

*chiến tranh về thành phố
khói mù hầm cà phê
lấp lờ những đốm lửa
đốt đời nhau u mê,*

*về đâu em gái nhỏ
hương trinh đã úa rồi
về đâu mẹ già khụ
thanh lâu còn gì vui,*

*buyn-đinh đã đề ta
bếp nát trong bóng rợp
ôi ông anh không lồ
đề ta nhu cám vụn,*

*có phải quê hương ta
tổ tiên đã truyền lại
ôi ông bạn da vàng
quát ta không e ngại,*

*có phải lũ em ta
sao ngó như dị dạng
có phải bạn bè ta
sao nói ăn lãng đãng,*

*về đâu ông già cùi
lê lét dưới chân ta
về đâu người huấn nhục
mồ xanh còn bao xa,*

*và về đâu hồi ta,
giữa cảnh người rác bụi
em ơ cho anh tới
ngồi nghe mộng gần xa...*

Nguyễn Phan Thịnh
(Chủ nhật 4-71)

Vũ Bằng

Thương nhớ mười hai

(tùy bút)

**Tháng Năm,
Nhớ nhót, mặn, rượu nếp và lá móng**

 ảm giác của anh ra thế nào? Tôi không biết. Nhưng tôi biết là đối với nhiều người, bốn câu thơ ấy hay ác, mê không chịu nổi.

Đả tử hoàng oanh nhi,

Mạc giao chi thượng đề.

Đề thời kinh thiếp mộng,

Bất đắc đáo Liêu Tê.

Mê nhất là có người không biết chữ nho, nghe thấy ngâm lên bốn câu đó, không hiểu nghĩa ra sao mà cứ thấy là hay. Nói gì đến dịch ra tiếng Việt, giữ được nguyên ý của thơ mà lời lại du dương, tiết tấu thì khỏi cần phải nói, cũng thừa biết là người nghe thơ cảm xúc biết chừng nào, tiêu sái biết chừng nào:

Đánh cho chết cái hoàng oanh,

Ai cho mi hót trên cành cây giao.

Hót thời tan giấc chiêm bao.

Chẳng cho hồn thiếp được vào Liêu Tây.

Tôi cũng mê bốn câu thơ trên vào hạng nặng, nhưng vì mê quá thành ra

mắc bệnh hay phân tách, nên có lúc tôi đã mạo muội chê cái bà chinh phụ ở trong thơ hơi khó tính: mộng gì mà chẳng có lúc tàn; chỉ vì đương nằm mơ thấy chồng ở Liêu Tây, nghe thấy tiếng chim kêu, tỉnh mộng, mà sai thị nữ đánh đuổi cái hoàng oanh đi, thì cũng tội nghiệp cho chim quá.

Riêng tôi, chưa bao giờ tôi lại ghét chim như vậy; trái lại, nếu bây giờ còn nhớ lại cảm tình gì sâu đậm nhất đối với chim, ấy là tôi nhớ đến lúc còn nhỏ, vào những ngày tháng Năm, chim khuyên, chim sẻ, chim sâu đã đánh thức tôi dậy vào lúc tinh mơ sáng.

Tinh mơ sáng tháng Năm, trời trong vắt như lọc qua một tấm vải màu xanh. Đó là lúc trời mát mẻ nhất trong một ngày, giấc ngủ của người lành mạnh tương đối vào lúc này ngon nhất, nhưng

không bao giờ tôi dậy muộn là vì chính vào lúc đó thì các con chim bé nhỏ ríu rần tập hót ở trên các ngọn cây chung quanh nhà. Bao giờ cũng vậy, nghe tiếng chim hót như thế tôi cũng thức dậy, nhưng không mở mắt vội, cứ nằm mà nghe khúc nhạc của chim và tôi ưa nằm đoán một mình xem tiếng nào là tiếng chim sâu, tiếng chim khuyên, tiếng nào là tiếng chào mào, tiếng chích chòe, và tiếng nào nữa là tiếng chim cu, bạc má...

Không khí thanh bình lúc ấy hiện lên từ trong ngọn gió, từ tiếng động ở trong nhà, từ cái xẻng của người phu xúc đất giắt vào trong đường rầy xe điện cho đến cái tiếng chổi chà cán dài ngòng của người quét đường làm việc một cách thông dong, nhàn nhã.

Chắc hẳn cũng có nhiều người vất vả, nhưng không hiểu tại sao dưới mắt

tôi lúc đó, đời sống của người ta có vẻ nhẹ nhàng, bình dị, không bôn ba lo nghĩ quá đến đồng tiền như bây giờ để đáp ứng những đòi hỏi mỗi ngày mỗi nhiều hơn. Bây giờ, thấy người ta giữa buổi trưa nắng nả đom đóm mắt mà vẫn cứ phải chạy bù đầu ở ngoài đường để buôn bán làm ăn kiếm đồng tiền mua cái máy giặt, cái ti-vi, cái máy thu băng... tôi ưa nhớ lại những buổi trưa tháng Năm trước ở Bắc Việt, cũng oi, cũng nóng, cũng mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nhưng hầu hết người nào lúc đó cũng tự cho phép mình nghỉ xả hơi, kiếm một chỗ nào có gió mát để chợp mắt đi một chút.

Đường phố vẫn hằn người đi lại. Nằm ở trong nhà nhìn ra bên ngoài thấy cái cảnh êm ả của phố phường, tự nhiên mình cảm giác thấy cái nắng cũng có vẻ nên thơ, tiếng giun tiếng dế nghe cũng

có một cái gì thú vị, mà ngay đến sự uể oải của người ta cũng là thú uể oải phong lưu chứ không phải vì quá lao tâm khổ trí mà thành ra kiệt sức. Hầu hết mọi người, ngoài thì giờ bôn ba tranh đấu sự sống còn ra, vẫn có một chút thì giờ để pha một ấm trà ngon nhắm nhót, cao hứng ngâm một vài câu thơ để mình lại nghe với mình, xong rồi tìm những đường phố mát thung thỉnh đi chơi, xem cây thế, ngắm giò lan và nếu cao hứng hơn chút nữa thì đi tìm hàng mần thẩn gia dụng đậu ở gần đền Vũ Thạch ăn một tô hay rẽ xuống chợ Hôm tìm hàng bánh cuốn ngon nhất thưởng thức vài miếng rồi tráng miệng một chén chè hạt sen long nhãn.

Ấy, cứ ăn bậy như thế lại ngon, chớ thật ra thì vào cái tháng này nghĩ đến cơm đã ngán. Người vợ hiền biết ý chồng

cứ phải nghĩ cách để thay đổi món luôn luôn cho chồng “dễ nuốt”: nay canh riêu cua, mai giò sống nấu với canh cải ngọt, một rau ngót nấu với trứng cáy ăn với cà... nhưng ta cứ phải thành thực nhận rằng ở Hà Nội, vào những buổi chiều tháng Năm “đứng gió”, người sang kẻ hèn đều có thể tự tạo một cái thú vô cùng thanh lịch mà ít đồng tiền: ấy là ăn bánh tôm ở trên hai bờ cỏ đường Cổ Ngư.

Cô Năm đã ra thăm ngoài Bắc lần nào chưa nhỉ? Thử tưởng tượng mà coi: một bên là Hồ Tây, một bên là hồ Trúc Bạch, giữa là con đường Cổ Ngư thẳng vút lên Nghi Tàm, hai bên viền cỏ xanh mướt mướt và san sát cây cao bóng cả. Cứ vào khoảng năm sáu giờ chiều, nắng bắt đầu nhạt thì người ta dọn bàn ghế ra hai bên lề cỏ ấy bán cho những người đi hứng gió các thú giải khát địa phương.

Ngồi uống đỡ mệt rồi, mà thấy lòng phơi phới vì có gió mát từ hai cái hồ đẹp dâng lên, anh có thể bảo khế chủ nhân đưa lên cho anh một đĩa bánh ăn chơi.

Bánh đây là bánh tôm - nhưng kì lạ lắm cô Năm à - nói cô đừng buồn, chớ thực quả là tôi thấy cái bánh tôm chiên bán ở tiệm, ở quán, ở chợ trong mười một quận đô thành nó vẫn thế nào, chớ không như cái bánh tôm ở đường Cổ Ngư Hà Nội. Cái bánh tôm chính cống Hà Nội không có khoai lang tẩm bột đánh với trứng vịt rắc lên trên, nhưng là thứ bánh chỉ hoàn toàn có bột và tôm thôi, ăn vào không ngán mà lại thơm, chấm với xì dầu, giấm ớt, ngon không chịu được. Anh muốn ăn chiên già hay chiên non, tùy ý; nhưng chiên già hay chiên non cũng vậy, ăn cái bánh ấy, tôi đổ người nào lại không da diết nhớ lại

lúc còn đi học, kẹp cái cặp vào hai đùi, đứng ăn hai ba xu bánh tôm như thế và húp xì dầu giấm bao nhiêu cũng chưa thấy “đã”. Cái bánh tôm ấy, ăn không cần kèm các thứ rau, đã ngon rồi. Bánh tôm ở trên con đường Cổ Ngư chính là thứ bánh ăn theo kiểu đó - mà chưa biết chừng lại thú hơn vì nhiều lẽ khác: vừa ăn bánh, mình lại vừa được trời quạt cho khỏi nóng; thêm vào đó, sóng nước lại rì rào đập vào bờ như hát ru mình, trong khi mắt mình được thưởng thức không biết bao nhiêu cái nồn bà của biết bao nhiêu người. Ồi, vào những buổi chiều như thế thì nam thanh nữ tú thiếu gì, chỉ sợ anh nhìn không xuể. Mà thương nhất là mắt cô nào cũng như mơ, nhìn anh mà anh biết ngay là thương yêu anh thực sự, y như thể mẹ thương con, em gái thương anh trai vậy.

Càng về tối, sóng càng tràn mạnh hơn vào vệ cỏ. Bây giờ, anh không còn thấy sóng rì rào nữa, nhưng có vẻ như thủ thủ ân tình. Vừa lúc đó, người hầu bưng một đĩa trái cây tráng miệng lên. Bà ấy cầm một que bồ quân đưa lên miệng thì chính là lúc ông cũng vừa ngồi sát lại với bà ấy hơn chút nữa và bắt đầu kể chuyện ngày xưa:

“Ngày xưa - mình cũng chẳng nhớ là vào triều đại nào - có một ông vua nước ta đem quân sang đánh nước Chiêm Thành. Anh không nói giỡn đâu: nước mình ngày xưa hùng lắm, phần nhiều các nước hùng đều coi nước nhỏ là tiểu yêu, không ra gì. Nhưng nước nhỏ còn khu-ya mới chịu đầu hàng. Quân ta bị Chiêm Thành chống lại, gặp nhiều trận thất điên bát đảo. Có một lần chính nhà vua bị vây ở trong rừng núi và tưởng chừng

phen này có thể cùng nhả răng chết đói, nhưng may làm sao giữa lúc khổ lên khổ xuống như thế thì chim rừng ở đâu bỗng tha đến cho một loại trái cây nhỏ xíu, lớn hơn quả găng một chút, nhưng đẹp một màu huyết dụ mà ăn vào thì lại ngọt, có hạt nhỏ như hạt vừng. Trái ấy nuôi tạm quân ta một hai ngày để cho ta kịp thời sửa sai, mở một đường máu ra để thoát.

“Trái ấy là trái bồ quân em đương nhắm nháp đó, em! Có nơi gọi là bồ quân, có nơi kêu là hồng quân, nhưng chính tên nó là phù quân, vì nhà vua nhớ lúc bị vây, có loài chim đem loại trái cây này để cứu, nên gọi như thế để kỉ niệm một thứ quả đã cứu vua chúa và quân quan thoát nạn”.

Điểm đặc biệt nhất của bồ quân là không ăn từng vốc hay từng chùm, mà ăn từng trái, như trái sơ ri; nhưng sơ ri

bán từng lon, chớ bồ quân thì xâu vào một cái que, mỗi que chừng dăm sáu trái, khi nào ăn thì tĩa ra từng quả để cho mình vừa suy nghĩ vừa ăn.

Nói không phải nịnh, chớ miền Nam nước Việt nhiều trái cây không chỗ nói, mà trong đó có nhiều thứ ở Bắc không thể lấy giống đem ra trồng. Muốn trồng thế nào, xoài trong này đem ra ngoài ấy cũng thành ra muỗm, còn sa-bô-chi-ê, vú sữa, sầu riêng, cóc, ô ma, măng cụt... cho đến lúc đất nước chia đôi, tôi vẫn chưa thấy ai gây được giống... Ít lâu nay, ta đã thấy có trái sấu bán kí lô cho túi ni lông để các bà nội trợ mua về nấu canh; ta cũng thấy quất, hồng lạng, cam sành... nhưng riêng tôi cảm thấy như từ một thế kỷ nay không được trông thấy trái phù quân xâu vào que là một, quả nhót là hai,

quả cây là ba, quả vả là bốn, quả hồng bì là năm...

Thật ra lúc nào thức đêm nhiều xót ruột, chán cơm, nhấm nhót trái cây của miền Nam nước Việt thân yêu, tôi vẫn nhớ đến năm người bạn lâu ngày không gặp đó, nhưng sang đến tháng Năm tôi phải nói thực là có lúc nhớ quả nhót đến thèm... rõ dãi!

Ấy là vì tháng Năm là mùa nhót, nhưng làm cho tôi nhớ nhót nhiều chính là tại vì nhà nào ở Bắc, vào ngày tết Đoan ngọ, mồng năm tháng Năm, cũng giết sâu bọ bằng rượu nếp, mật, nhót và bỏng bột. Ồ, mà nghĩ cũng thần tình thật. Sống vào cái thời đại mới này, mỗi khi muốn phát động một chiến dịch gì, gây một phong trào gì, kỉ niệm một ngày lịch sử gì, ta vẫn thấy dán khẩu hiệu âm

âm, bắc loa đi cổ động nhân dân sa sả, thế mà có nhiều lúc nhân dân cũng lười biếng chẳng theo; vậy mà sao cứ đến mấy ngày lễ vớ vẫn ở đâu, chẳng cần cổ động, chẳng căng biểu ngữ, chẳng hô khẩu hiệu mẹ gì mà dân vẫn cứ tự động theo răm rắp? Cứ lấy cái thí dụ người mình, nghìn nhà như một, vạn nhà như một, tự động ăn tết Đoan Ngọ thì đủ biết.

Ở thành thị vào cái tháng này, người ta lo làm ăn. Mỗi phố tổ chức lễ vào hè riêng biệt đã phờ rầu ra rồi. Còn ở nhà quê, càng bận, vì tháng Năm là tháng làm mùa:

Tháng Tư đi tậu trâu bò,

Để cho ta lại làm mùa tháng Năm.

Sớm ngày đem lúa ra ngâm,

Bao giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra.

*Gánh đi, ta ném ruộng ta,
Đến khi lên mạ thì ta nhổ về.
Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê,
Cấy xong rồi mới trở về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười, còn độ một hai.*

Ấy thế mà tôi đổ ai thuyết phục nổi nhà quê cũng như thành thị đến ngày mừng năm tháng Năm cú cắm đầu làm việc, không ăn tết Đoan Ngọ đấy. Không bao giờ, không bao giờ.

Đến cái lớp tôi lớn lên, bị ảnh hưởng của văn minh Âu Mỹ cứ kể đã là sâu cay lắm, tôi cứ phải thú thực là không có một năm nào tôi bỏ được cái tục giết sâu bọ - mặc dầu tôi đã làm cách mạng bản thân, không nhuộm móng tay móng

chân bằng lá móng như hồi còn bé tí.

Vào những ngày bé tí ti ti đó, bố mẹ tôi cho người đi mua lá móng về cho vào cối giã từ ngày mừng bốn để đến tối thì phát cho mỗi đứa con một chút. Anh em chúng tôi đem cái thứ lá giã nhỏ đó đắp vào mười đầu ngón chân, mười đầu ngón tay rồi lấy những miếng vải nhỏ quấn lại một đêm để sáng tinh mơ hôm sau, thức dậy mở ra ngắm nghía và hãnh diện vì móng tay móng chân mình đỏ chói màu gạch cua bể luộc.

Bên cạnh cuộc cách mạng nhuộm móng chân móng tay, tôi lại bỏ luôn cái lệ mua “bùa tua bùa túi” để đeo vào nút áo hầu tránh tà ma quỷ quái; nhưng trước sau, dù các ông nhà báo đả kích thế nào cũng mặc, cứ đứng sáng sớm mừng năm tháng Năm là tôi phải giết sâu bọ bằng cháo trắng, rượu nếp và các thứ trái cây

mà vợ đã đi chợ Mơ, Ô Cầu Dền mua cả đồng về từ hôm trước.

Nhớ đến như thế thì làm sao mà quên được là có nhiều lần hai vợ chồng cặm cuội đồ xôi cả ngày rồi rắc men, rồi ủ, rồi đêm thức dậy giở ra xem đã có nước chảy xuống thau chưa và bàn bạc có nên rút bớt lại không hay cứ để nguyên thế cho tới sáng... Này em ạ, cái rượu nếp này ăn thì ngon thật, nhưng làm công phu quá. Hay là từ giờ ta cứ mua bég về ăn, tội gì mà vất vả cái thân thể này, mệt quá.

Vợ không chịu, nhưng rồi cũng chiều chồng. Thực thế, cứ sáng mừng năm tháng Năm, các đường phố Hà Nội ngày xưa đâu cũng sang sảng tiếng rao rượu nếp. Kêu một hàng vào mua, cả nhà ăn, chỉ mất hơn hào chỉ là cùng, nhưng có phần thú hơn của nhà làm, không những

vì các bà bán hàng này là những chuyên viên làm rượu nếp, mà còn vì lẽ nữa là từ cái chén đến đôi đũa của họ cũng hợp lệ bộ hơn.

Mấy năm gần đây, ở miền Nam, người Bắc di cư cũng làm rượu nếp bán rong, đựng rượu nếp vào những cái bát như bát ăn cơm và dùng muỗng để xúc lên ăn như ăn chè đậu xanh, đậu đỏ.

Ăn rượu nếp ra ăn, đâu có tàn nhẫn thế! Cái chén đựng rượu nếp phải là những cái chén nhỏ như chén chè, còn đũa dùng thì là một thứ đũa riêng vót bằng tre cật, ngắn bằng hai ngón tay, tròn trịa, nhọn nhụi mà lớn chỉ hơn cái tăm bông một chút. Tôi van cô bạn đừng có lấy đôi đũa xinh xinh đó để và lùa một mạch vào trong miệng tươi hơn hớn, mà tôi xin cô khẽ cầm đũa xới từng hạt rượu nếp lên, để lên đũa rồi thông thả nhấm

nhót từng miếng nho nhỏ, be bé và cô sẽ thấy cái rượu ấy nó ngọt biết chừng nào, cái nếp ấy nó ngậy, nó thơm, nó bùi, nó bổ biết chừng nào!

Ở miền Nam, tôi đã thử ăn cơm rượu, ăn không và có khi ăn lẫn cả với xôi. Bảo rằng cơm rượu này không ngon, không đúng; mà bảo ngon, lại cũng không đúng nữa. Có lẽ tôi chết vì thành kiến, nhưng tôi cứ phải nói thực là cái thứ cơm rượu viên từng cục nổi lênh bênh trong rượu không gây cho tôi một cảm xúc gì đặc biệt và có nhiều lần tôi đã cố tìm hiểu xem tại sao tôi lại không thú cơm rượu bằng rượu nếp.

Có lẽ yếu tố đầu tiên là việc trình bày, sau đó là vấn đề nếp dùng để đồ xôi làm rượu. Nếu tôi có lầm xin cô Năm, cô Sáu, cô Bảy, cô Tám, cô Chín, cô Mười cứ chỉ dạy cho tôi: rượu nếp Bắc làm bằng gạo

lút, loại nếp cái chưa giã, còn cơm rượu thì làm bằng nếp trắng; riêng hai cái nếp đã khác nhau rồi và cái ngon, cái bùi của hai thứ đó cố nhiên là đã khác biệt hẳn nhau. Kẻ phàm phu này ăn cơm rượu cảm thấy hơi sừng sượng và không mấy đậm. Chớ cái rượu nếp chính cống Bắc Việt thì là một cái gì khác hẳn: nó mềm, nó ngọt, nó lại bùi. Ngọt, bùi và ngậy là vì nếp lút cái nó đã no đủ chất bổ rồi: một hạt nếp ấy để lên trông chẳng khác một con rệp ăn no bụng xệ; còn cái hạt nếp trắng thì nó dài, chỉ lớn hơn hạt gạo tẻ một chút, trông yếu lắm. Còn mềm? Theo tôi, đó là tại vì làm rượu nếp đòi hỏi nhiều công phu hơn làm cơm rượu. Làm cơm rượu, người ta ngâm nếp rồi đồ lên như đồ xôi là đủ. Rượu nếp không thế: người nội trợ sành sỏi không ngâm gạo, nhưng đồ lên như đồ xôi một lần, dỡ ra nia, xả nước, lại đồ lên lần nữa, rồi mới

dỡ ra nia, “sênh” ra, chờ lúc nào nguội mới cho vào rá, cứ một lần nếp mỏng thì lại rắc một lần men làm bằng thuốc Bắc, rồi lấy lá chuối, lá khoai ngứa hay lá sen ủ cả lên. Nước rượu chảy như giọt nước đồng hồ ngày xưa xuống một cái thau đặt sẵn dưới cái rá nếp đồ...

Ai bảo giết sâu bọ như thế là nuôi sâu bọ? Tôi thú thực theo học Tây từ thuở bé, cũng biết ăm ớ nói chuyện khoa học như ai, nhưng tôi xin nói với các bạn một điều: nếu giết sâu bọ như thế là phản khoa học, tôi thích phản khoa học cả đời, vì rượu nếp ăn quá ngon, sướng quá, “thần sâu” quá.

Mà không phải tôi chỉ phản khoa học như thế mà thôi đâu: rượu nếp ăn rồi, tôi lại thích ăn liền roi mạn - hời ơi, mạn Thất Khê to bằng quả đào, cắn một miếng ngập răng mà ngọt, dầm chắc

không có thứ mận Đà Lạt nào sánh kịp!
- ăn luôn cả một vốc nhót cho nó đau
bụng luôn đi, nhưng năm nào cũng “giết
sâu bọ” như thế, tôi chẳng thấy đau bụng
bao giờ hết! Chính vì “được Trời thương”
như thế cho nên ở giữa cái thời buổi mà
người ta kêu là “thời buổi hỏa tiễn” này,
nằm ở cái rốn Sài Gòn mà bài hát ca ngợi
là “đẹp quá”, tôi vẫn hủ hóa, nhằm ngày
tết mừng năm thì cứ “giết sâu bọ” như
thường - bất di bất dịch!

Ở đây, tôi giết sâu bọ bằng uýt-ky,
mạc-ten, rượu Minh Mạng nhắm với củ
kiệu, măng cầu, khế xanh, cóc tím, xoài
ang ca, vú sữa. Vừa giết sâu bọ như thế,
vừa nhớ lại lúc còn ở Bắc Việt, có một
vài lúc, tôi muốn kêu trời lên một tiếng
để xem Trời có cách gì cho tôi được ăn
một quả nhót, và chỉ một quả thôi, để
cho đỡ thèm thuồng, nhớ tiếc... Nhớ

như thế, nào có phải là tiếc nhớ, thèm thường riêng quả nhót thôi đâu, mà thèm thường tiếc nhớ cả một thuở thiếu trời xanh mượt mộng thần tiên, đi học về, mua nhót đầy hai túi áo, lấy ra từng quả xoa vào cái tay áo ma ga cho hết bụi phấn rồi bóp cho mềm, chấm muối ớt, mút sì sà sì sụp.

Đó là nhót chín.

Nhót xanh thì lại nhớ cách khác, nhớ là cứ vào cái khoảng cuối tháng Tư, đầu tháng Năm, vợ mua nhót xanh về nấu canh ăn sướng quá, sướng không biết thế nào mà nói. Cái trái cây gì gớm ghiếc: trông như quả trám màu bạc ố, bóp hơi mềm mà đem nấu canh thì không thể có cái gì ăn ý với thịt thăn hơn: khế nấu riêu cua, sấu dầm nước mắm ớt chấm với rau muống luộc, nhưng nấu canh thịt ba chỉ hay thăn, để cho dễ nuốt vào mùa hè,

không có gì hơn là nhót. Ăn như thế mới là hợp với... lẽ trời, sai đi thì hỏng kiểu.

Giết sâu bọ vào những ngày mỏng năm tháng Năm mà ăn nhót chín hay nhót xanh đều thú cả. Tôi không biết các nhà khoa học vì lẽ gì bảo giết sâu bọ mà ăn rượu nếp, nhót, mạn thì là nuôi sâu bọ, nhưng tôi thì cho rằng nếu ăn như thế mà có bị Tào Tháo đuổi thì bất quá cũng chỉ là một cách xỏ thôi: người Việt Nam không có cái thói quen uống thuốc xỏ ba tháng Một lần như lời ông đốc tờ chỉ bảo, nếu một năm có trót đại xỏ một lần cho nhẹ bụng, chắc cũng chẳng chết ai đâu mà sợ.

Có lẽ nhiều người nghĩ như vậy nên vào ngày tết Đoan Ngọ họ ăn chí tử; ăn bao nhiêu thứ đó cho là chưa đủ, đến bữa trưa, nhiều nhà lại ăn bún xáo vẹt, tổ thêm dưa hấu rồi đi tắm với nước đun với

lá chanh và vỏ bưởi. Tắm như thế, theo nhiều người, trừ được nhiều thứ bệnh cũng như có nhiều người tin rằng nếu chính giữa trưa mùa hè năm tháng Năm mà trời đổ mưa hứng lấy nước ống máng bôi vào những ngón tay “xước mang rô” thì sẽ hết hẳn, không bao giờ trở lại, hay sắc vỏ cây bưởi bong để uống sau khi ăn đủ các thứ “độc” vào bụng rồi thì không còn sợ đau bụng nữa.

Ấy, chính vì tin như thế, cứ mỗi khi tết Đoan ngọ tới thì tôi ăn thả cửa, chẳng lo âu gì hết và tôi tiếc rằng ở đây người ta không còn được hưởng những thú lật vật như thế nữa. Còn gì chán đời hơn là cứ mỗi khi ăn một thứ gì, uống một chất gì, người ta lại cứ phải tự hỏi xem thức ăn ấy, đồ uống ấy lợi hại ra sao và có đủ chất bổ không.

Bổ càng hay, nhưng thích mà không bổ cũng cứ ăn, ăn cho đã. Ở đây, xoài tháng Năm nhiều vô kể mà thơm, mà ngọt cứ lừ đi, chẳng lẽ vì thấy thuốc bảo là nóng mà phải chịu buộc mồm buộc miệng hay sao? Mà tính tôi lại thích hồng bì, nói đại đồ đi, bây giờ có ai ở Bắc Việt vào cho một mớ, vỏ cứ bóng như da đồng, ăn mới đến môi đã trôi đến cổ, mà bảo tôi đừng nên đụng tới vì sợ kiệt lý hay phi chánh trị, nghe sao... vô được!

Bắc Việt mến thương ơi! Nhớ Bắc Việt ngày trước quá, nhớ sao nhớ quá thế này! Mà càng nhớ lại càng yêu, vì Bắc Việt ngày trước từ việc nhỏ đến việc to, từ khía cạnh này sang phương diện khác, lúc nào cũng giữ nguyên được đặc tính của mình, không bị chi phối, không bị ai cho được vào trận hỏa mù để rồi từ đó bỏ đặc thái của mình đi tìm cái mới lạ

chưa chắc đã là bổ ích, chưa chắc đã hợp với dân tộc Việt.

Đừng ai thấy thế mà bảo rằng mình không tìm tòi, học hỏi thêm. Không. Mình muốn tiến lên, nhưng bảo mình bỏ tết Đoan Ngọ vì nó hủ lậu không hợp thời, nhất định mình không chịu. Có khi chính vì thế mà mình lại yêu tháng Năm hơn nữa cũng nên bởi vì tháng Năm có tết Đoan Ngọ... mà nhớ đến tết Đoan Ngọ là nhớ đến bao nhiêu phong tục của nước ta đã tạo nên một nền văn hóa oai hùng mà bao nhiêu ngoại nhân muốn cắt ngọn đều tỏ ra bất lực.

Trời tháng Năm nóng quá, đến nửa đêm mới bắt đầu có ngọn gió phe phẩy đuổi cái nóng đi. Hai vợ chồng kê cái giường tre ra nằm ở dưới gốc bưởi

trước nhà, nhắc lại cái bữa bún xáo vẹt buổi trưa không được hoàn toàn xứng ý vì măng ninh chưa nhừ. Mặc dầu có gió mát rồi, chồng vẫn quen tay quạt cho vợ và nói nhỏ:

– Làm thế đã ngon chán rồi, đừng nghĩ nữa. Ngủ đi. Em không biết đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng đấy ư?

Chập chờn nửa tỉnh nửa say, vợ đáp lại chồng, nhưng nói như thế là nói cho chính lòng mình nghe vậy.

–... Chưa nằm đã sáng thực, nhưng đêm ngắn lại càng hay, chớ có làm sao đâu. Em yêu đời quá, mình ơi, ngủ nhiều thấy phí phạm quang âm quá.

Bên kia bức tường hoa, con đồ vũ sấu đưa giọng khắc khoải trầm trầm như ru

người ngủ vào một thế giới đầy những
lầu hoa điện ngọc, thỉnh thoảng lại bay
lên ngạt ngào tiếng địch quyện vào bóng
lá của những hàng thùy dương xanh biếc.

Vũ Bằng

ĐÓN COI :

ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

tiểu thuyết của MAI THẢO

* Thế giới ngọt ngào, đồn nén của
những người đàn bà tình nhỏ, đẹp lộng
lẫy và vô ích, mà tình yêu là một nỗi loạn
cùng đường, không lối thoát.

* Những đời người, qua những cái bé nhỏ ghê gớm và những cái dịu dàng khốc liệt.

* Hiện tượng tan vỡ kỳ lạ của những trận tình bị hủy diệt ngay từ khi vừa bốc cháy.

* Qua hơn 300 trang sách nồng nhiệt, lôi cuốn từ chương đầu tới chương cuối cùng.

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

Khê Kinh Kha

Nhớ lúc xa cố thành

*chiều đông này ngời nhớ một quê
hương*

*mái tranh đơn và bếp lửa mến thương
đêm mơ ngủ nghe giọng hò văng vẳng
nhịp chèo nào nổi xé rách trăng non*

*nhớ mưa dầm nghiêng nghiêng vành
nón lá*

*lòng trinh nguyên tình ươm một môi
cười*

*mây lãng đãng dưới dòng sông tư lự
em qua cầu tóc rối cả thơ tôi*

*nhớ lâu Nguyệt đêm sương ngời đang
mộng*

*lòng thần thờ mơ ước dậy menh mông
lỡ sống rồi một tuổi đời đắm đuối
nên chiều nay nghe lạnh suốt hồn
buồn*

*xa cố thành rưng rưng từng phiếm lệ
dòng sông xưa còn chảy mãi trong tôi
sao tôi mãi là chim trời đơn lẻ
còn gì không hỏi Huế nhớ thương ời ?*

CÔI XA VỜI

Nguyễn Thị Hoàng

Đến xế trưa, nhóm du khách dừng xe ở một nhà mát ăn chênh vênh bên sườn núi tím. Tòa nhà gồm ba dãy, hai dọc một ngang, ở giữa tạo thành một khoảng sân vuông rộng thênh thang bốn bề sáng rực rỡ dưới nắng vàng với những dãy hàng rào tía tô tím cao quá đầu, những khóm hồng trang, mẫu đơn và tường vi núi quắn quít lên những giàn cây mỏng manh lọc bóng trời xanh. Đó là một thứ quán ăn

thanh lịch và sang trọng xây cất theo lối những trang viện đặc biệt với cột nóc đỏ chói, mái gạch tươi và tường trang trí với tranh cổ, hoành trướng đặc biệt phong vị của một Trung hoa cổ điển. Từ sân, nhìn xuyên qua nhà mát, khách có thể trông thấy khoảng bờ cây xanh ngắt rợp nắng sau trang viện, tiếp giáp với những bãi cỏ xanh rờn chạy mãi miết về phía chân núi tím bát ngát, như mọc thẳng lên tận thêm trời chắt ngắt trên kia.

Họ gồm có chín người, hai cặp vợ chồng, và hai cặp bạn bè. Với một người nhỏ tuổi lẻ loi. Hai cặp vợ chồng từ đầu chuyển đi, khi ăn uống, lúc mua sắm đều đi cặp với nhau, ngồi gần nhau, chuyện trò với nhau thành một tay tư tâm đầu ý hợp. Hai cặp bạn đàn ông, một trẻ và một già, cũng không rời nhau nửa bước. Cho nên người trẻ tuổi càng cảm thấy cô

độc hơn trong chuyển đi, nhưng không thể và không muốn tách rời những người kia, vì không phải chỉ dạo chơi suông, mà với sứ mạng đặc biệt, mỗi người với một phận sự, một trọng trách, cần có mặt và liên kết nhau thường trực mới thi hành được.

Họ chỉ có được một ngày độc nhất để nghỉ ngơi, du ngoạn nên muốn đi xa thành phố. Lẽ ra họ đi Đài Trung để tới Nhật Nguyệt Hồ, nhưng vì đường quá xa không kịp thưởng thức đủ hương vị tuyệt vời của miền này theo lời kể lại của những người đi trước, cho nên cuối cùng đành quyết định tới Hoa Liên, kiếm một chút nắng vàng, và ngắm cảnh đường chênh vênh dọc theo núi cao và vực sâu, thường đọc thấy trong sách kiếm hiệp.

Nhà hàng đã dọn xong cơm. Đường Xa, bụng đói, cảnh trí nên thơ và huy

hoàng, làm cho mọi người chìm đắm trong một thứ khoan khoái kỳ diệu, tưởng chừng đang sống trong một khung cảnh nào giả tưởng.

Vì ăn xong khách còn phải tiếp tục lên đường, nên dặn nhà hàng làm nhanh và dọn ngay tất cả những món ăn một lúc, không nhấm nháp hết món này tới món khác như những bữa tiệc quanh cái bàn tròn có mâm quay ở thành phố.

Món ăn gồm một đĩa lớn gà xào hạnh nhân rang thơm nức mùi gia vị ngọt và cay, một con cá lớn dài chiên vàng ruộm đặt trên chiếc đĩa bát tiên hình bầu dục, phủ nước sốt vàng cháy, và trang điểm lộng lẫy với những tai nấm tròn màu vàng nhạt, những lát măng cắt tía hình ngôi sao, những lát hải sản và bào ngư cắt xéo, những khoanh hành và những cụp ngò xanh thơm bên cạnh những lát ớt chín

đỏ tươi. Một cái thố khổng lồ chiếm hết một phần bàn giữa óng ả màu nước canh vàng nhạt loáng thoáng những cọng rau, hành tươi mát. Một đĩa tôm càng lột nửa vỏ chiên vàng xếp quanh đĩa men trắng với những rau trái đủ màu cắt tỉa xếp chồng chất thành khóm cao ở giữa.

Người trẻ tuổi nhìn đồng bọn vui vẻ ăn uống im lặng, tay cầm đũa nửa rã rời nửa bâng khuâng, thỉnh thoảng lại nhìn qua bên kia sườn núi, mơ màng.

Người khách già nhất trong bọn lên tiếng:

– Lại nhớ người nào rồi, phải không, đã bảo là không thể một mình mãi được mà.

Người trẻ tuổi cười buồn bã:

– Đêm qua không ngủ được, mệt quá.

– Tại sao, nếu không phải vì trần trọc thiếu một thứ gì. Đã bảo, cứ đi chơi đi, lại ở trong phòng ru rú. Sao cậu không chịu hưởng, không chịu chơi.

Người trẻ tuổi không nói nữa. Làm thế nào cho người khác hiểu những ý nghĩ thầm kín của mình. Đối với họ, muốn vui là tìm chơi. Nhất là ra tới ngoại quốc không tìm thưởng thức một món lạ nào thì thật là ngu độn, điên khùng và quỳnh hết nước nói. Người ta rủ nhau đi chỗ này, chỗ nọ, sục sạo đủ các thú thú vui, và vui lại những thú vui nhiều lần sau đó bằng cách kể lại cho nhau nghe, tỉ mỉ, hả hê, từ nơi chốn cách điệu, những đặc biệt của một cuộc chơi nào đó.

Còn người trẻ tuổi luôn luôn có đó,

nhưng xa vắng, tách rời, u uẩn, như sống cho một đời sống nào xa vắng đâu đâu. Nhớ mong một nỗi gì, khát khao một điều gì không bao giờ tới.

Thực ra chàng cũng biết là có nói ra, hay làm cách nào thì cũng là vô ích. Người đàn bà buổi tối hôm nào chỉ là bóng dáng. Một thứ bóng dáng mông mị uyển chuyển với tấm xương xám gấm trắng in những hình rồng uốn lượn màu xanh biếc, với cặp mắt sắc long lanh và đôi môi hồng tươi chúm chím, một nụ cười nửa bí ẩn, nửa gợi tình, mời mọc. Nhưng mà yên lặng. Họ như ở bên này và bên kia một tường kính trong vắt, nhìn thấy nhau đó nhưng không có đường nào qua đến bên nhau. Họ nhìn, đắm say, mong mỏi, nhưng im lặng. Một thứ tình trong suốt, lênh đênh, như làm bằng tơ vương, sương khói và ảo giác

phơi phới mênh mang trong lòng, có đó như không, thường xuyên ám ảnh mà tưởng chừng xa vời, vô vọng, mịt mù. Một người khác trong bọn cười tủm tỉm:

– Tại sao đêm qua cậu không ngủ, hay là mò xuống Bắc Đẩu².

Người thanh niên cười, lắc đầu:

– Họ rủ, mà tôi không muốn đi.

– Cũng may, cậu đi thì chưa chắc còn tiếp tục nhập đoàn để hoàn thành sứ mạng mình.

– Anh nói gì?

– Tức là cậu không ra về nổi.

Cả bọn phá ra cười thích chí với những ý tưởng vui thú ngấm ngấm nào đó.

² Xóm ăn chơi của Đài Bắc.

– Cậu nói thật, sao hôm qua không ngủ.

– Từ đầu hôm tôi trần trọc mãi không ngủ được nói thật là hể nhắm mắt lại có cảm tưởng như chuông điện thoại hay chuông gọi cửa reo lên, và cứ trong cảm tưởng bị đánh thức, bị kêu gọi như thế, nằm chập chờn cho đến ba giờ sáng.

– Mỗi đêm, ngủ từ ba giờ sáng, mới thực là đàn ông.

– Nhưng từ ba giờ sáng, tôi cũng không ngủ được.

– Vậy thì nhất định cậu đói thứ gì rồi, coi chừng ốm.

Những thức ăn dần dần vơi trong đĩa. Những câu chuyện không đâu rời rạc. Mọi người lim dim buồn ngủ. Người trẻ tuổi nhìn ra sân nắng vàng hoe, nhớ

lại điều gì. Chàng thấy mình như đang đi trong những lớp mây nhẹ mỏng, bên dưới là vạn triệu tầng thỉnh không vắng ngắt, tai lắng nghe tiếng vi vu của yên lặng và gió trời từ cõi nào xa xăm dạt tới. Chàng nói:

– Đêm qua, có một chuyện kỳ lắm, xảy ra, trong hành lang, trước phòng tôi.

Câu nói bất ngờ vụt vào những tâm thần mê nửa thức nửa ngủ, làm choáng trên da thịt và cảm xúc một thoáng lạnh rợn người. Ông già tốc bung người lên như con mèo đói chợt thấy bóng chuột non.

– Vào khoảng ba giờ đêm?

– Hơn, hơn ba giờ, lúc ấy, tôi định dỗ ngủ, bằng cách gạt tất cả mọi ám ảnh ra khỏi ý nghĩ, không nhớ và không nghe

tiếng gì, điều gì nữa hết. Tôi trong suốt và lắng tĩnh lạ thường phút đó. Cứ như thế, tôi mê mê thiếp thiếp chơi vơi trong cảm giác lênh đênh bay bổng cõi nào đã ngoài sự sống mà cũng chưa tới cõi chết. Các ông có khi nào lắng nghe chính cái cảm giác rờn rợn, lạnh lẽo, vắng ngắt vào một hoàn cảnh và giờ giấc tương tự như vậy không. Không phải cảm giác mà ảo giác. Nó làm cho mọi vật xung quanh mình, có thực đó, nhưng mà đang biến đổi đi. Cái bàn cái ghế, những đồ đạc trong phòng bằng những chất cứng, nhưng hình như nó mềm nhão và nhẹ xốp như bông tơ. Cả màu sắc thì lung linh mờ mịt lạ lùng, như những tấm màn màu cam, sàn nhà thảm đỏ, những cái ghế nệm màu vàng, chúng nó nhập nhòa, trộn lẫn và trôi chảy như bị cuốn theo một dòng luân lưu kỳ dị nào đó, một luồng khói, một dòng nước, hay một làn hơi chẳng hạn. Trần thì như

cao hẳn lên, cho ta cảm tưởng bị chìm xuống tận cùng một đáy sâu nào không còn đường lên tới bờ. Bốn bề tường thì thật là lạ, có lúc nó chập choạng gần sát lại bên ta, như một cái hộp giấy hoa đủ màu, có khi nó tản ra, loãng rộng, thành chơi với không cùng tưởng chừng đi suốt mấy ngày cũng không giáp bờ vách bên kia. Còn cả thân thể mình như bị ru, bị đẩy, trên những đợt sóng lạnh lẽo, êm nhẹ, và biến ảo vô chừng. Toàn thể là cõi thanh vắng, như ngoài kia không còn một sinh vật nào, ngày mai không bao giờ tới, mặt trời không bao giờ mọc lên trên mặt đất, và rồi những tiếng động cũng cứ thế, chôn vùi đi vĩnh viễn trong những tầng tối tăm nào đó. Thứ tiếng vi vi của lặng yên, nghe trong chiêm bao hay trong cõi mộng, cũng đến chừng đó thôi. Nằm im như thế mở mắt, tôi nhìn và nghe thấy tất cả những biến ảo xung

quanh, đúng là như thế đó. Nhưng mà nếu nhắm mắt, rõ ràng, hể cứ nhắm mắt lại, là tưởng như có người nào quanh quất trong phòng, không phải người, thứ hơi ấm của một sinh vật có mặt nào đó quanh tôi. Tôi mở mắt, bật đèn đầu giường, nhìn về phía buồng tắm. Tôi vẫn sợ cái buồng tắm từ đêm đầu tiên ngủ một mình trong căn phòng lộng lẫy rộng thênh thang đó. Trước khi đi ngủ, tôi phân vân mãi không biết nên đóng hay mở cửa buồng tắm, nên tắt hay chong đèn trong đó suốt đêm. Đàng nào thì tôi cũng không chạy thoát khỏi cả hai ảo giác kỳ quái. Mở cửa, tôi tưởng như khi tắt đèn, có người nào đó trong phòng tắm sẽ bắt thần và dễ dàng đi vào giường tôi, bất cứ lúc nào. Có thể họ ló đầu ra từ khung cửa buồng tắm lúc tôi vừa ngủ, và suốt đêm một cái đầu nào đó cứ ló ra, bất động từ cửa buồng tắm

như thế, để nhìn tôi ngủ. Nhưng nếu đóng cửa, và tắt đèn, thì phòng tắm sẽ biến thành một chỗ khác, cách biệt, cắt lìa ra khỏi khoảng không gian của phòng tôi. Và vì nó biến thành chỗ khác lạ, nên tôi tưởng như trong đó có nhiều hay một người nào đó đang chuẩn bị, sắp đặt điều gì để bắt thẩn, một lúc nào đó, xông ra phá phách tôi. Thành thử, tắt đèn hay mở đèn, mở cửa hay đóng cửa bên phòng tắm, tôi vẫn, trong cả giấc ngủ, thỉnh thoảng choàng tỉnh dậy, nhìn qua bên ấy, dò chừng động tĩnh. Vì vậy mà, đêm qua, trong lúc dễ ngủ, tôi vẫn phải liếc chừng về phía buồng tắm. Đêm qua thì tôi mở cửa và chong đèn trong ấy. Vậy mà, khi nhìn vào, đúng vào lúc sắp ngủ hẳn, thì thấy màu đèn mờ đi, loãng ra, như biến thành một loại ánh sáng nào khác. Và khoảng cách từ giường tôi qua cửa phòng tắm cũng như xa hơn lên. Tôi

lặng nghe. Không có tiếng gì khác lạ cả. Chính trong lúc đó tôi cảm thấy hoảng sợ một điều gì không hiểu, và muốn chạy bung ra khỏi phòng. Tôi cảm thấy bị vây, bị đuổi tới gần, quá gần, không trốn được nữa. Tất cả tri giác tôi như mở toang ra, nổ bung lên, mỗi lúc một đón nhận hết nỗi thăng thốt cùng cực kia, mà thật tình thì không hề có điều gì xảy ra cả, từ trong tôi, cũng như bên ngoài. Đúng vào lúc đó, tôi bỗng nghe, nghe hay tưởng chừng nghe thấy cũng không rõ nữa, có tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa phòng. Trái tim tôi như chìm xuống mất hút trong ngực lúc đó, và cả người dựng đứng lên, thẳng tắp, bất động. Tôi bước từng bước nhẹ, chậm, ra cửa, đứng nép sang một bên, chờ đợi im hơi, nín thở. Một lúc lâu, thật lâu, tôi lại cảm thấy có ai ngoài kia cánh cửa, tiếng gõ lần này nghe rõ và lặng hơn, không còn là

tưởng chừng như trước nữa, mà có thật. Tôi sờ tay vào quả nắm bằng đồng lạnh ngắt. Trong một chớp mắt, tôi không thể tưởng tượng được điều gì sẽ ập vào khung cửa. Rồi thì...

Ông già tóc bạc bồng góc đầu lên, che tay ngang mày, hắt hơi một tiếng. Tiếng hắt hơi làm mấy người quanh bàn tròn giật bắn người lên. Hai người đàn bà nép sát vào người chồng, ngồi im phăng phắc. Những cặp mắt mở lớn dán vào đôi môi mấp máy của người thanh niên. Bên ngoài nắng vàng mờ đi và gió núi khỏa xuống chừng như mang mang một lớp sương giá buốt.

– Hình như tôi đã nhắm mắt một thoáng trong lúc mở cửa. Và khi cánh cửa mở ra thì...

Ông già la lên:

– Con ma.

Mọi người thót người lại, nhưng có gì thảng thốt hãi hức trong tiếng kêu của ông già làm cho tất cả tỉnh lại, nhận ra người thanh niên đang kể chuyện và cả bọn đang ngồi ven núi cao, trên đường đi, quanh bàn ăn dở dang. Người trẻ tuổi tiếp, nghe cơn lạnh bất thần chồm lên da mình:

– Ma à, không. Không có con ma nào cả. Nếu lúc đó, cửa mở, một con mà hay con quỷ lừng lững lướt vào phòng với hình nét kỳ dị quái gở kinh khiếp thế nào, có lẽ tôi cũng không cảm thấy sợ hãi và hoang mang. Ma thì không có không gian và thời gian nào cả. Nó đến bất cứ giờ giấc ngõ ngách, hình dạng nào rồi chính nó đi về lẫn quất trong ta cũng được nữa. Nhưng mà vì không phải con ma...

Ông già vớ ly rượu ngũ gia bì, nhấp một ngụm khà hơi thở hùng hực ra mũi:

– Vậy thì đích rồi. Một người đàn bà. Tuyệt, thảo nào thằng này nó chả thèm đi Bắc Đẩu Bắc Đắc mẹ gì cả. Chính có tới gõ cửa phòng là sướng chết bà đi rồi.

– Cũng không hẳn như vậy. Đúng ra là một người. Một người, bình thường, tầm thường, đến phát chán là khác. Nhưng mà các ông biết không. Một người bình thường lại xuất hiện bằng giờ giấc và đường nẻo của quỷ ma thì còn ớn hơn cả quỷ ma...

Một người trong bọn sốt ruột gắt :

– Thôi nói lẹ coi là ai, cứ lòng dòng phê phán mãi.

– Cửa mở, và một người con gái hay đàn bà gì đó, đứng ngay lưng lửng trong

tầm mắt tôi. Nó đứng im nhìn tôi, không nói năng, không nhúc nhích, y hệt như một người chết rồi ai đặt dựng đứng đó từ bao giờ.

– Đẹp à ?

– Không Trong hành lang tối mờ, tôi không trông rõ được mọi sự, nhưng nó thuộc cỡ thường, xoàng, nghĩa là không làm thích mắt nhìn, nhưng cũng không phải là xấu, vì còn... xài được...

Không khí giãn ra với những tiếng cười vui vẻ, khoái trá.

– Rồi cậu có xài không.

Người thanh niên không đáp, nhìn ra đợt nắng vàng khảm trên sườn núi tím, bâng khuâng điều gì. Một lúc trầm ngâm, gã nói tiếp:

– Tôi là người lên tiếng trước. Tôi hỏi
hắn: “Cô hỏi ai.”

Nó nói mặt không thay đổi:

– Tôi tìm một người đàn ông.

– Ở đâu?

– Trong phòng này.

– Trong phòng này không có ai cả.

Nó nhìn vào bên trong, qua vai tôi :

– Người ta gọi tôi tới đây.

– Cô lầm phòng rồi.

– Số này mà, không lầm.

– Trong phòng không có ai ngoài tôi.

Mà tôi không gọi.

Cô ta như không tin, nhướng mắt
nhìn trần trần một cái gì sau lưng tôi, làm

tôi cũng quay đầu nhìn lui. Rồi nó lại im lìm và bất động với dáng dấp cũ. Bây giờ tôi nhận ra nó mặc một cái quần dài đen, cắt kiểu tây, bó chèn lấy đùi, và khoác một loại áo mỏng, nịt sát thịt da, màu đỏ sẫm. Mớ tóc ngắn, gọn, rối thành từng múi tròn gần sát da đầu. Mái tóc làm cho hai con mắt có vẻ tròn hơn, và cái nhìn lộ ra, như nuốt chửng người trước mặt. Không nhìn thấy một vết phấn son trang điểm nào trên mặt nó. Tôi nghĩ ra nó là thứ gái đi đấm bóp, với hai cánh tay tròn lẳn và thân thể chắc nịch, mạnh mẽ. Một lúc, nó cãi tôi :

– Quái lạ, nhất định là người trong phòng này gọi tôi.

Tôi hỏi móc:

– Gọi cô để làm gì.

– Ông không phải là người ấy. Tôi
lầm.

– Cô biết mặt người cô tìm.

– Không.

– Sao lại biết không phải tôi.

– Vì ông không nhận ra tôi ngay.

– Nếu tôi nhận ra bây giờ thì sao.

– Tôi không tin người gọi là ông nữa.

Tôi băn khoăn, ngó ngán:

– Nhưng gọi cô để làm gì.

Cô ta lắc đầu, không nói. Rồi bỗng
nhiên, hai chân xê dịch rất nhanh, cô ta
lại lắc đầu, ra vẻ bối rối và thất vọng vô
cùng:

– Tôi lầm, thật là tôi lầm, xin lỗi, xin
lỗi.

Không hiểu vì sao tôi bỗng đóng ập cánh cửa lại, bực bội. Nhưng chính vì vẻ bực bội đó, tôi cảm thấy hối tiếc một điều gì, và lại mở cửa ra ngay tức khắc. Tôi định hỏi rõ cô ta xem cần gì và tôi có thể giúp gì, như tìm cho ra phòng nào, người nào gọi cô ta chẳng hạn. Thì, cánh cửa mở ra, tức khắc sau khi đóng lại, tôi không nhìn thấy cô ta đâu cả. Tôi lướt nhanh mắt về phía những cánh cửa phòng bên cạnh. Bốn phía im lìm. Không một mảy may dấu vết gì chứng tỏ một trong những cánh cửa kia đã vừa mới mở ra và đóng lại cho một người nào vào trong phòng. Không gì kiểm chứng điều đó, nhưng tôi tin chắc chắn là như thế, không một cánh cửa nào mở ra kịp để đón người con gái vào, nhanh trong một chớp mắt nhắm mắt của tôi. Ngay cả phòng kế cận của tôi, nếu có người đứng sẵn sau cánh cửa, mở ra cho cô ta vào và

đóng ngay lại trong thời gian chớp mắt của tôi, thì cũng không thể nhanh đến như thế. Dù sao tôi cũng hơi nghi ngờ cánh cửa phòng gần nhất, có thể là với sự tình cờ nào đó cánh cửa đã mở ra và đóng lại tức thì cùng một lượt với cánh cửa phòng tôi đóng mở, và cô ta thoát vào trong đó. Nhưng tôi cũng chợt nhớ ra ngay, phòng bên cạnh là của ông đây mà.

Người trẻ tuổi chỉ vào ông già tóc bạc, mặt mày đỏ gay, hai mắt lộ ra khỏi tròng, chăm bẳm nhìn người kể chuyện và cũng người vì câu nói bất thần của hắn, nhưng mọi người lại nhìn lăm lăm ông già và cho rằng ông ta đỏ mặt vì một lý do bí ẩn khác. Một người nói toang ý nghĩ của mình ra:

– Vậy thì đúng là người kia vào trong phòng bên cạnh rồi. Đúng là phòng của

ông già rồi.

Mọi người cười ồ lên. Người thanh niên gỡ rối cho ông già tóc bạc.

– Tuy nhiên, tôi không có cảm tưởng gì là cô ta biến vào một phòng bên cạnh cả. Tôi nhìn những lối khác. Phía trái tôi là khung cửa lớn, buông màn dài tận sàn thảm, bên ngoài cánh cửa là một khung lan can nhỏ hẹp đóng khung. Dưới kia là chín tầng lầu thăm thăm, chỉ còn cách bay mới có thể ra nhanh bằng lối ấy xuống đất. Còn ngả đằng kia, phía thang máy, cầu thang thì từ nơi tôi đứng cho đến ngã rẽ vào thang máy, là một lối hành lang dài thăm thẳm, đi nhanh cũng mất mấy phút. Một chớp mắt tôi không thể kéo dài suốt cả mấy phút. Như vậy là tôi có thể kết luận cô ta không vào đâu hết, không ra đâu hết. Mà trong khi tôi đóng cửa lại mở cửa ra, đã biến mất đi. Ý

nghĩ cô ta vừa biến đi làm cho tôi đứng lặng một hồi lâu, bàng hoàng lạnh lẽo trong khoảng hành lang vắng ngắt. Tôi nghĩ mông lung. Giờ đó cổng ngoài của khách sạn khóa kín bằng một dây xích sắt khổng lồ. Những cánh cửa tự động bên trong cũng đóng. Phòng khách dưới kia không ai làm việc trừ một người độc nhất gác điện thoại, và trực cho các công việc bất ngờ. Nhưng cô ta thì có vẻ bơ phờ và mới tới từ đâu xa. Tóc còn nổi gió và nét mặt còn vương vất khí lạnh ở ngoài trời. Tôi đuổi theo khắp những dãy hành lang, xuống thang máy, đi khắp cả mấy tầng cao thẳm như bóng ma. Không một bóng người hay dấu vết của một ai vừa lai vãng.

Tôi trở về phòng. Khóa cửa lại. Tắt hết đèn phòng tắm. Mở sáng đèn ngoài. Ánh sáng bây giờ lạnh vắng và buồn bã

như trong phòng một bệnh viện. Tôi kéo chăn lên tận ngực cổ nằm yên. Nhưng chỉ một lúc tôi cảm thấy có ai đang gọi điện thoại. Tôi tưởng như có tiếng chuông reng, xa lắc. Tôi nghe tiếng có người gọi, ới ới, hun hút. Tôi cầm ống điện thoại lên. Ống điện thoại mát lạnh. Tôi hỏi bừa và bỗng sợ tiếng nói mình đến rợn cả người, ai đó, ai gọi. Im lặng đáp lời. Tôi gác máy xuống. Tôi nhắm mắt để đuổi ánh đèn trắng nhạt ra ngoài ý nghĩ và thị giác. Đúng lúc đó, tôi lại cảm tưởng có người gõ cửa, hay chính tôi lại nghe lại trong hồi tưởng, tiếng gõ cửa lúc nãy. Tôi nhồm dậy thật nhanh, chạy chân không ra, mở bung cánh cửa. Một luồng gió ẩm đậm phả vào mặt lạnh buốt. Tôi chạy thẳng ra đầu ngã ba hành lang, chỗ rẽ vào thang máy. Nốt hồng hình trái tim chỉ lồi lên xuống của hộp thang máy bất động chỗ của nó. Không

một ai, một tiếng động, một dấu vết gì cả. Tôi đi về phòng thật nhanh. Tôi nghĩ là vì mất ngủ, tâm thần bất định và vì chờ mong thái quá một điều gì vô vọng đâu đâu, lại bị hoảng hốt bất thần như vậy. Tôi tắt hết đèn, đắp kín người, và nằm im, hồi hộp, rã rời như thế tới sáng. Bây giờ người tôi như nhão ra đây. Tối nay về lại khách sạn, tôi sẽ uống thuốc ngủ, hoặc nếu có ai rủ đi đâu, tôi sẽ đi suốt sáng còn hơn. Biết đâu rồi lại còn chịu đựng một đêm như đêm hôm qua.

* * *

Buổi sáng, người trẻ tuổi thức dậy với tiếng chuông điện bất thần lạnh lót. Ông già tóc bạc gọi chàng đi ăn sáng dưới tầng nhất, với ông ta. Những người khác trong nhóm đến phiên công tác.

Chàng nói mệt quá, cần ngủ. Ông già nói, uống một tí cà phê cho tỉnh, vả lại, ông ta muốn gặp chàng có việc cần. Họ hẹn gặp nhau bảy giờ rưỡi dưới phòng điểm tâm.

Sương chưa tan hết trong những bờ cây khóm đá ngoài hoa viên. Những nóc và cột sơn đỏ chói của đình thủy tạ kẻ một nét rực rỡ bất thành lên nền không gian xám nhạt. Người trẻ tuổi che tay lên mặt, uể oải trả lời người bồi lại hỏi :

– Coffee. Omelet spanish.

Những thứ tiếng ấy, quá quen, nhàn nhạt như món ăn và thức uống không thay đổi. Tuy nhiên chàng không thể ăn sáng bằng một thứ nào khác. Ít ra, với buổi sáng lành lạnh, đĩa trứng chiên vàng, nóng hổi, lẫn quất những lát nấm thật mỏng, những khoanh hành và cà chua

rực rỡ, vẫn làm vui mắt và háu ăn. Tất nhiên là với những lát bánh mì nướng thật mỏng và nhẹ, hình vuông, khô khan, buồn bã, làm thêm một tô bún thịt hay một bát phở với những gia vị thơm ngát ở quê nhà.

Ông già chỉ thích bánh mì nướng với mút đu đủ, dẻo và vàng quánh trong những cái đĩa sâu đáy bằng thủy tinh.

– Cậu ác thế, làm cho nhiều người tưởng là có người đi vào phòng tôi. Hay là tôi gọi người nào đó.

– Họ sẽ không nghĩ mãi như thế, khi tôi nói tiếp câu chuyện.

Ông già nhồm lên:

– Vậy ra câu chuyện còn tiếp.

– Còn.

– Rắc rối nhỉ. Mà ra sao.

Người trẻ tuổi châm một điếu thuốc, thở khói lên bông hoa vàng cắm trong chiếc đũa bình nhỏ giữa bàn.

– Đây là phần riêng của tôi, không tiện nói.

– Chó thật, nếu cậu không nói thì chịu sao được, thà cậu bảo là hết cả chuyện.

– Mà ông nghe làm gì.

– Để nói lại với bọn kia, chúng nghi tôi. Vả lại, tôi tò mò. Cậu làm như người ta là gỗ. Có phải là... cậu gắp lại con kia.

– Đêm qua tôi đi với ông Đạt.

Ông già phá ra cười.

– Có hỏi đâu mà khai. Tôi hỏi cậu có

gặp lại con kia hay không, cậu lại khai là cậu đi Bắc Đẩu, có bỏ mẹ người ta không chứ.

– Ông làm như đi với ông Đạt là chỉ tới Bắc Đẩu, và tới Bắc Đẩu thì chỉ có một mục đích là kiếm gái.

– Chứ còn gì.

– Ông Đạt truy ra vừa có một mục lạ, lai Nhật hay Đại Hàn gì đó mới tới, thành ra muốn dẫn ông Nghị đi.

– Ông Nghị nào.

– Nghị trên tòa đại sứ.

– À, cha sư tổ tiểu lâm ấy à.

– Chính. Tôi thì sẵn đang định gặp ông Nghị nhờ giới thiệu với tay thầy tướng giỏi nhất ở đây xem qua. Thế là sẵn dịp, bị ông ta lừa đi. Kể như là đi với

một thổ công và một tay chơi của xứ này vậy.

– Tiêu cậu rồi.

– Không tiêu đâu.

– Cậu làm như cậu là thánh.

– Bởi vì chuyện không ngờ.

– Trục trặc kỹ thuật à.

– Bậy, ông già ầu quá nào. Với lại nghe lỗi nói chuyện của ông Nghị là hết thích cái gì cả. Cái gì ông ta cũng nói toạc, vạch trần ra hết trước khi mình nhìn thấy. Cho nên cái gì cũng chỉ là cách để trêu cợt, để khôi hài mà thôi. Dù sao thì ông ấy cũng có một lối chơi ngược đời.

– Cái gì.

– Thật ra, hai tay đi với tôi hôm qua

không phải là một tay chơi chính cống. Họ chỉ toàn đánh võ mồm mà thôi. Chưởng phong nghe ào ạt đấy, nhưng mà lại không sút mẻ hề hấn gì.

Ông già Đạt, tuy lui tới thường, nhưng chỉ để nghiên cứu du khách mà không thực hành. Ông ta là thổ công, cần tài liệu hướng dẫn du khách, cho nên tìm hiểu rõ ngọn ngành, từ giá cả, đến cách cuộc, đến từng chỗ, từng tên vùng đó, ghi thành một bảng số để tâu lại khách chơi, nhưng mà ông ta rất là đứng đắn, đàng hoàng, nghĩa là ông ta lui tới đó, nhưng như một người nhà, về gia đình, thăm viếng rồi đi, không bao giờ nhúng vào những cuộc chơi.

– Còn ông Nghị.

– Ông ấy à. Ông ấy chỉ cần ba hoa cho vui miệng. Ông ta nói tôi thử làm

như ông ta, sẽ thấy mọi điều tuyệt diệu và đáng giá.

– Cái gì.

– Là đừng chọn lựa, mà hãy để bị hay được chọn. Tới nơi, thay vì chọn một người ưa ý như thường lệ, cứ đừng ì ra đó, cho người nào ưa thì chọn mình. Nhưng vậy họ sẽ tận tâm và chu đáo với mình hơn, là chọn một người, mình thích họ, họ không ưa mình, rồi ra cộng tác bất đắc dĩ.

Ông già hứ lên, một tràng cười khoái trá làm văng cả những lát bánh mì nướng xuống đất.

– Và khi được chọn rồi, thay vì phải hoạt động tích cực thì ông ta đề nghị với người chọn mình, nên bày trò rượu trà nhấm nhẩn trò chuyện trò với nhau,

suốt đêm. Vậy là người chọn ông ta thủ vai hiền thê, chỉ hầu trà hầu nước, xoa tay, nắn chân, trò chuyện, vuốt ve, thăm mồ hôi, gãi lưng ngứa, là thôi. Ông ta vì thế trở thành một tri kỷ của những gã phong lưu trong xóm.

– Cậu liệu có như ông ta nổi không.

– Đêm qua à, đêm qua tôi không làm như thế. Trái lại. Tôi chọn người ta.

– Cậu kém quá, ít ra là trước mặt ông ta.

– Tôi có lý do của tôi.

– Lý do xái bỏ gì, cậu... tự can không nổi.

– Mà ông biết tôi chọn ai không ?

Ông gia đánh chén tay xuống bàn làm bật nước cà phê đen trong tách ra ngoài.

– Cậu làm như tôi là tổ của Bắc Đẩu và nắm tờ gia phả trong tay, thuộc hết tên tuổi.

– Nhưng ông biết mà, tôi đã nói.

– Cậu nói, cậu nói bao giờ.

– Hôm qua.

– Không lẽ là...

– Đúng, tôi chọn cô gái hôm qua đến gõ nhăm của phòng tôi.

Ông già đánh chát hai bàn tay vào nhau rồi ngồi bật ngựa lưng ra ghế, đầu hất về đằng sau, mặt bạnh ra như đầu cá lóc nấu canh, với hai con mắt lồi hẳn ra khỏi khoảng tròng lơ mờ gân đỏ ngoằn ngoèo.

– Kinh thật đấy, nhưng mà theo cậu nói thì cô ta không đẹp.

– Làm quái gì mà đẹp với xấu.

– Nghĩa là...

– Ông nóng nảy quá. Tôi nói cho nghe, lẽ ra không nói nhưng mà đã lỡ chuyện. Ông Đạt ngồi nhấp trà ngoài hiên. Ông Nghị trong hậu phòng cho một cô đấm bóp, và tán gẫu. Tôi theo cô ta vào phòng. Cô ta cự tuyệt tôi, xem nào, không có gì cả, ngoài một loạt đối thoại kiểu này: Tôi hỏi: “Vì sao”. “Ông tới đây, không phải để tìm gặp tôi. Như đêm qua, tôi gõ cửa, không phải để gặp ông.” “Thì đã sao.” “Lẽ ra ông tới với một người khác. Nhưng thấy tôi, ông vớ phải tôi, ông tới với mục đích khác. Nhưng nhìn thấy tôi, ông dùng tôi vào cách khác, chứ không một người khách tới với một gái chơi. Tôi không phải là người ông định chọn tối nay đâu. Ông chỉ muốn tiếp tục sự tò mò của ông tối hôm qua.” “Dù tôi

có nghĩ sao, thì việc gì cô phải rắc rối vậy.” “Tôi muốn sòng phẳng. Ông dùng tôi sai việc, thì cả ông và tôi đều lỗ lã.” “Cô nói nghe kỳ quá cô muốn sao.” “Ông chọn người khác.” “Không.” Cô ta thở dài. Tôi nói liêu: “Thì tôi đi về vậy.” “Sao vậy.” “Có cự tôi.” “Xin lỗi ông nhưng mà tôi không thấy ông có vẻ gì thích thú cả. Thà rằng tôi tiếp ông như một người khách nói chuyện còn hơn, ông muốn biết hôm qua ra sao tôi sẵn sàng. Ta ra kia nói chuyện, còn việc ông đến đây tối nay thì xin ông chọn bất cứ một người nào miễn là không phải tôi.”

Tôi theo cô ta ra một căn phòng khách nhỏ. Ở đó còn đủ các thứ trà bánh trái cây cho khách nhắm, tất nhiên là sau đó phải cho một khoản tùy lòng nào đó. “Hôm qua khi tôi mở cửa không thấy cô nữa, cô biến đi đâu nào.” “Tôi đi về

chỗ của tôi.” “Chỗ của cô ở đâu.” “Ở đây.” “Nhưng cô đi lối nào.” “Thì lối của tôi.” “Tôi không thể biết cách nào.” “Đường của ai thì người nấy biết chứ.” “Hình như cô biến được thành hai người, hoặc rất nhiều người và ở nhiều nơi. Bây giờ cô không giống hôm qua. Thật lạ.” “Lạ sao.”

Tôi nghiêng đầu trông kỹ cô ta. Loáng thoáng những nét trang điểm trên khuôn mặt không còn có vẻ tối tăm và tầm thường như hôm qua nữa. Chiếc xường xám màu vàng nhạt cắt ngắn, chẻ một đường từ khoảng gối lên cao trên khoảng đùi trắng và tròn. Bên trong xường xám hé lên một khoảng lụa trắng viền ren mỏng. Không ngờ cô ta lại trắng và tròn, mịn như vậy bên trong. Nhú lên trong tôi một chút nôn nao bất ngờ. Tôi nhìn, cô ta khác đi, và cô ta cũng nhận ra, mỉm cười. Toàn thể khuôn mặt lặng

phắc của đêm qua ánh lên một vẻ gì rạng rỡ, đầm ấm. Tôi nói là muốn vào trong kia với cô ta quá. Nhưng cô ta lắc đầu, dịu dàng: “Buộc lòng em phải từ chối, để lần khác đi.”

Tôi uống chén trà thơm, ăn một miếng bánh. Cô ta có vẻ sẵn sóc tôi chu đáo, như với một người nhà, không phải là khách chơi. “Hôm qua có người mời cô.” “Tôi cũng không rõ nữa. Có thể tôi nghe lầm. Người ta bảo tôi tới khách sạn đó, phòng đó.” “Ai bảo.” “Thường thì ở khách sạn điện thoại lại. Hôm qua chính tôi muốn đi.” “Mà lạ, sao hôm qua cô có vẻ gì không phải như người ở đây.” “A, ông muốn nói tôi không có vẻ gì là..., phải không. Đi đường, đêm khuya, trang điểm làm gì. Tôi chỉ thực sự là tôi khi ở chỗ của mình. Ra ngoài, tôi là con ma.” «Hôm qua tôi nghĩ cô là con ma.»

Nàng đang đưa hai chân qua lại từ trên chiếc ghế cao. Thân thể rướn lên dưới làn vải áo chật. “Tên cô là gì?” “Chúng nó gọi là Đêm Sương. Mà thật ra là Sương Đêm.” “Tên hay nhỉ.” “Chỉ vì tôi hay đi ra ngoài, khoảng ba bốn giờ sáng.” “Sao vậy.” “Tôi hay nhức đầu và buồn bã ban đêm. Khi đi như vậy trong đêm sương, tôi cảm thấy nhẹ đi và dễ chịu. Những lúc đó như tôi không phải là tôi ở đây. Khác nhau, ông cũng thấy thế. Có khi tôi ngủ quên ngoài bờ đường, sau một vòng đi mỗi chân.”

Tôi hỏi qua thân thể và khởi nghiệp của nàng. Nàng kể chắp nối, không rõ, như cái gì lộn xộn trong ý nghĩ và trí nhớ. Ông Đạt rủ tôi về. Tôi dặn nàng sẽ trở lại. Nhưng nàng bỗng hỏi: “Ông còn ở lại chỗ đó, bao lâu.” “Không chừng, nhưng mà có thể một vài tuần gì đó.” Cô

ta cười, tủm tủm. “Như vậy là còn duyên nợ với nhau.” “Em nói gì». Tôi đổi giọng, sàm sỡ với nàng một chút trước khi ra về, để còn níu lại một lần gặp gỡ khác.” “Em còn mắc nợ ông một lần.” Rồi nàng biến vào sau bức màn mỏng ngăn phòng khách và phòng trong không trở ra nữa.

* * *

Người thanh niên bỗng tỉnh dậy trong cơn ngủ đang say. Không vì một tiếng động, hay bất cứ một nguyên do nào đánh thức. Có gì khuấy lên trong thanh vắng. Chàng cố nhớ lại. Không gì rõ rệt trong trí. Khoảng đầu đêm mịt mờ, tấm đầy rượu và mùi nước hoa thơm nức từ bữa tiệc trở về. Một vài khuôn mặt quen quen trong thang máy. Lại bóng dáng người đàn bà dấu yêu và xa vắng. Những

tiếng nói tưởng tượng lạ lùng. Nhắc nhở, kể lể. Với lặng im và khoảng không. Về một đời nào khác, xa vời, và chưa tới. Rồi thì giấc ngủ, với một thoáng lay lắt nhớ thương. Một chớm bụi ngủi mong ước. Một le lói khát khao mộng寐, đã cuốn lôi kéo chìm xuống đáy nước rong rêu chiêm bao. Con mơ hay vút chín tầng trời xanh ngắt, ảo tưởng của kiếp khác, hay quá vãng một đời người. Với một ai ai đó. Không còn gì. Và rồi mây đen chòm xuống như bóng núi. Ngổn ngang những tầng đất lở đá rơi. Mơ thấy lại con đường đi Hoa Liên rực nắng. Kể lại câu chuyện với những người ngồi quanh bàn ăn.

Tới đó thì cái gì lôi thốc chàng dậy, mở mắt. Nhìn qua phòng tắm. Đèn sáng mờ trong ấy. Với cánh cửa mở thoáng ra một làn hương ướt đắm trong mê.

Một tiếng động nhẹ, của lược chạm vào gương, hay xà phòng xoa trên da thịt trơn láng. Tiếng nước lồm bồm khóa lấp trong hai bàn tay. Chàng tỉnh hẳn người bung dậy. Một tảng đá đè lên trái tim nghẹn cứng. Hàng trăm sợi dây trói nghiêng tay chân. Đứng bất động và hỏi vọng vào, ai đó, ai trong phòng tắm. Tiếng cười khúc khích đáp lại. Thanh âm lạnh và sắc như những mũi kim nhọn và mát chạm nhẹ lên da. Một thứ móng mỏng và nhọn vắt nào cấu lên những vùng nhạy cảm của con thú rừng say ngủ.

Chàng bước nhẹ qua vùng sáng nhờ hắt từ phòng tắm ra. Ánh sáng bỗng như đại đi trong hai mắt chàng, cùng lúc với hình người nhô lên trong bốn tấm đầy nước. Hai cánh tay trần chao chộng dưới mớ bọt xà bông trắng nõn. Chàng đóng

ập cánh cửa lại và hét lên, không hiểu lý do:

– Tệ quá, cô chơi cái trò gì vậy, đi lầm phòng nữa, tôi có gọi cô đâu.

Tiếng thanh và nhỏ như của một người nào khác không còn là Đêm Sương nữa:

– Ông không gọi, nhưng em đến.

– Tại sao.

– Vì em muốn đến, để bù lại.

– Bù cái gì.

– Hôm trước em từ chối ông.

Chàng dụi mắt, nắm mạnh một tay vào cánh cửa phòng tắm:

– Thối quá, hôm đó là hôm đó, bây giờ là bây giờ. Cô đừng tưởng tối hôm

đó là tối bây giờ, và cô bây giờ lại chính là cô hôm đó được.

– À ra ông muốn như vậy.

– Tôi không muốn sao hết, cô đi ra ngay.

– Có mặc áo quần không.

Chàng hét:

– Tôi không đùa, tôi đang ngủ, cô lại phá phách đánh thức, tôi có mời cô đâu.

– Ở kia, em có đánh thức ông đâu. Chẳng qua thấy cửa phòng mở, em vào thử xem ông ra sao. Rồi sẵn nước ấm trong phòng em tắm luôn.

Chàng sùng sờ với những thắc mắc rối nùi trong trí:

– Tôi không mở cửa và để nước sẵn

trong bồn tắm. Cô đã mở cửa và xả nước cho đầy.

– Em dối ông làm gì chứ. Mọi chuyện sẵn sàng như đón chờ một người. Em đến đúng lúc. Ông ngủ say. Và em không gây một tiếng động nào cả.

– Cô không đánh thức, nhưng cô vào trong phòng tôi là đủ đánh thức.

– Như vậy là chính trong ông đã dành sẵn điều muốn thức dậy. Sao ông nhốt em trong này.

– Cô mặc áo quần lại đi.

– Áo quần em để cả ngoài phòng.

Quá lắm, trong lúc mình ngủ, nó đã vào, và... Chàng cảm thấy choáng váng, với xấu hổ và tức giận không nghĩ tiếp.

– Ông mở cửa cho em lấy áo.

– Đừng bày trò khỉ, nhớ là tôi không gọi. Cô sao vậy, lằm phòng hay tìm khách.

– Cứ nhục mạ đi. Ông sẽ hối hận với những lời nói như vậy.

– Tại sao tôi phải hối hận với lời mắng nhiếc của mình dành cho một người đáng mắng nhiếc. Cô đi ra, quần cái khăn lớn vào đi ra, lấy áo quần mặc vào và cắt ngay.

Người thanh niên đẩy mạnh cánh cửa. Nàng tắt đèn, lằm lũi đi ra, quần mình trong tấm khăn tắm trắng lớn. Tấm khăn bẩn tôi đã ném xuống lót chân từ buổi trưa trên sàn nhà.

– Tôi dơ rồi với cái khăn này.

Nàng nói, và đi nhanh lại gương, Vớ cái áo xường xám màu hổ phách, khoác

nhanh vào người. Mọi sự trôi đi trong phòng tối mờ.

Lúc này chàng không hề trông thấy cái áo hay bất cứ mảnh vải nào trên giường. Vậy thì cái áo này từ đâu ra. Chàng níu hai vai nàng, giằng lại, ngửa mặt nàng lên soi vào bóng tối. Chỉ thấy loáng thoáng ánh mắt xanh xao đại khờ, như một ngấn nước đọng dưới tàn lá héo hon sau mùa hạn hán.

– Tại sao cô lại phá tôi.

Ngón tay chàng cảm được một ngấn nước trên da má lạnh lẽo:

– Em không có ý định phá ông đâu. Em phá em.

– Cái gì, sao lại phá cô.

– Tôi muốn phá tôi trước kia, để tìm

một tôi khác trước. Ông có thể hiểu được điều đó chứ, ông không hiểu thì ai hiểu.

– Cô nói cái gì gì như ma nói. Tôi trước, tôi nay, tôi chán, và bức. Khốn nạn, không ai được xâm nhập vào chỗ của tôi khi tôi không muốn.

– Em cũng biết là ông ghê gớm, vậy nhưng đã có lúc ông tới đàng em, và đòi em.

– Lúc đó không phải là tôi.

– Thì em cũng vậy, lúc em thế này, lúc em thế khác, sao ông không công nhận.

– Không thể so sánh. Cô lúc nào cũng chỉ là cô thôi. Cô từ cái lò Bắc Đẩu đó mà ra. Cô tới tôi chỉ là theo mục đích như cô thường làm hàng ngày. Cô cần một khoản đền bù cô đã tìm tới, tôi trả,

nhưng đi ngay đi.

Người con gái khuyu gối xuống dưới chân chàng. Bóng tối chùng như loãng ra, và khí lạnh bỗng nhập rất nhanh vào những ống xương chân như có một luồng hơi mát thổi vào trong ấy. Chàng tưởng mình ở dưới một đáy hầm ướt sũng nước.

– Em tới với ông, ông không thể coi em là người khác, kẻ ông đã nhìn thấy ở Bắc Đẩu.

Chàng cười khẩy. Con này chắc tới lúc điên. Hoặc là ma quỷ đang nhập vào trong nó. Cùng lắm là nó đang dùng chiến thuật áp đảo mình trường hợp thất bại nó vẫn áp dụng. Bỗng chàng nghe có tiếng khóc tỉ tê ngoài hành lang. Tiếng khóc xa dần rồi khuất hẳn. Hơi lạnh trong những đốt xương chàng tan

đi. Người chàng bình thường trở lại. Đèn trong phòng tắm vẫn đỏ. Chàng bước vào phòng tắm. Không một giọt nước hay một vệt xà phòng trong bồn tắm. Cái khăn vẫn để giữa sàn nhà, y hệt như buổi trưa đã ném xuống. Không gì thay đổi hết. Chàng bật hết đèn trong phòng. Thấy cánh cửa đóng kín. Nó đóng hay nó mở. Đã mở và đóng lại. Hay đã đóng và mở ra. Không biết. Chàng đã ngủ đi. Hay đã thức dậy. Cũng không biết. Nhưng tiếng khóc ngoài hành lang thì có thực.

Chàng mở cửa, đi nhanh theo hành lang. Thang máy vừa có dấu chứng tỏ người xuống. Có lẽ đến mặt đất. Chàng bước theo. Trời như mờ sáng một phía nào đó. Ở từng dưới cánh cửa kính tự động vừa khép lại, sau khi đã tiễn một người nào ra ngoài. Khoảng sân và con đường vắng hoe. Loáng thoáng trong

sương mù một dáng người. Dáng người mờ mịt, xa xăm, có đó nhưng như chỉ là chút ánh sáng yếu ớt từ một vùng nào vọng lại. Chàng phóng ra đường, qua bên kia bờ lẽ.

Chàng một mình chìm giữa không gian xám mờ u uất. Hơi lạnh thấm vào xương da. Cảm thấy một nỗi hối hận không đâu dâng lên vời vợi. Chàng gọi. Một tên gì không rõ. Tiếng tắt chìm trong cổ họng. Nỗi ray rứt lớn mãi biến thành một cơn sốt lạnh lẽo kỳ dị. Tôi muốn thấy lại người con gái vừa tới, và bỏ đi. Muốn hỏi ra sự thật, tất cả, về nàng. Muốn nhìn thấy lại cả tôi, trong trạng thái tỉnh táo nhất. Cái gì đã âm u mê hoặc. Cái gì đã sáng sủa lênh đênh trong tôi. Cái gì đã tới, đã đi. Người có thực hay không có thực. Và tất cả những dấu tích thiên thu của một đời sống tạm

bộ đập vùi. Tôi muốn thành một người khác trước, nàng nói thế có phải không. Nghĩa là thế nào. Hình như tôi có thể lờ mờ hiểu ra điều gì đó. Tôi muốn tìm thấy lại người con gái, giúp nàng, bằng bất cứ cách gì có thể làm. Để nàng khác trước như mong muốn. Tôi bắt đầu hiểu hai chữ khác trước, cùng với khát vọng cũng như tuyệt vọng của ý nghĩa đó. Bây giờ thì là niềm tuyệt vọng rồi còn gì. Tuyệt vọng cũng có thể là cứu rồi, nếu ta thức tỉnh. Người con gái có tự thức tỉnh được một mình không một trợ lực nào không. Hình như trời mưa từng cơn lớn trong tôi, và nước lũ xoáy từng bờ hôn rã mục ngày xưa trôi xuống. Chàng nhìn một lần cuối khoảng bóng tối xa lạ xung quanh với quyết định bất chợt là sẽ tới Bắc Đẩu tìm nàng vào tối mai, với thái độ khác hẳn cả hai lần gặp trước.

Người tài xế có vẻ nóng nảy bấm còi lia lịa. Mọi người đã đông đủ trên xe với tất cả những hành lý hỗn tạp lớn nhỏ. Người thanh niên còn quanh quẩn trong phố, hai mắt không rời chiếc xe, sợ nó bỏ đi, nhưng hồn thì bay biến một nơi nào. Ý nghĩ thử đi quanh một vòng và biết đâu tình cờ còn gặp lại người tìm kiếm vào phút chót làm chàng nấn ná không muốn rời khu phố.

– Cậu ơi, máy bay sắp bay rồi đó.

Một người nào gọi từ trên xe.

Chàng thông thả bước vào xe, sau khi đảo mắt một vòng quanh các đường phố có thể nhìn thấy. Nâng lên cao mành mang đầy trời. Chàng thêm được nhìn thấy trong hai mắt con ma đêm một vòm

trời ngập nắng như thế. Không bao giờ. Chỉ còn trong ý tưởng và ăn năn.

Xe chạy vun vút qua những con đường phố rộng. Mỗi lúc một xa vùng trú ngụ quen thuộc của mấy ngày mộng ảo vừa rồi. Mấy người ngồi cạnh hỏi chàng có phải muốn nhảy xuống đi theo con ma không. Tôi nói tôi không đi theo con ma, nhưng con ma sẽ đi theo tôi. Họ nói: «Cậu nói nhảm quá, coi chừng hóa điên.» Nhưng chàng không điên, chỉ hoa mắt, có phải. Dưới kia trên lề đường lồng lộng gió bay, giữa khoảng rập rờn bóng người lại qua xôn xao màu sắc, chàng thoáng thấy một bóng người. Có phải không. Ông già hỏi chàng:

– Này, hôm qua cậu lại mò xuống Bắc Đẩu.

– Phải, tôi tìm cô ta.

– Rồi xảy ra một trận táng đờm kinh hồn.

– Tôi không gặp cô ta.

Ông già nằm cứng cánh tay chàng:

– Ủa, sao vậy.

– Người ta trả lời với tôi là từ trước đến bây giờ không có một người nào như thế cả ở đó. Cũng không hề có một người nào được gọi tên là Đêm Sương.

– Cậu làm sao.

– Tôi sục sạo một lần khắp cả, cũng không thấy.

Nắng bỗng rực sáng lên dưới đường xe chạy. Bóng người kia lại gần, thoát xa, với hai cánh áo màu xanh nhạt. Đúng là người con gái đó rồi. Phải rồi. Trông nàng khác hẳn những lần đã gặp. Khác

hắn, như là một người khác, thoát xác, thoát kiếp Và hồi sinh ở một đời khác, nét mặt thanh thản, lạnh lẽo. Một chút giận, một chút buồn, thứ giận buồn của người tục lụy nhưng bình thường, giản dị, an nhiên.

Chàng gọi những tiếng không thoát ra ngoài cửa kính xe dày. Nàng ra khỏi Bắc Đẩu, đi lẫn vào đời, và đang tìm cách khác trước. Vì tôi hay không vì tôi.

NGUYỄN THỊ HOÀNG

Đã phát hành:

TÌM HIỂU VĂN NGHỆ
của VŨ HẠNH

**Một thiên tiểu luận phản ảnh
trung thực nhất về các vấn đề văn
nghệ hôm nay.**

TRÍ DẪNG xuất bản

ĐỒNG NAI phát hành

VÕ HỒNG

LỦI VÀO RUỘNG MÍA

 iặc Pháp đổ bộ càn quét một trận lên xã An Chấn. Dân chúng chưa quen chuẩn bị, hơ hải bạ gì cũng chèn chặt vào quang gánh thành ra một số lúng túng chạy không kịp. Một số chạy kịp thì khi tai qua nạn khỏi, tháo quang gánh ra chỉ thấy toàn những đồ đáng vất đi. Trái lại, những đồ quý giá thì bỏ lại, bị giặc thu vét hoặc bị giặc đốt cháy theo ngôi nhà. Đồng bào rút kinh nghiệm, phát triển việc may ba lô.

Trước 1945, cái ba lô chỉ thỉnh thoảng mới đánh đai một cách trưởng giả trên vai anh Hướng đạo sinh đi cắm trại. Người ta gọi nó là cái xách. Sau 1945, nó xuất hiện ở khắp mọi gia đình. Sau vài lần bị giặc càn, mỗi gia đình phát triển đến ba, bốn cái. Ban đầu ba lô còn may bằng vải kaki, sau thay bằng vải xi-ta, sau đó nó được may bằng vải ta mỏng. Cũng chả ai bảo sao, có điều cần nhớ là khi gửi lên chạy thì hai tay phải đỡ lấy nó, hoặc nếu không thì phải ôm nó kè kè bên hông. Vì nếu không thì mỏng quá nó toẹt mất. Sau đó, có người nghĩ đến dùng bao tải, bao bố cũ để may. Được thể, thôi thì gập vài gò cũng may được. Còn kiểu thi tự do. Từ cái xách rập kiểu Âu châu, sang đến Việt Nam nó tha hồ thêm túi, bớt túi, bỏ nắp, thay đai, to bề ngang, cao bề đứng, lớn thì bằng cái bồ con, nhỏ thì ngang cái gối. Và nó ngang

nhiên thay cái va li kiểu cách, lạc hậu, thay đôi nùng đôi thúng kenh càng nặng nề. Mỗi người một ba lô, trẻ con tuổi nào thì may cho cái ba lô cỡ ấy, tất cả gia tài tổng kỹ vào ba lô để sẵn sàng. Hễ có lệnh là ba lô lên vai, chân lên đường. Còn đến đâu thì cán bộ xã sẽ cho biết.

Ở các nước khác, ba lô đi với khăn quàng, mũ kaki, can, tất cao cổ, giày đinh. Ở Việt Nam, bạn đồng hành của nó là ruột ghé. Ruột ghé là một cái túi vải dài đựng gạo. Thật là tiện lợi: cho gạo đầy ruột ghé, quàng ngang bụng rồi cột gút hai đầu. Cái ruột ghé mắc nghẽn ngang xương bàn tọa. Cái ba lô sau lưng, cái ruột ghé ngang bụng, thế là cứ trước mặt mà đi. Thỉnh thoảng đặt hai cùi chỏ nghỉ trên vòng ruột ghé: y như một cuộc, đi ngoạn cảnh !

Cái ruột ghé thật là tiện lợi. Đi đâu

mà có nó ngang hông tức như là đồng dạc bảo chủ nhà rằng:

– Bạn ơi, tôi có đủ cơm ăn cho tôi rồi. Bạn đừng lo. Tôi không làm phiền bạn đâu. Hột gạo lúc này quý lắm, tôi biết rõ.

Quả thật như vậy, chạy tản cư vào nhà người quen mà có đem theo ruột ghé gạo thì ta mạnh bạo ghé vào lắm vì ta chắc chắn là người quen của ta sẽ mạnh bạo đón tiếp ta. Cuộc chiến tranh càng kéo dài thì hột gạo càng quý. Lý do vì công việc đồng áng bị công tác kháng chiến làm trở ngại một phần. Một phần nữa là vì bom đạn mà nương đập bị phá. nhiều đồng lúa bị bỏ hoang.

Khi lúa gạo dư đủ được khách đến chơi nhà là một cái thú, đôi khi là một vinh dự, nhưng khi gạo phải tính từng ký từng lon thì dù hiểu khách đến đâu

người ta cũng bị bắt buộc phải tính từng bữa ăn. Thế thì không còn cử chỉ nào đẹp bằng khi đi đến đâu mà cần tới nhà quen ở lại đôi ngày thì cứ thành thật tháo ruột ghé đong mỗi bữa sét lon gạo gửi ngay bà chủ nhà. Chạy tản cư không biết rõ con đường phiêu lưu dài ngắn thế nào thì cái ruột ghé gạo là món bảo đảm tối thiểu.

Quỳ sắp lại ba lô của mình, loại bỏ những món không cần thiết và sắp xếp các món đem theo theo thứ tự ưu tiên. Nếu lâm vào trường hợp mà một cái ba lô coi như quá nặng, quá công kênh thì nàng sẽ bỏ lại hết mà chỉ rút mang theo một cái xách. Trong cái xách đó lại có một cái túi nhỏ đựng những vật quý giá nhất như nữ trang, vàng, tiền, giấy tờ hộ tịch để phòng khi phải chọn lựa đem theo rất ít thì nàng cũng đã sẵn sàng.

Khi moi túi ba lô ra, nàng suýt bật cười vì gói Zênxaquine bật tung trước mặt. Những viên tròn lăn chạy trên mặt bàn như bánh xe. Đó là thứ thuốc nội hóa dùng trị sốt rét do Ty Y tế bào chế. Từ khi kháng chiến bắt đầu. Trung ương đã đề ra khẩu hiệu “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” nên khuyến cáo các ngành sinh hoạt hãy đặt nặng vấn đề tự túc, cố gắng thay những món ngoại hóa nhập cảng bằng hàng nội hóa: giấy nội hóa, lụa nội hóa, bông gòn thấm nước nội hóa. Bác sĩ Quốc - Trưởng ty Y tế, được báo cáo ở miệt Phong Thẳng, Phong Thái đồng bào hay lột vỏ cây dền nấu nước uống trị sốt rét liền thi đua với các ngành xin kinh phí mua về hàng trăm ký vỏ dền. Vỏ đó đem giã nát, rây nhỏ rồi cho vào khuôn in ra thành từng viên to bằng viên aspirine và dày gấp đôi. Uống mỗi lần năm viên, thứ bột

cây này hay nằm lì bám chặt nơi vết hầu làm rát mặt da và phải triệu đến vài ly nước mới tống nổi chúng xuống dạ dày. Thuốc phát không cho cán bộ và đồng bào nên sức tiêu thụ rất mạnh. Có điều uống vào dường như chẳng có công hiệu gì cả nên sau chừng ba tháng phổ biến đến kỳ thuốc chót chẳng ai thèm xin và đem cho cũng chẳng ai thèm nhận nữa. Quỳ không hiểu ai đã đặt tên cho loại thuốc đó. “Zên” là dền, điều đó dễ hiểu. nhưng sao không gọi là Zénaquine cho tiện mà lại gọi là Zênxaquine treo họng rắc rối? Đối với cán bộ không biết chữ Pháp thì tên của món thuốc được đọc non là Dền-ca-kin, nỉ non như tên của một bản nhạc, một bài thơ, một lời than tuyệt vọng, kiểu Hoàng xa Tâm, Anh xa Em.

Ủy ban kháng chiến hành chánh

Tỉnh và các Ty dọn về An Định. Thường cứ cách bốn, năm tháng, lâu nhất là chín, mười tháng, cơ quan phải dời chỗ để phòng ngừa gián điệp địch đã dò biết được vị trí và đã báo cáo về đến tận bộ chỉ huy địch. Thường có trường hợp cơ quan vừa dời đi một ngày là hôm sau máy bay địch nhào xuống đến bốn năm chiếc bắn phá tan tành ngôi nhà. Dân chúng chuyển tai nhau không biết bao nhiêu là tin tức liên quan đến việc đó, nào là gián điệp gởi tin về Nha Trang bị chạm, nào là nhờ Công an bên ta chặn bắt được gián điệp. Đồng bào đồn rằng cơ quan không phải đột nhiên mà dời trụ sở mà thường là sau khi bắt được tin tức cho biết tình báo địch đã tìm ra vị trí trụ sở của mình. Thành ra mỗi khi cơ quan dời đi là chủ nhà cũng lo kiếm chỗ bà con tị nạn vài ngày.

Phán Liễn gửi ba lô lếch thếch đi dẫn đầu, chân cẳng mỗi rã, chửi thề luôn miệng. Vấp hòn đá cũng chửi, bị cành tre quất vào mặt cũng chửi. Tham Huy đi kế sau, cười hì hì :

– Chửi chi cho uống hơi ? Để dành sức mà đi.

Tá, Nghị, Chất, San, những nhân viên trẻ tuổi, nói chuyện rì rầm cả chặng đường.

– Đi ra An Định nghe nói có sông phải không tụi mày? Nghị hỏi. Tao chịu thua xứ Phú Lộc rồi. Ba ngày mới được tắm một lần.

– Ai nhủ mi làm biếng? Chịu khó xách nước mà tắm chứ ai hầu hạ mi?

– Giếng sâu cả mười thước, ngó xuống hun hút như đường đi Âm-phủ.

Sang gọi :

– Tá ơi! Sao nãy giờ cứ cầm miệng như hến vậy mày? Nhớ “em” hả? Tao biết nội đây chỉ có mày là muốn ở lại Phú Lộc hơn hết. Chắc giờ này em đang ngồi nhớ mày vừa ngâm ca dao kháng chiến:

Thương chi cho uống tấm tình,

Nẫu về quê nẫu, nẫu bỏ mình bơ vơ.

Ba người tùy phái gánh ba đôi nùng cao trong đựng hồ sơ máy đánh chữ và bút chỉ văn phòng. Sức nặng làm còng lưng họ và họ lặng im chạy những bước ngắn, không nói một lời. Tiếng Phán Liễn oang oang ở đằng trước :

– Nghe nói An Định con gái đẹp lắm. Để...

Câu nói ngắt ngang đó và người ta

thấy Phán Liễn đứng dừng lại, ngồi chồm xuống đất, né một bên nhường đường cho người sau đi tới.

– Sao đó? Tụt quai dép rồi hả ?

– Chớ còn gì nữa? Từ sáng đến giờ cứ thấy lùa kéo quai dép hoài.

– Giày dép như rửa, ném cha hấn xuống ruộng cho rồi.

Phán Liễn không nói, mò túi ba lô lấy ra dụng cụ xỏ dây dép của mình, hì hục sửa lại. Đôi dép lốp cao su bị mòn còn mỏng lét, lỗ xỏ dây lại quá rộng nên dây cứ tụt hoài. Phán Liễn biết cố tật của dép mình nên đi đâu cũng mang theo cái dụng cụ xỏ dây dép gồm một miếng thiếc mỏng, dài, bề ngang một phân và xếp làm đôi. Không có tiền để mua dép

mới. Chín đứa con và một bà vợ tiểu thư năng đâu yếu.

Phán Liễn làm phán sự tòa Sứ Sông Cầu từ năm 1935, nghĩa là vào lúc mà một số Trưởng ty, một số Ủy viên Ủy ban kháng chiến thành chánh Tỉnh, Huyện hôm nay còn là học trò, còn đi thân đất. Họ đã đứng nhìn ông mặc com lê Tussor đi qua mà khép sếp và thềm thuồng. Bây giờ thì họ là thượng cấp của ông. Hồi đó bộ đã chiêm ngưỡng ông mỗi buổi chiều tung hoành trên sân quần vợt, giày bố và bít tất trắng, sơ-mi zét chỉ đan và quần soóc trắng, cát kết trắng, sạch sẽ, khỏe mạnh, nhanh nhẹn như một thể thao gia quốc tế trên sân Wimbledon, trên sân Roland Garros. Tiếng ông cười nói lạnh lạnh trên sân, tiếng cười giòn, tự chủ, tự do, đắc thắng vút lên, phóng ngang, mạnh dạn như những làn banh không

do dự. Hồi đó ông thuê nhà giữa phố, có sân có giếng, có phòng tắm, phòng ăn, phòng ngủ, xa lông và chủ nhà mỗi cuối tháng tới “xin tiền nhà” phải tụt bỏ guốc từ ngoài hiên. Những nhà lán giếng không dám làm ồn kinh động giấc trưa, không dám để con họ chơi nhau đánh lộn với con ông. Bạn chơi xúng đáng ngang hàng là các ông Phán khác dưới Tòa, các ông Hậu bổ, Kinh lịch trên Tỉnh. Nhỏ thấp thua là các thư ký Lục lộ, thư ký Bưu điện, giáo viên trường Nam. Chiều thứ bảy hop mặt ở nhà Xéc đọc báo, thọc bì da, đôi khi nổi hứng làm luôn một buổi diễn thuyết nói bằng tiếng Pháp. Ông Phán tòa Sứ, đó là nhân vật đứng vào hàng thứ năm thứ sáu trong tỉnh lý, thị dân ai cũng biết mặt biết tên, các nhà giàu nhà buôn tìm dịp làm quen. Người ta thuộc kỹ giọng nói tướng đi, nhớ giờ ra sở, giờ về nhà. Thật là một cuộc đời

an nhàn vô tư. Ấy vậy mà có thể nổ bùng ra một cuộc đảo chánh làm công chức phải một mẻ sọt. Nhưng rồi đâu lại hoàn đấy. Cuộc Cách mạng tháng Tám nổ tiếp theo, lần này nguy hiểm hơn vì đối với người ngoại quốc như tụi Nhật Bản thì dù sao cũng còn dễ

nói dối hơn đối với người Việt. Những khẩu hiệu với những danh từ làm Phán Liễn run sợ. Ông thấy mình có đủ tội hết. Cầu kết với thực dân, làm tay sai, liếm gót giày, mê bơ sữa, chỉ nghĩ đến lợi riêng, đàn áp đồng bào... món nào xét cho cùng ông cũng dính dáng chút ít. Ông Sử đi hành hạt phải đi theo làm thông ngôn, thế là đã đủ gần hết tội rồi. Có cầu kết, có làm tay sai, có liếm gót giày, có đàn áp. Có tin đồn tòa án nhân dân sẽ xét xử lũ công chức thân cận với Tây hồi trước. Phán Liễn lo quá mất ngủ bỏ ăn. Sao cho

khỏi làm méch lòng đồng bào suốt mười mấy năm áp dụng luật lệ? Đồng bào bao giờ cũng tham lam, cũng chủ quan, cũng muốn vơ hết phần lợi, phần tiện, phần khỏe về họ bất chấp quyền lợi của người chung quanh. Chính quyền có phận sự điều hòa quyền lợi, bảo vệ quyền lợi cho mỗi người và thế là đã có người bị phạt ý rồi. Phán Liễn nhấn nại đợi chờ trừng phạt nhưng lạ chưa, Ủy ban nhân dân không đả động gì chuyện thời trước. Phần việc chuyên môn của ai, người này làm, chỉ thay đổi người chỉ huy cơ quan và một số danh từ. “Cách mạng nghe nói thì dữ mà coi ra hiền khô”, Phán Liễn đang khoan khoái kết luận như vậy thì kháng chiến bùng nổ, thành phố bị phá hoại. Cơ quan dời đi, ban đầu còn bề bộn, lâu dần gọn ghẽ dần. ban đầu còn gắng giữ một số tối thiểu tiện nghi, lâu ngày những đòi hỏi được quên đi, xóa đi,

giản lược. Bây giờ thì Đốc sự, Tham sự giống như mụ bán hàng xén, muốn tìm một thông tin thì phải lục lọi giữa

đống hồ sơ nằm ngổn ngang trong đôi nùng như mụ bán hàng lục kiếm áo may ô số 34, phần rôm trẻ con hay kim băng rún. Vợ con Phán Liễn còn chịu nhiều nỗi truân chuyên hơn. Bà Phán thể chất yếu từ hồi còn con gái, da trắng xanh, không đến nỗi gầy nhưng lại là thứ mập bệu. Đi lại chậm chạp, quanh quẩn trong nhà, mọi việc mua bán giao thiệp đều nhờ vả vào chồng. Bà được cái giỏi đẻ con, đẻ trước sau chín đứa mà đứa nào cũng khỏe mạnh, mặt mày sáng sủa. Người vợ đó và chín đứa con là một gánh nặng, càng ngày càng nặng cho ông Phán. Lương ít. Gạo kém. Vải, xà phòng khan. Thịt cá dầu mỡ đắt. Thuốc men phải mua giá chợ đen. Nhà ở mượn nơi

nhà đồng bào, và đồng bào không ai thích chứa một gia đình đông đến mười một người như vậy. Nhất là đến năm sáu đứa con nít. Một đứa con nít ồn ào gấp hai gấp ba người lớn và phá phách thì luôn tay. Mỗi lần nghe dọn trụ sở là mỗi lần Phán Liễn đau khổ ngấm ngấm. Ông ta phải lập lại sự năn nỉ. Năn nỉ lão chồng, năn nỉ mẹ vợ, năn nỉ con con, năn nỉ đến cả chó nhà nó như lời ông thường bực tức thuật lại cho bạn nghe. Vậy thì trên đường di tản cơ quan, đích thực Phán Liễn là người cau có bực dọc nhất nên hay chửi thề nhất.

Sau khi sửa xong dây dép, Phán Liễn đứng dậy lúp xúp chạy theo, chạy kịp người chót rồi lại len lỏi muốn chạy lên đầu hàng.

– Cui chùng đó! Cui chùng chớ sút dây dép nữa đó!

Phán Liễn không trả lời. Tham Huy vẫn giọng lững lơ :

– Thằng cha ni già rồi mà nhát gan dữ. Sợ ma lắm sao mà hông dám đi sau?

– Ma gì? Có “ma phăm” thì đây mới sợ.

– Rửa sao lại cứ đòi vọt lên trước? Đi tản tản ra đề nhỡ có Có máy bay thì lủi vào ruộng mía. Chứ đi cái kiểu chi mà kéo dài cả đoàn hàng mười lăm hai mươi thước thế này? Có máy bay thì nhất định cả Ủy ban dọn lên Thiên đàng hết.

– Sợ gì ? Bộ đội người ta hành quân đi cả đoàn dài, người ta còn không sợ. Hễ nghe tiếng máy bay gần quá chạy không kịp là họ ngồi im xuống đất không nhúc nhích. Máy bay nó tưởng lắm là một bờ đê, một dãy bụi bờ.

– Nói nghe có giọng huấn luyện viên dữ. Người ta đồng phục màu xám, màu tím than thì máy bay nó mới lắm, đằng này áo trắng quần xanh, áo xanh quần xám, lộn xộn lạo xạo lại hai nón trắng hếu của thằng Tá và anh tùy phái.

Cả bọn giật mình la lối :

– Quý ời! Sao hai con quý không lấy lá cây ngụy trang ? Vậy từ xế tới giờ không ai để ý.

Tùy phái nghe răng cười trừ.

– Chiều rồi mà, mấy thầy. Tàu bay đâu có lối giờ này?

Võ Hồng

(trích truyện dài
“Như Cánh Chim Bay”)

THƠ

Tần Hoài Dạ Vũ * Nguyễn Đức Nhân

Hạc Thành Hoa * Hồ Ngọc Ngũ

Nằm bệnh,

nửa đêm dậy uống rượu

chiều rụng rồi chẳng, lòng đã tối,
không tình nhân thắp lửa trên môi.
giường đau phòng trọ mưa hiu hắt,
bạn hữu vào ra mấy cánh dơi.

vẫn thấy đời ta như cánh cửa,
im lìm đóng lại trước mùa vui.
tương lai sâu cú đùn như mới,
say cú như là đưa tiễn ai.

mưa lạnh vườn hoang. đêm ở góa,
lòng run như nến khuya xa nhà.
Ngồi lên, rót rượu chờ trăng lại.
Không chắc ai người thương nhớ ta.

tình đã khâu cho kìn miệng cười,
còn ta, đời cứ bốc thành hơi.
ta say, bệnh cũng say, ừ nhỉ (!)

buồn cũng say luôn giữa chiếu gối.

sầu lụn, rượu mờ, đêm ngất ngưỡng,

gần ba mươi tuổi trí hoang mang.

lòng ta mọc một vầng trăng đỏ,

đầu gối vào tay ngủ với trăng.

Tần Hoài Dạ Vũ

(19-3-71)

Chiều mưa ở Tân Bùi

Núi mờ, những sợi mưa bay

Nghiêng nghiêng mái cũ, lạnh đây
hồn không

Bước theo những giọt vô cùng

Mưa. Mưa. Hạt lệ mù trong đất trời.

Hồ Ngọc Ngũ

Chỗ đứng

Trên đỉnh núi của ngàn năm cô độc

Hồn ta xanh trong thế đứng chênh
vênh

Ta có cả một thiên đường tuyệt vọng

Thiếu vầng trăng để soi rõ bóng mình

Trên đỉnh núi ta im lìm bất động

Tim hồng treo trên nhánh san hô
Cơn gió nhẹ cũng đủ hồn rơi rụng
Đủ tan thành sương khói giữa hư vô.

Hạc Thành Hoa

Còn chi

Bên hiên còn đọng nắng
Ngọc Lan rụng đầu sân
Gió lồng trong nhà vắng
Rêu xanh mờ dấu chân.

Nguyễn Đức Nhân

Nguyễn Sỹ Tế

Phút nói thật



Sinh năm 1922 tại làng Cựu Hào tổng Hồ Sơn, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Bắc Việt), ông Nguyễn Sỹ Tế vốn xuất thân từ một gia đình danh nho đất Sơn Nam.

Phỏng vấn Nguyễn Sỹ Tế, phút nói thật

Theo học Hán văn đến năm 11 tuổi ông quay ra học chữ Pháp. Sau khi tốt nghiệp ban Thành Chung tại trường Cao đẳng tiểu học Nam Định, ông theo học ban Trung học tại trường Bưởi và sau đó theo học ban Luật tại trường Đại học Hà Nội.

Sau biến cố 1946, ông bước vào nghề dạy học tại trường tư thục Nguyễn Khu-yến (Liên khu 3).

Trở về Hà Nội năm 1950, sau khi đỗ Cử nhân Luật khoa, ông tiếp tục khoa luật học để chuẩn bị thi Tiến sĩ, đồng thời ông dạy học lại trường Trung học Chu Văn An và các trường tư thục ở Hà Nội. Trong thời kỳ này, ông bắt đầu viết báo và soạn các sách giáo khoa.

Sau hiệp định Genève, di cư vào Nam, ông để hết thì giờ vào các công tác văn hóa

cho đoàn sinh viên Đại học Hà Nội, chủ trương tờ “Lửa Việt” chuyển hướng tham gia phong trào Văn Hóa Mới (1954-1955), nhằm mục đích liên kết các nhóm văn hóa và các cơ quan ngôn luận.

Trong lúc dạy học tại trường Chu Văn An (Sài-gòn) ông cũng viết cho các báo “Hòa Bình”, “Dân Chủ” và lãnh nhiệm vụ Chủ bút tờ tuần báo “Người Việt”.

✱

NGUYỄN NAM ANH : Hình như từ lâu không thấy ông sáng tác thêm gì mới ?

NGUYỄN SỸ TẾ : Quả vậy, vì tôi bận nhiều công việc ở học đường và ngoài học đường. Tôi phải soạn thảo một số giảng thuyết ở Đại học. Và tôi có một đam mê

mới, một môn thể thao, môn tác xạ. Tuy nhiên sự tôi vẫn tiếp tục đều đặn bằng những bài tiểu luận văn học, tiểu luận xã hội chính trị đăng trên các tờ Văn Hạnh, Văn Đề và bằng những sách giáo khoa mà tôi đang lo liệu xuất bản. Tôi mong có thì giờ để nối lại tập truyền sáng tác.

NNA : Ông vừa nói ông có một đam mê mới : Môn tác xạ. Ông có thể nói rõ hơn nữa về mối đam mê này.

NST : Đây là một môn thể thao tương đối mới ở nước nhà. Nó đòi hỏi trí não nhiều hơn là sức mạnh thể xác. Đối với người đi xem, môn thể thao bắn súng này rất buồn tẻ ; nhưng đối với người trong cuộc, nó lại là một công tác hấp dẫn vô cùng. Hiện tôi chơi súng lục (ngắn), mong có dịp qua súng trường.

NNA : “Chờ Sáng” là quyển duy nhất

của ông đã được in thành sách hay còn quyển nào khác ?

NST : Chờ sáng là sáng tác duy nhất in thành sách của tôi. Ngoài giả có vài truyện dài đăng báo và bỏ dở : Hai chàng làm việc nước (phiêu lưu trào lộng tiểu thuyết), Gió cây trút lá (tâm lý tiểu thuyết mang hình thức nhật ký). Hồi ở Hà-nội 1951-53 tôi viết một vở thoại kịch không dài không ngắn là Trắng chiều và một thiên kịch ngắn Mưa. Vở kịch Trắng chiều có in lại trong tờ báo “Người Việt” của anh em sinh viên diễn ở Sài-gòn năm 1954-55. Tôi còn nhớ có hỗ trợ phong trào thơ tự do, ngoài phần lý luận, bằng một số bài thơ sáng tác nặng mang tính cách siêu thực : Khu định Thành phố, Rèm mi...

NNA : Một nhà văn trẻ có nói với chúng tôi rằng anh ta ưa thích cách viết

của ông trong truyện “Hai Chàng Làm Việc Nước”. Ông có thể cho chúng tôi biết thêm về câu chuyện, bút pháp của ông trong tác phẩm này.

NST : Đây là câu chuyện hai chàng thanh niên, cũng gọi là trí thức nông thôn, thuộc thế hệ 1945. Sự nghiệp chính trị của hai chàng khởi sự với biến cố tháng 3 năm đó. Hai người theo hai quan niệm chính trị và hai đường lối hoạt động khác nhau nhưng rồi rút cục vẫn sốt thương và đùm bọc lẫn nhau. Và hai chàng thỏa sức tung hoành trong cái môi trường chính trị sôi động suốt từ năm đó đến nay, chen vai thích cánh đủ mọi mặt trận và đảng phái, đặc biệt các cán bộ Việt Minh. Trong muôn hồi đấu trí này thường khi hai chàng thắng nhưng cũng có phen thua. Câu chuyện có mục đích phá bỏ cái huyền thoại “con người sắt đá

vạn năng mác-xít”, để cho thấy họ cũng như ta đầy rẫy những tật xấu, nếu có cái hay thì cũng rất nhiều cái dở và không phải lúc nào cũng thành công. Tôi cố đi tìm một “chân lý con người” ở trong đó.

NNA : Ông nghĩ sao khi có người cho ông là một trong những cây bút cột trụ của nhóm Sáng Tạo ?

NST : Không có. Sáng Tạo chưa hẳn đã là một nhóm. Và ai nấy trong “tập hợp người viết văn” này, mọi người đều là cột trụ, đều là lãnh tụ. Anh Trần Thanh Hiệp bảo tôi là người có duyên trong việc phát động các phong trào. Anh Thanh Tâm Tuyền gọi tôi bằng anarchiste révolutionnaire. Aah Doãn Quốc Sỹ lại cho là tôi đề cao “dân tộc tính VN”, và anh Vũ Khắc Khoan lại lên án ngay cái điều anh Sỹ nhận định nơi tôi.

NNA : Phát động các phong trào ?
Anarchiste révolutionnaire ? Các nhà
văn trên muốn nói gì trong cách gọi đó ?

NST : Không hiểu vì một cái “duyên
trí tuệ » nào đó, từ thiếu thời cho tới nay,
ở đâu tôi cũng được các bạn bè, đồng
nghệp quý mến. Tôi dễ tập hợp các anh
em. Tôi sẵn sàng chấp nhận cái mới và
làm nên những cái mới — làm trước làm
nhiều để có xúy các anh em. Thuở còn
đi học, tôi cũng là một “cây” văn nghệ
và thể thao và ưa ăn mặc ngang tàng.
Tôi làm thơ Pháp từ khi còn ở classe de
Première trường Bưởi và ở trường Luật
Hà-nội trước 1945. Ở hậu phương, tôi
diễn thuyết bằng tiếng Pháp. ngợi ca ý
niệm về tự do trong văn chương và nghệ
thuật. Trở lại Hà-nội, hồi 1950-51, tôi
viết nhiều sách giáo khoa Việt văn trung
học chuyên việc giảng dạy Việt văn qua

một hướng mới. Ở Sài-gòn hồi 1955-56 tôi hoạt động cho sinh viên di cư trong phạm vi văn hóa. Có lẽ vì thấy tôi ham hoạt động thích làm cái mới và ưa dùng chiến thuật đập phá cái cũ, gieo nghi ngờ vào cái cũ mà bạn bè gọi tôi là cách mạng vô chính phủ chẳng ? Cũng có lẽ vì hồi đó tôi có viết nhiều bài khảo luận về chủ thuyết Siêu thực.

NNA : Ông có ý nghĩ gì về sinh hoạt văn chương trong năm gần đây?

NST : Sinh hoạt văn chương trong những năm gần đây phồn thịnh. Nhiều tài năng mới. Nhiều kinh nghiệm mới và bài học mới cho tôi. Tôi cũng nhận rõ điều đó nhân kỳ dự vào ban Giám khảo Tiểu thuyết cuối năm vừa qua.

NNA : Ông là một trong những giám khảo bộ môn Tiểu thuyết giải Văn học

Nghệ thuật năm rồi. Ông cho biết sơ về lượng và phẩm của các sách dự thi.

NST : Trên 50 tác phẩm dự thi, kể ra đối với đất nước nhỏ bé và loạn ly này là một số lượng đáng nên tán phục. Tuy nhiên, về phẩm có phần không đều. Một số bừa bãi, kém cỏi. Nhưng cũng có khá nhiều tác phẩm giá trị ngoài ba tác phẩm được giải.

NNA : Ba tác phẩm đoạt giải đều là của đàn bà. Ông có cho là đã đến thời kỳ văn chương dành cho giới nữ lưu không ? Và với tư cách là một trong năm vị giám khảo, ông có nghĩ rằng đó là những sách có giá trị nhất trong số những sách dự giải hay còn là những sách có giá trị hơn những sách mà ông đã được đọc nhưng không thấy dự thi ?

NST : Tối thử giải thích sự thành

công của nữ giới hiện nay trong sinh hoạt văn học. Nước ta đang ở tình trạng chiến tranh, nam giới quá bận bịu về nhiều công chuyện, có quá nhiều vấn đề cấp thiết phải giải quyết. Một xúc động này chưa kịp lắng xuống tiềm thức sáng tạo thì một xúc động kia đã khuynh đảo tâm lý. Viết về cái đã qua chưa xong thì đã phải lo sống cái đang xảy tới. Nữ giới có cơ hội rảnh rang hơn để thai nghén tác phẩm của họ. Thời bây giờ lại là thời buông thả cảm, nghĩ, nói ; đó là cơ hội tốt thứ hai để cho nữ giới phá bỏ được cái hàng rào của những mặc cảm hoặc của sự “hỗ thẹn sai lầm” là nói lên uất ức sâu xa, những khát vọng chân thành của họ.

Không, tôi không thấy, hay, nói cho đúng chưa được đọc, những tác phẩm nào lấn át hẳn những tác phẩm được

giải, ngoại trừ những tác phẩm của bốn vị đồng khảo kính trọng của tôi.

NNA : Ông có nghĩ là khi thẩm định giá trị của một cuốn sách, yếu tố tình cảm đã góp phần quá lớn trong công việc chọn lựa đó không ?

NST : Không. Yếu tố tình cảm chỉ dự phần nhỏ, Kinh nghiệm phê bình của tôi cho tôi thấy khởi đầu có yếu tố tình cảm, nhưng càng về sau yếu tố đó càng giảm sút có khi đến độ biến mất khi mà nhà phê bình đã đặt mình trọn vẹn trong công tác của mình. Lúc đó thì người ta quên hết thân sơ. Đó cũng là cái “thú văn chương”, cái “thú phê bình”. Nếu sáng tác có cái vẻ say mê của nó, thì phê bình cũng có cái vẻ hấp dẫn, lôi cuốn của nó. Tôi nói cái say mê thực sự không có không thể làm nên chuyện gì đáng giá – cái say mê không giết hại cái “bình tĩnh tất

yếu” của phê bình. Tôi đã va chạm nhiều với họ hàng và bằng hữu về chuyện này, tôi bị thế hệ trên kể là “bướng bỉnh”.

Nhưng cũng xin thưa rằng đến khi tỉnh cơn phê bình thì yếu tố tình cảm lại có thể trở về. Rất có thể lúc đó người phê bình lại “nhún nhường” hay nhân nhượng v.v... Tâm hồn Đông phương thường hay :

... biết thôi là đủ

Sự chán đời xin nhủ lại tri âm

NNA : Hồi sau này, người ta thấy xuất hiện trên các tạp chí văn học, những cây viết có một khuynh hướng muốn làm mới văn chương. Đó là những điều mà người ta đọc được trong các tiểu luận của Huỳnh Phan Anh, phân vân giữa một bút pháp vừa tiểu luận vừa tiểu thuyết của

Nguyễn Quốc Trụ và gần như dứt khoát trong lãnh vực tiểu thuyết của Nguyễn Xuân Hoàng. Ông có đọc những người trẻ này không ?

NST : Tôi có đọc nhưng chưa nghiên cứu kỹ. Nhưng tôi biết chắc là khi đọc tôi chấp nhận rất nhiều điều và khâm phục nhiều giá trị. Tôi mong có dịp đọc lại kỹ, hệ thống hóa những nhận định của tôi, rồi sẽ trở lại câu hỏi.

NNA : Người ta cũng thường nhắc đến Nguyễn Sĩ Tế nhà văn hóa. Ông quan tâm đến vấn đề Văn hóa một cách đặc biệt nào ?

NST : Nếu có ai gọi tôi là nhà văn hóa thì có lẽ vì tôi có nhiều sách giáo khoa, tôi viết nhiều luận thuyết văn chương, xã hội và chính trị, và tôi đã dạy học hai mươi sáu năm trời nay.

Tôi không quan tâm nhiều đến văn hóa. Tôi viết, tôi hoạt động theo niềm tin và ý thích của tôi. Tôi mong được đóng góp vào văn hóa xứ sở nhưng tôi không muốn trực tiếp tham dự vào việc thảo luận, tìm đường ấn định chương trình, kế hoạch cho một chính sách văn hóa nhất định. Tôi cũng không tin tưởng nhiều ở giáo dục hiện nay trong hướng chiều thường được rêu rao của nó là “khai phóng”. Giáo dục chưa kịp khai phóng đã làm tàn lụi và thui chột bao nhiêu mầm mống ; nó “đầu quân” quá nhiều vào những con đường cũ, mòn, cứng nhắc.

NNA : Ông quan niệm thế nào về một tác phẩm lớn, một nhà văn lớn ?

NST : Một tác phẩm lớn phải là một tác phẩm đồ sộ, Vững vàng, có trong lượng. Nó phải đắm mình trong cái nhất

thời, cái hiện tại để có thể vượt qua đó mà khơi được cái mạch sống miên viễn của con người. Một tác phẩm lớn là một tác phẩm gắn liền với cái “mệnh” dài lâu của một dân tộc nằm trong nhân loại. Bởi thế, tôi nghĩ phê phán giá trị của một tác phẩm, về phương diện nội dung, ta phải đứng ở một quan điểm nhấn bản nào đó và về phương diện hình thức, ta phải truy tìm cái “résidu esthétique” của tác phẩm đó. Tôi vẫn tin có “một thực tại con người”, tác phẩm lớn góp vào việc nói lên hay khơi dậy cái thực tại đó gần sát nhất với cái cốt siêu hình của con người. Tôi vẫn bút gặp những tác dụng nhiệm màu của nghệ thuật ; tôi cho rằng văn chương cốt yếu là một hiện tượng ngôn ngữ – nắm vững và triển khai được cái hồn ngôn ngữ của dân tộc là điều kiện thiết yếu để thành công.

Một nhà văn lớn là một nhà văn có khả năng viết nên những tác phẩm lớn như trên – một mục sư của nhân loại và một phù thủy ngôn ngữ.

NNA : Ông vừa nói văn chương cốt yếu là một hiện tượng ngôn ngữ và nhà văn là một phù thủy ngôn ngữ. Ông có nghĩ là người đọc sẽ hiểu quan niệm văn chương của ông như một trò chơi chủ nghĩa và tác phẩm chẳng qua chỉ là một cách phô bày một ý kiến mới về ngôn ngữ học ?

NST : Xin hiểu nhận định của tôi như là một nhận định thuần túy “văn chương” không có “phần khoa học và kỹ thuật”. Tôi xuất thân Nho học và Luật học nên chưa theo đòi Ngôn ngữ học. Tôi nghĩ người ta có thể lấy ngôn ngữ học như là một trong nhiều tiêu chuẩn để tìm hiểu và phê bình một tác phẩm văn

chương. Nhận định của tôi đứng về phía người sáng tác. Trong đời tôi hằng đụng độ với “phép nhiệm màu của ngôn ngữ”, với những thiên tài trẻ. Tôi nghĩ Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Tế Xương, Tản Đà đã có một năng khiếu ngôn ngữ đặc biệt, nắm được cái thế lực phù thủy của ngôn ngữ, khác phục được con ngựa thần bất kham là ngôn ngữ.

Tất nhiên đó cũng chỉ là một lối nói. Và như tôi đã trình bày trên kia; còn phải xét nội dung trong quan điểm nhân bản nào đó, trên tiêu chuẩn của một “chân lý nhân sự” nào đó.

NNA : Noam Chomsky. Ông có đọc những biên khảo của nhà ngôn ngữ học này không ?

NST : Không.

NNA : Ở Việt nam, cả thời tiền chiến và ngày nay, ông có nghĩ là chúng ta đã có một nhà văn lớn (với một tác phẩm lớn, dĩ nhiên !)

NST : Ở Việt-nam, tiền và hậu chiến, theo tôi vẫn chưa có một tác phẩm nào đáng gọi là tác phẩm lớn. Nói chuyện tương đối, tôi vẫn trọng đái Khái Hưng và nghĩ rằng ông ta có thể trở thành một nhà tiểu thuyết lớn nếu ông ta không bị giết hồi 1946-47; trong những năm đáng sống nhất thì ông ta lại chết rồi.

NNA : Những nhà văn nào được ông đọc nhiều nhất (VN cũng như ngoại quốc). Ông có thể cho biết lý do việc đọc và tác phẩm ông đã đọc ?

NST : Nhiều quá nên quên một phần khá lớn. Phải có thì giờ nhiều may ra mới nhớ lại tạm đủ hay đủ đại diện khuynh hướng. Thuở nhỏ : Kinh Thi, Cổ văn, Thơ Đường, Âu Tây tư tưởng (Nguyễn văn Vĩnh) Trung học thêm : thơ thế kỷ 16 Pháp và thơ tượng trưng Pháp. Bao giờ cũng thích Nguyễn Du và Ca dao. Từ 1943, đọc các nhà văn lớn ngoài nước Pháp, của Nga, Đức, Anh, Mỹ, Ý (qua bản Pháp dịch). Sự khâm phục hồn nhiên của tuổi trẻ không còn chấp nhận hay không thể thôi. Đọc rất nhiều *esthetique* và các *doctrines littéraires*.

NNA : Ông có dự định gì cho công việc sáng tác và biên khảo trong tương lai ?

NST : Chưa có dự định dứt khoát nào cho công cuộc sáng tác và biên khảo trong tương lai. Vẫn cứ nhịp cũ mà đi

thùng thẳng, còn sẽ tính sau. Mong có một tạp chí thực sự văn học hạng khá cho mình và cho bằng hữu ; có lẽ lúc đó sẽ có cơ hội để viết nhiều.

NNA : Tại sao không phải là ông, người sẽ đứng ra làm công việc thực hiện tạp chí văn học đó.

NST : Thiếu phương tiện tài chính. Các chính trị gia nghi ngờ mình và mình vẫn không muốn “đầu quân”. Âu cũng là cái thú của người đứng trước chọn lựa có kéo dài giờ khắc phải quyết định sự chọn lựa.

NNA : Ông quan niệm công việc sáng tác như thế nào ?

NST : Sống trọn vẹn thân mình, thời mình. Được hoàn toàn tự do. Đến với tha nhân chí tình nhưng vẫn có thể chịu

đựng được sự cô độc. Trên tờ “Sáng Tạo”, có hồi tôi đã kêu gọi “một nền văn chương ý thức và tự do”. Từ đó trong khuôn khổ đó sẽ đặt ra vấn đề trách nhiệm của nhà văn.

NNA : Theo ông đâu là vai trò đích thực của nhà văn ? Nhất là nhà văn VN trong tình thế hiện tại ?

NST : Làm giàu cho suy tư và xúc cảm nhân loại; góp kinh nghiệm sống cho đời ; làm phong phú và tế nhị tiếng nói mẹ đẻ.

Hiện tại ở ta, chiến đấu cho tự do, công lý.

NNA : Nếu phải bỏ hết các sách trong tủ sách của ông ra và chỉ được quyền giữ lại một vài cuốn thôi, ông sẽ giữ lại quyển nào ? Tại sao ?

NST : Kim Vân Kiều của Nguyễn Du. Vì những xúc động nhân bản và thẩm mỹ của nó. Và vì nó chứa đựng cái thiên tài của ngôn ngữ ta.

NNA : Ông có tin là nhà văn có tiếng nói riêng của nó. Và tiếng nói đó sẽ được người đồng loại lắng nghe trong những tình thế khấn trương không ?

NST : Có chứ. Ít vì thời này hơn thời nào hết nhà văn là con người ràng buộc và lôi cuốn – thời mà cái homo politicus nơi con người được khơi dậy và đam mê hơn lúc nào hết. Người ta nghi hoặc lẫn nhau và con nhà văn cũng có thể triệt để hỏng.

NNA : Chúng tôi nhớ đại khái là có đọc ở đâu đó câu nói của Jean Cocteau rằng phạm tác phẩm nào thuyết phục quá dễ dàng nhanh chóng đều chỉ là những

tác phẩm trang trí và nông công.

Ông có đồng ý với quan niệm này không ? Dĩ nhiên là chúng tôi không muốn ám chỉ một vài hiện tượng văn chương đang “ào ạt” vì thuyết phục quá dễ dàng và nhanh chóng sinh hoạt văn học nghệ thuật ở đây.

NST : Những “ngọn lửa rơm” thời nào cũng có. Tôi nghĩ đó là một sự thật hằng cữu.

Nguyễn Nam Anh thực hiện

ĐÚNG NGÀY 15.6-71

nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng
cho phát hành cùng một lúc, trên
toàn quốc, hai tác phẩm lớn của hai
nhà văn và nhà thơ thời danh:

THƠ SAY
thơ của VŨ HOÀNG
CHƯƠNG

ĐỂ TƯỞNG NHỚ
MÙI HƯƠNG
truyện dài của MAI THẢO

Hai cuốn sách không thể thiếu
trong tủ sách của bạn.

THƠ

**Hoàng Xuân Sơn * Vũ Hữu
Định * Yên Uyên Sa**

Ngày buồn

sao ngày không vui mà ngày buồn
ngày có mặt trời lặn như điên
ta có cuộc đời treo dưới nắng
trái tim thù treo giữa tay chân

sao ngày không vui mà ngày buồn
ngày công phố già đi lang thang

đêm thả giới nghiêm rào giấc mộng
nửa ơ hồ đứt gánh yêu em

sao ngày không vui mà ngày buồn
chúng ta về đêm khuya rời rã
sầu đời quên áo rách tang thương
xuân đến đông tàn nằm run một xó

sao ngày không vui mà ngày buồn
ngày giết cha và ngày bắn mẹ
ngày khốn nạn ngày lên cơn
ngày đổ màu chập chùng trí nhớ

sao ngày không vui mà ngày buồn

ngày không ru một chút bình yên
cho những chuyến đi không còn vơi
và
giấc ngủ tình cờ thấy lại trong đêm.

Hoàng Xuân Sơn

Ngày quạnh hiu

Một ngày gió tạnh bên vườn cỏ ho-
ang

Ta nhìn con sâu đo đo đoạn đời buồn

Em có biết lá mơn hạnh phúc

Dưới chân sâu ngày tháng héo hon

Một ngày sóng tạnh trên sông nắng
hanh

Ta muốn đi nhưng buồn nín phải
đành

Nằm thêm thiếp nghe cỏ cỏ vỗ
cánh

Hình như tình lạnh đã bay xa...

Ai hong áo tiếng lụa mềm phơi phơi

Ai bước về mà hồn cỏ run run

Âm thầm đến con sông trước mặt

Nước còn trôi, tiếng lụa còn mềm

Một ngày rượu uống sao không mềm

môi

Một ngày nhớ nhau gió xé mây trời

Cỏ cây cũng gục trong sầu ngất

Một ngày quạnh hiu chết chậm trong
đời.

Vũ Hữu Định

tháng 5-71

Động cánh muông vàng

gió rục rịch cánh muông vàng chiều
xế

ta giữa vườn mót củi nấu cơm duyên

cầm không đậu lòng với đời thương
phế

ngắt một bông cặm xuống nỗi ưu
phiên

ôi áo em vàng yêu nhớ vô biên.

Yên Uyên Sa

Dương Nghiễm Mậu

KẺ SỐNG ĐÃ CHẾT

truyện dài

(kỳ 1)

 ôi Em đưa chiếc làn mây cho chị Bê Xanh, Hữu mỉm cười như một lời chia tay, chị Khuyên giữ chặt lấy vai Thu mắt nhìn cuống quýt trong chốc lát rồi đi vội xuống phà, Hữu nói với Bê Xanh:

– Em nói với anh Bôi, anh gửi lời hỏi thăm.

Bê Xanh gạt đầu phác một nụ cười không nói, hai người đi xuống mé sông

và bước lên chiếc ca-nô đang nổ máy, không ai muốn nói với ai một lời nào. Chiếc ca-nô quay đầu, tiếng máy nổ cồn cào trên dòng sông nước đục chạy xiết. Khuyên đứng ngoài mũi vẫy tay cho tới khi chiếc ca-nô ra tới giữa dòng nước, dáng Bê Xanh tần ngần, hai tay buông xuôi, mặt lạnh nhìn lại. Thu có cảm tưởng không bao giờ còn gặp lại Bê Xanh nữa. Hữu hắng giọng lấy thuốc ra hút rồi đi trở lại bờ đê cao nhìn mông phía cầu Long Biên, Bôi Em nói với Thu:

– Mình lên thôi chị Thu.

Hai người lặng lẽ đi lên dốc bờ đê, khi lên tới bên anh Hữu, khu bến Phà Đen không còn một bóng người, chiếc ca-nô đã xuôi về phía Nam, tiếng động cơ đã mất tăm trên dòng nước rộng mỗi lúc một quạnh hiu, nền trời buổi chiều xám mùa thu làm cho những ngọn tre

ở bên kia dòng sông như xa hơn, thấp hơn; cầu Long Biên màu đen như lặn vào trong nền trời không một gợn mây và phẳng như một mặt thiếc nhạt buồn.

– Chị Khuyên chắc không trở lên nữa, anh Quang đã đi Hải Phòng,

Bôi Em nói giọng nhỏ yếu:

– Trước khi đi anh Quang có xuống nhà ăn cơm, mẹ em khóc.

– Tại sao anh Quang lại đi?

Câu hỏi của Thu không có ai trả lời, Hữu lặng lẽ nhìn xuôi theo dòng sông về phía Nam. Bôi Em tần ngần nhìn sang bên kia bờ sông Hồng, phía bên đó, rất xa, ven bờ biển, bây giờ anh Quang đang làm gì ở đó.

– Anh Bôi đi mãi sau chị mới biết.

– Bác em lên đưa anh ấy về, nghe nói anh ấy đã đi học tập rồi. Bao nhiêu sách vở của anh ấy, anh ấy đã đốt hết không để lại gì cả, có lẽ anh Bôi sẽ không trở lại Hà Nội nữa, hình như anh Bôi có thư cho chị.

– Không có, anh ấy gửi trả cho chị cuốn “Bướm Trắng” của Nhất Linh mà anh ấy mượn của chị từ lâu. Chị cũng muốn đi.

– Chị đi đâu?

– Chị cũng chưa biết nhưng chị có cảm tưởng rằng chị sẽ không ở lại Hà Nội. Em và hai bác sắp về quê phải không?

– Cậu em đang thu xếp cho xong công việc, em cũng sẽ trở về quê, có lẽ việc học của bọn em sẽ không được tiếp tục nữa, buồn quá phải không chị, các

bạn em mỗi đứa một nơi, em chẳng còn gặp ai, đứa đi Nam, đứa về quê, mình sẽ không còn được sống như xưa nữa. Nếu tiện khi nào chị về Bát Tràng với bọn em, có lẽ anh Bôi cũng trông chị.

Thu mỉm cười nhìn Bôi Em, nụ cười ngậm ngùi buồn lạnh. Hữu đã ngồi xuống bờ đê nhìn dòng nước đục. Thu và Bôi Em đến bên và cùng ngồi xuống, bỏ hai chân đuổi theo bờ đê thoải thoải. Hôm nay Thu nhìn dòng nước đục sao như lạnh nhạt với mình, đã mấy lần Thu bỏ tay mình xuống dòng nước ấy khi ngồi trên ca-nô trở về quê Bôi trong kỳ nghỉ hè năm trước, dòng sông chạy qua những làng mạc hai bên, những lũy tre cao, con đê cao và những hồ sen trắng ở bên kia bờ, những buổi sáng rực rỡ dòng sông như tươi cười với tuổi học trò như đã trôi qua, một quãng đường mới đang

đến. Thu nghe như những ngày tháng ngột nghèo khác sẽ đến. Bây giờ Hà Nội ngậm ngùi những buổi chia tay, người đi kẻ ở ngõ ngang chợt ập xuống bàng hoàng, những bờ bè, những con đường ngang qua nào cũng như gợi lại những kỷ niệm. Mình sẽ sống với một Hà Nội khác. Thu nhủ với mình như thế. Nàng linh cảm thấy một đổi thay nhưng nàng không hiểu được những đổi thay đó sẽ như thế nào, điều ấy càng khiến cho nàng bàng hoàng hơn. Anh Quang đã đi. Thu không còn hy vọng được dự đám cưới của anh Quang với chị Khuyên nữa, điều mà không ai nghĩ rằng sẽ không có. Anh Quang đi Nam, anh Quang quyết định một cách dứt khoát nhẹ nhàng, Thu có cảm tưởng rằng anh Quang không yêu chị Khuyên như Thu tưởng. Trước khi đi anh Quang xin cậu mợ chị Khuyên cho hai người kết hôn, chị Khuyên không

bằng lòng vì không muốn xa gia đình. Anh Quang lặng lẽ nuốt nước mắt không nói một lời. Mẹ chị Khuyên thương anh Quang, muốn cho chị Khuyên đi với anh Quang nhưng cậu chị Khuyên không cho, ông nói để mặc ý chị Khuyên. Anh Quang không nán lại nữa, anh tới từ biệt mọi người rồi lên xe đi Hải Phòng không một chút bịn rịn. Chị Khuyên quyết định về quê. Những việc xảy ra Thu không hiểu được, nàng nghe một nỗi tan hoang. Có lẽ anh Bôi cũng trông Chị. Thu muốn tin như thế.

– Có lẽ rồi mình cũng không gặp lại dòng sông này nữa.

– Anh cũng đi sao?

Giọng Thu hốt hoảng, anh Hữu cầm ngọn cỏ may trên tay soe soe đôi mắt nhìn xa xăm.

- Anh phải vào Thanh Hóa.
- Như vậy thì sao lại nói là không gặp lại.

Hữu đưa mắt nhìn dòng sông rộng, sau bao năm trở lại sông vẫn như xưa, vẫn cây cầu Long Biên màu xám bắc qua dòng sông rộng, những ngọn tre xa bên kia dòng nước, vẫn khu Phúc Xá lơ thơ mấy ngọn cây cao và mấy mái nhà xa cách nhau, bãi sông rộng những cỏ hoang gọi nhớ những ngày cắp sách đi học, ngày nghỉ cùng bạn bè mang bóng ra đá, con đê cao những ngày hè thả diều, chạy đuổi lúc trở về đi lượm sấu trong những con đường khu trường Hàng Vôi, vườn hoa Con Cóc và lượn những cục nước đá bọc trong chiếc khăn tay, Hữu như còn thấy vị sấu chua và những trái sấu non giòn tan trong miệng. Hồng Hà ơi, Hồng Hà ơi... con nước ấy bao nhiêu tâm

sự của những người đã sống bên nó, gửi gắm cho nó những tâm sự riêng chung.

Hữu nhìn Thu mỉm cười không nói,
Bởi Em đứng lên:

– Về chưa chị Thu...

Hữu đứng lên theo:

– Mình về thôi.

Thu uể oải đứng dậy, ba người theo lối đường mòn dời khỏi mặt đê cao, khi nhìn lại, Thu không còn thấy dòng sông, chỉ còn thấy ló lên mặt đê, rất xa mấy ngọn tre cao lẫn trong lớp cỏ may dày đặc màu nâu sẫm... Về tới cửa nhà Bác Cổ, Hữu chia tay Thu và Bôi Em. Anh Hữu đi xuôi theo con đường bờ sông, Thu và Bôi Em đi sang phía cửa nhà Hát Lớn, theo con đường Trường Tiền ra chợ hoa chờ xe điện. Tiếng chuông xe điện đổ rồn

chạy theo bờ hồ Hoàn Kiếm ngang qua đền Ngọc Sơn lên đường Hàng Đào, khi tới Hàng Buồm thì Bôi Em xuống. Thu đi xe lên tới dốc Hàng Than mới xuống để về nhà ở đường Nhà thương Khách. Buổi chiều gần tàn nên trời thấp, những con én liệng xuống lòng phố vắng.

Bôi đã đi, chị Khuyên và Bê Xanh đã đi, rồi Bôi Em và hai bác cũng đi, Thu thấy mình mất đi một điều gì. Thanh đã theo gia đình vào Nam, Những người bạn mỗi người một nơi, những kỷ niệm để lại thực Thu không chờ đợi. Bê Xanh đã đi, Thu nhớ lại chiếc áo len xanh hai đứa đã đan chung chờ đợi mùa đông đến. Có lẽ mình cũng không còn gặp Bê Xanh nữa. Đẩy cửa vào nhà. Mẹ Thu đang rửa mặt nơi chiếc thau đồng để trên chiếc giá nơi khoảng sân giữa nhà, Thu cất tiếng thưa rồi vào trong buồng thay áo, mâm cơm

đã dọn lên cỗ ngựa, Thu với chiếc khăn mặt đứng lại bên:

– Chị Khuyên với Bê Xanh về quê rồi mợ.

– Thế chị Khuyên không đi với anh Quang sao?

– Không mợ, anh Quang đi Hải Phòng hai ngày rồi, chị Khuyên buồn.

– Tội chưa, hồi chiều bác huyện cũng mới tới chào để mai đi Sài Gòn, đi bỏ cả nhà cửa, thế mà bác ấy không chịu bán còn gửi mợ trông nom để khi về còn nhà ở, mà biết bao giờ về...

– Sao nhà mình không đi mợ?

– Ở con này hay chữa, đi đâu, nhà mình mình ở, vào trong ấy mà làm gì, nay mai anh Linh, anh Đảng về là vui

rồi. Quên mẹ chưa nói cho con biết: anh con về rồi đó.

– Anh Linh về rồi, anh đâu?

– Không phải, anh Trác.

– Anh Trác, anh Trác nào?

– Anh ruột của con.

Giọng mẹ Thu bình thản, cử chỉ bình thường, hai bàn tay trắng nhỏ đang vò chiếc khăn mặt trong chiếc thau bóng, mẹ Thu nhìn lên, Thu thờ thẩn đôi mắt giương tròn, miệng như mở lớn, nàng không hiểu gì hết.

– Vậy con không phải con mẹ?

– Không phải con ruột của mẹ, để rồi mẹ nói cho con rõ, bây giờ thì con có thể biết được rồi.

Thu cảm cảm thấy như mình lạc vào một giấc mơ không rõ ràng. Mình không phải là con trong gia đình này? Tại sao từ trước tới nay không ai nói với mình điều ấy. Như vậy mình là một đứa trẻ mồ côi sao. Mẹ Thu đã đổ chiếc thau nước xuống và đang rửa chân rồi bỏ chiếc thau lên chiếc giá lấy gáo múc nước ra cho Thu:

– Rửa mặt rồi vào ăn cơm con.

Thu cử động như cái máy, bỏ khăn vào trong thau ấp nước lên mặt, Thu rung mình với ý nghĩ mình là đứa trẻ mồ côi, khi bỏ hai bàn tay ngâm vào trong thau nước, Thu thấy mình tái xám đi. Người u già đã bung nồi cơm lên để chiếc ghế đẩu và đang sôi cơm ra bát, khói cơm bốc nghi ngút. Hạnh từ nhà trước đã trở vào ngồi xếp tròn trên cổ ngựa, mẹ Thu ngồi phía trong, u già ngồi một bên đầu

nồi. Thu vắt khăn, rửa chân, nàng nhận thấy màu gạch tươi dưới bàn chân trắng muốt của mình.

– Con không hiểu gì cả.

Thu ngồi xuống mép bộ ngựa, hai chân thông xuống, vợ Thu nhìn nàng giọng thân mật nhẹ nhàng:

– Thực vợ không muốn xa con, dù vợ không sinh ra con nhưng mơ vẫn coi con như con vợ, có điều vì anh con quá tha thiết nên vợ không biết làm sao, nếu con xa vợ thì vợ buồn lắm.

Thu thấy mình ràn rụa nước mắt, có như nghẹn lại, nàng cảm thấy như một điều gì sắp mất đi, nàng tưởng như mình sắp phải rời khỏi ngôi nhà thân yêu này. U già chợt nói:

– Ai ngờ cậu Trác còn sống, lúc trước

nghe cậu ấy chết ở Lạng sơn, sau lại nghe cậu ấy mất tích ở Điện biên Phủ, cậu ấy về thành rồi sao bà.

– Cậu ấy về đã tuần nay, u còn nhớ cậu ấy à?

– Bây giờ gặp lại không biết tôi còn nhận ra không, tội nghiệp cho ông bà Tham.

Mợ Thu quay lại giọng dỗ dành:

– Nín đi con, có gì đâu mà con khóc, nếu không muốn đi với anh con thì ở lại với mợ, ăn cơm đi, con gái lớn rồi.

Hạnh nói:

– Chị Thu đi đâu mợ?

– Đâu có đi đâu, anh Trác về.

– Thế anh Linh về chưa mợ?

– Anh Linh về mà không có ở nhà sao, thằng này hỏi lạ không, anh Linh sẽ về với đoàn quân vào Hà nội, cũng sắp rồi, nhờ Trời nhà mình ăn ở phúc đức, thật nhiều lúc vợ tưởng anh Linh con đã chết, bạn của anh Linh đâu còn mấy người, biết chắc có anh Trác, anh Đắc, còn thì đều không rõ cả anh Đặng chết ở Hòa Bình, anh Lục chết ở Vĩnh Yên... Hồi cậu mất khi hấp hối còn hỏi anh Linh đâu.

Câu chuyện quanh mâm cơm bỗng buồn rọi và ai cũng như uể oải với không khí một tiếc thương đau buồn từ những ngày tháng cũ đồn lại trong ngôi nhà xưa mà những viên gạch, chiếc cột cũng như đây ấp một tâm sự lưu giữ mỗi lúc một thêm sâu dày. Rất nhiều những ngôi nhà như vậy đã lại đang khởi đầu những chia tay, những biệt ly tan hoang với một hy

vọng mong manh về một ngày sum họp tưởng như gần nhưng không ai dám quả quyết. Thu bưng bát cơm ăn, tiếng bát đĩa rời rạc, có lúc u già ôm ngực ho, mùa thu đã bắt đầu.

Ngọn đèn nhỏ đã bật sáng trong gian nhà gỗ, mẹ Thu ngồi dựa lưng vào tường. Hạnh đã đi ra ngoài. U già đang thu xếp công việc dưới nhà bếp, Thu bưng chén nước chè lại, mẹ Thu đón lấy và để xuống bên:

hắn là mẹ

– Con ngồi đây mẹ nói cho con nghe, trước kia không bao giờ mẹ nghĩ rằng con sẽ biết chuyện này, không hẳn là mẹ muốn giấu con, nhiều lúc nhìn con mẹ ân hận, nhưng mẹ nghĩ có lẽ con biết đi chẳng nữa cũng không có ích gì mà còn có hại cho con, nhưng bây giờ thì mẹ

phải nói, phần nào đi nữa thì con còn có anh con.

Thu ngồi xuống chiếc ghế đầu để nơi bên cỗ ghế ngựa, nàng thấy mình như một người khác, một Thu nào đó không phải là Thu của căn nhà này, của gia đình này. Năm nay mình đã mười sáu tuổi rồi. Thu nhớ lại những ngày tháng cũ, những ghi nhớ nhạt nhòa ngày theo gia đình trở vào Hà Nội, nàng đi học, lớn lên theo với ngày tháng, nàng là con của ông Lê Văn Ngân và bà Nguyễn Thị Mai, giấy khai sinh, trong học bạ đều ghi như thế, Thu được biết nàng có một người anh lớn đi kháng chiến từ những ngày đầu, còn lại nàng và Hạnh, đứa em trai thua nàng ba tuổi, trở về Hà Nội thì cậu Thu mất vì bệnh gan, mà như mợ Thu nói thì hậu quả của bệnh sốt rét rừng để lại sau hơn một năm tản cư trên Phú Thọ. Thu

nhớ lại ngày cha chết, nàng khóc sừng cả mắt. Mẹ nàng có cửa hàng trên chợ Đồng Xuân tiếp tục cuộc sống bình thường nuôi hai người con đi học, có một hồi mợ Thu đã trở ra khu với hy vọng đưa được anh Linh trở lại thành nhưng sau ba tháng tìm kiếm mợ Thu trở về một mình với một thân hình gầy ốm hốc hác, đôi mắt trũng sâu vì nghĩ anh Linh đã chết, tin tức mất hẳn một thời gian khá lâu rồi mợ nàng mới được thư của anh Linh do một người trở về mang theo, Linh bị thương nhưng đã khỏi và đã lên đường ra mặt trận, trong thư anh Linh hy vọng ngày chiến thắng trở về thủ đô, đọc thư mợ Thu khóc vì thương nhớ con trai lớn trong gia đình. Như vậy thì sao nàng lại không phải là con của gia đình này? Vậy nàng đã trở thành con nuôi trong gia đình này từ bao giờ, mình là

con ai? Vô vàn những câu hỏi đến với Thu.

– Trước kia cha con với lại thầy thằng Hạnh là bạn học. hai gia đình cùng ở trong một khu phố, lúc bấy giờ ở dưới phố Hàng Gối, con nhớ chỗ phố Đông Mỹ bây giờ đó, giặc giã, cả hai gia đình cùng tản cư, và lên sống ở trên Phú Thọ, lúc bấy giờ anh Linh và anh Trác của con cùng vào bộ đội, không may nó thả bom, cha và mẹ con bị chết, con không sao cả nhưng ngắt đi mất hai ngày mới tỉnh lại, từ đó con trở thành con của mợ, con còn bé, anh con thì ở xa, mợ nghĩ chắc anh con đi cũng không có ngày về, rồi gia đình mình vào thành, mợ lấy lại giấy tờ và khai con là con để có giấy khai sinh đi học, nếu như anh con không trở lại thì chắc mợ không bao giờ nói điều này cho con hay. Anh Trác con hơn con đến hơn

mười tuổi, anh ấy xa nhà từ khi con còn bé nên con cũng không biết gì. Bây giờ anh con đã về và đang tìm gặp con.

– Con không muốn xa mẹ.

Thu òa lên khóc và ngả người vào lòng người mẹ mà nàng vẫn tưởng là người đã sinh ra mình. Người đàn bà vuốt bàn tay mềm mại lên đầu người con gái ngoan hiền.

– Mẹ có thương con không?

Người đàn bà mỉm cười bùi ngùi vỗ tay lên đầu người con gái:

– Không thương con thì mẹ thương ai...

Thu ngồi lên ngay ngắn, vuốt những sợi tóc ướt về phía sau:

– Anh con bây giờ ở đâu?

– Mợ cũng chưa gặp, anh con mới ở khu vào, anh con bây giờ là anh hùng Điện Biên, bà Hoạch cho mợ biết, anh con trở lại Phú Thọ, sau đó được biết tình cảnh gia đình đã quyết trở về thành sớm để tìm con, tội cho Trác chắc nó buồn lắm khi nghe cha mẹ con đều đã chết thảm ngày đó.

Anh Trác, Thu nhắc thăm tiếng Trác nhiều lần, nàng nghe ngóng mình. Anh Trác, nàng thấy sự cách biệt xa lạ. Anh Linh, tiếng Linh như gần gũi với Thu hơn, trong bao năm qua, những câu chuyện vui buồn trong gia đình chừng như lúc nào tên một người anh trai lớn cũng được nhắc đến một cách thân yêu triu mến, và chính với Thu nàng cũng coi người đó là anh mình với những ràng buộc máu mủ, bây giờ nếu gặp anh

Linh có khi nàng có thể nhận ra nhờ những tấm hình gia đình chụp mà nàng được coi. Còn Trác, người đó như thế nào, Thu không thể hình dung ra được, nàng tưởng tượng tới một người đứng trước mặt nàng và nói: anh là anh Trác đây. Lúc bấy giờ nàng sẽ ra sao? Bây giờ nàng thấy dừng dừng vô ngần, dù thực sự người kia thực là anh nàng. Giọng mẹ Thu trở lại ngọt ngào cảm động:

– Mẹ mừng khi thấy anh Trác con trở về, bao năm nay mẹ vẫn ân hận và thương anh ấy, chiến tranh gây ra bao nhiêu cảnh huống thương tâm, bây giờ lại người đi kẻ ở...

– Bây giờ anh Trác con ở đâu?

– Bà Hoạch mới nói cho mẹ biết bởi chiều, anh con mới về, chắc thế nào rồi

cũng đến nhà mình, mợ cũng đã nhắn anh con rồi, không biết anh con về ở nhà ai, chắc cũng quanh quẩn trong mấy nhà người thân.

Không khí im lặng kéo dài, Thu không biết nói thêm gì, những ý nghĩ không rõ ràng trở lại với tâm trí nàng, có một điều nàng như cảm thấy rõ ràng: những đổi thay đã đến...

– Thôi con lên gác đi, mợ qua bên hàng xóm chào bác Hòa một chút, đâu mai bên ấy đi Sài Gòn.

– Bác Hòa cũng đi Nam sao mợ.

– Bác ấy có người anh sống ở trong đó từ lâu.

Mợ Thu đứng lên mặc áo rồi đi ra cửa, Thu khép cửa lại rồi lên gác, nàng

cảm thấy ngôi nhà như bắt đầu xa lạ với
nàng...

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

Thư Trung

Giải đáp thắc mắc

Về ngôi mộ Hàn Mặc Tử

Trong VĂN số 179, chúng tôi có đăng bài của bạn Trương Văn Ngọc nêu ra một thắc mắc về ngôi mộ Hàn-Mặc Tử. Sau đó, chúng tôi có thỉnh ý ông Quách Tấn và được tiên sinh cho biết như sau :

(...) Người đàn ông nào ở Gành Ráng đó đã vô tình hay cố ý phạm đến danh dự vị linh mục coi bệnh viện Qui-hòa. Bởi vì chỉ một ngôi mộ của người này làm mộ người kia, khi thân nhân đến xin lấy

cốt, thì đến một người thường dân cũng không nổi, huống hồ một nhà tu hành.

Vị linh mục lắm chăng ?

Sao “ông ở Gành Ráng” biết được ; Không lẽ vị linh mục lại đi nói sự lắm của mình, nếu có lắm thật, cho ông ấy sao ?

Lúc dời mộ Hàn Mặc Tử, tôi có tại Qui-nhơn.

Vị linh mục coi bệnh viện Qui-hòa cũng như gia đình Hàn-Mặc Tử không thể lắm được. Vì mộ Hàn-Mặc Tử đâu phải mộ vô chủ. Chị và em Tử đều ở Bình-định chớ có ở đâu xa.

Việc đắp mộ Tử ở Qui-hòa và việc dời mộ ra Gành Ráng tôi đã nói rõ trong bản hồi ký “Đôi nét về Hàn-Mặc Tử” đăng ở SỐ VĂN 73 + 74, đặc biệt về Hàn-Mặc

Tử, năm 1967 (trang 138, 145, 158). Nếu ông Trương Văn Ngọc có xem qua, chắc không phải thắc mắc. Trong số đặc biệt VĂN 179, ông Thi Vũ tình cờ cũng đã giải đáp thắc mắc của ông Trương Văn Ngọc ở nơi bài viết đăng nơi trang 46, 47, 51.(...)

(trích thư riêng đề ngày 2-6-1971)

Về những bài lai cáo gửi cho VĂN

Gần đây, chúng tôi có nhận được một số thư của bạn đọc (cô Lực-thị Nghi Xuân ở Đà-lạt; ông Vũ Ngọc Uyên ở Sài-gòn, và nhiều bạn khác nữa) hỏi về những thể thức gửi bài lai cáo cho VĂN. Sau đây, chúng tôi xin được trả lời chung cho tất cả những bạn thắc mắc về vấn đề này :

Bài viết cho VĂN không nhất thiết phải theo một chiều hướng nào, nói to tát ra, một lập trường nào cả. Tất cả mọi khuynh hướng văn chương đều được VĂN dang tay đón nhận, miễn là bài viết hay.

Số trang cho mỗi bài viết không hạn định. Tuy nhiên, vì số trang của tập báo hạn hẹp, nên mỗi bài bạn chỉ nên viết tối đa khoảng mười, mười hai trang báo là nhiều rồi.

Như đã trình bày nhiều lần, bài lại cáo của ban đọc gửi về cho VĂN sẽ do một Ban Tuyển đọc Tác phẩm tuyển chọn. Kết quả tuyển chọn được loan báo ngay từng kỳ báo, ngoại trừ trường hợp đặc biệt thì có nhắn tin hoặc biên thư riêng. Thời gian đăng bài được tuyển chọn tùy theo sự sắp xếp của tòa soạn, dựa trên chủ đề các số báo.

Về thơ, bài được chọn đăng không có nhuận bút mà chỉ có báo biểu. Về văn xuôi, kể từ bài thứ hai được chọn đăng sẽ có nhuận bút, trả theo giá biểu riêng. Bạn nào không muốn theo thông lệ trên, muốn lấy nhuận bút ngay từ bài đầu thì xin ghi rõ trên bản thảo, hoặc trong thư gửi kèm bản thảo để Ty Trị sự lo liệu việc đó. Cũng xin nhấn mạnh là việc đòi nhuận bút ngay từ bài đầu sẽ không ảnh hưởng gì tới việc tuyển chọn cả. BTĐTP làm việc biệt lập với Tòa soạn, cũng như Tòa soạn không bao giờ bị Ty Trị sự chi phối. Người nào lo phần việc của người nấy vậy thôi.

Để tiện việc liên lạc, ngoài bút hiệu, quý bạn nên cho biết thêm tên họ và địa chỉ rõ ràng. Điều này sẽ giúp cho Ty Trị sự dễ dàng trong việc gửi báo biểu (theo

lối bảo đảm) hoặc nhuận bút (bằng bưu phiếu) tới các tác giả.

Về hai câu thơ của Chế Lan Viên

Cùng mục này, trong VĂN số 178, trả lời ông Mai Huỳnh Lâm ở Đà-nẵng, hỏi về xuất xứ hai câu thơ (chép sai), chúng tôi đã nhờ bạn đọc chỉ dẫn giùm.

Sau đó, chúng tôi đã nhận được nhiều thư bạn đọc; trong đó có bạn cho đó là hai câu trong một bài nhan đề “Lời trần tình” của một tác giả quên tên (Ô. Phạm Khắc Bình, Kbc 4061), có bạn cho là trong bài “Hận long” của Chế Lan Viên (cô Đỗ-thị Mười, Đà-lạt), có bạn lại cho là của một tác giả vô danh đăng trên nhật báo, cách đây ít năm. Riêng bạn Quan Trung Hiếu, ở Sài-gòn, đã chỉ dẫn đúng. Hai câu:

*Cả dĩ vãng là chuỗi **ngày** vô tận*

*Cả tương lai là chuỗi **huyết** chưa thành...*

tìm thấy trong bài thơ “Những năm mờ” của Chế Lan Viên. Vậy, xin lưu ý bạn Mai Huỳnh Lâm đăng rõ. Quý bạn muốn chép bài thơ trên, có thể tìm trong tập thơ “Điêu tàn” do Hoa Tiên xuất bản, Sài-gòn, 1967, nơi trang 34.

Với tất cả các bạn có thư chỉ dẫn, dầu đúng hay sai, chúng tôi xin được gửi một lời cảm ơn chung, rất chân thành.

Cô Đỗ-thị Mười, Đà-lạt, hỏi :

- 1) Xin ông cho biết tiểu sử nhà văn Sơn Nam.
- 2) Xin ông cho biết Thế-Uyên, tác giả

“Mưa trong sương”, có phải là con của bà Nguyễn thị Thế (em của Nguyễn Tường Tam) không ?

– **Trả lời :**

1) Sơn-Nam tên thật là Phạm Minh Tài, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1926 tại Bạch-giá (Kiên-giang).

2) Đúng, Thế Uyên là con bà Nguyễn thị Thế và là cháu gọi Tường Tam bằng bác.

*** Lê Hoàng Nguyễn, Kbc 4286/D, hỏi :**

Xin ông cho biết tác giả và cả bài thơ có câu :

a) Ở đây sương khói mờ nhân ảnh...

b) Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa trọn ngàn năm yêu mến tôi.

(thư ngày 29 tháng 3 năm 1971)

– Trả lời :

a) Câu thơ trên tìm trong bài “Đây thôn Vĩ dạ” của Hàn-Mặc Tử.

b) Hai câu dưới tìm thấy trong bài “Ý thu” của Xuân Diệu.

c) Vì khuôn khổ hạn hẹp, chúng tôi tiếc không thể chép lại toàn văn hai bài thơ trên. Đề nghị ông, hoặc ông nhờ người quen chép giùm, trong nhiều tập thi tuyển hiện đang được phổ biến rộng rãi. Chẳng hạn như trong bộ “Việt nam Thi nhân Tiền chiến” của Nguyễn Tấn Long, ông có thể chép thơ Hàn Mặc Tử

nơi Quyền Hạ, trang 417; và chép thơ Xuân Diệu nơi Quyền Thượng trang 684.

*** Lâm Tễn Cuôi, Láng-tròn, hỏi :**

1) Mặc dù đã tìm trong VĂN số 150, và mặc dù đã tìm trong nhiều tập thi tuyển, tôi không sao tìm được trọn vẹn bài thơ “Đăng trình” của Vũ Hoàng Chương. Tôi cũng đã cố công tìm tập “Hoa Đăng” nhưng kiếm không ra. Vậy rất mong ông chép lại giùm toàn bài thơ “Đăng trình”.

2) Xin ông cho biết tác giả, xuất xứ bài thơ trong có câu : “Cho tôi về theo nhã nhạc đêm nay” ?

3) Trong năm qua, ở mục “Nhắn tin riêng” của quý báo tôi nhận thấy còn một số bài vở đã chọn mà tới nay vẫn chưa

in (...) Xin cho biết vì sao ? có phải vì bị “khuyến cáo” mà đành phải gác lại những bài đó ?

(thư ngày 5 tháng 5 năm 1971)

– trả lời :

1) Sau đây là nguyên văn bài thơ “Đăng trình” chép trong tập “Hoa Đăng”, Văn Hữu Á Châu xuất bản, Sài-gòn, 1959, trang 80-90.

ĐĂNG TRÌNH

Bao nhiêu hạt cát bến sông này

Đã bấy nhiêu ngàn thế kỷ nay

Ta vượt ngàn năm đường ánh sáng

Tụ ngoài Vô Tận đến nơi đây

*Trái Đất mừng ta nhạc vút cao
Băng sơn găm thét hỏa sơn gào
Bóng ta in xuống chân trời mới
Nhật Nguyệt hai phương ngửa mặt
chào*

*Muôn màu chen dự lễ đăng quang
Biển nước xanh lơ biển cát vàng
Hoa tím buông lơ sườn cỏ biếc
Ôi rừng trinh bạch đảo hồng hoang !*

*Nhưng vẻ thiên nhiên tự buổi đầu
Với thời gian đã mất về đâu ?*

Núi sông mòn mỏi bao hưng phế

Hiện nét già nua mặt địa cầu

Đại lục buồn soi bóng đại dương

Cỏ hoa rừng đảo úa dần hương

Cũng như Trái Đất khô dần nhựa

Còn, chỉ còn dư vị chán chường

Đêm đêm ta giỡn mấy tầng cao

Tìm một không gian mới lạ nào

Lấp lánh Quê Trời thơ hẹn bến

Gian mình Quê Đất mãi hay sao !

Nhân loại ra đi chẳng một lần

*Hợp tan nào khác mảnh phù vân
Trên đà tốc độ siêu quang ấỵ
Một chuyến đăg trình một hóa thân*

*Này lúc vèo qua hệ Thái Dương
Ném sau ngàn đổm lửa kim cương
Mạn phi thuyền cháy lên rừng rực
Ta gõ mà ca : Thiên nhất phương !*

2) Chúng tôi không tìm ra xuất xứ câu thơ bạn hỏi. Ước mong bạn đọc, bạn nào biết, vui lòng chỉ dẫn giùm.

3) Bạn theo dõi bài vở có phần còn kỹ hơn chúng tôi nữa đấy. Truyện “Thân phận” của Đông Ngồ, BIĐTP có đề nghị

tác giả cắt ngắn bớt vì bài đó hơi quá dài một cách không cần thiết. Tác giả đồng ý sửa lại, nhưng sau khi lấy bài về. không thấy liên lạc trở lại, cũng không hiểu vì sao. Hai truyện ngắn của Trần Hoài Thư (“Trong đêm về sang” và “Buổi sáng trên đèo”) đều gặp khó khăn ngoài ý muốn nên không thể ra mắt bạn đọc được. Bài “Phận người” của Phạm Ngọc Cảnh sẽ đăng trong số tới. Còn “Những lớp mây phai” của Hà Minh Dũng, chúng tôi tìm không ra vết tích (?). Kỳ thật !

Nhắn tin :

*** Nguyễn-thị Thùy Liên, Bình-
định:**

1) Ông Đỗ Tồn, tác giả “Hoa Vông Vang”, hiện là sĩ quan ngành Tâm lý

chiến (cấp Tá) phục vụ tại Quân đoàn II. Chúng tôi rất tiếc không biết địa chỉ của ông. 2) Không, vì đã có gì đâu ? 3) Nhà xuất bản Hồng Lĩnh đã ngưng hoạt động.

*** Một độc giả ở Quy-nhơn :**

1) Chạm rồng cũng như chạm phượng, thiết nghĩ chỉ là tô điểm cho đẹp, oai nghi (tứ linh) mà thôi. Vả chăng cũng ít thấy ở chùa có cột chạm rồng. 2) Nhằm ngày thứ tư 26 tháng 11 năm 1952. 3) Đó là số năm báo đó đã ấn hành liên tục. Bách Khoa cũng như Văn, chưa ngưng hoạt động lần nào cả.

*** Một nhóm học sinh ở Đà-lạt :**

1) Đề nghị quý bạn tìm đọc Nguyệt san VĂN HỌC SỐ 125 1 tháng 4 năm

1971, chủ đề : “Những bí mật về thi sĩ Trần Quang Dũng”. 2) Năm tước của triều đình là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam (theo thứ tự lớn nhỏ).

*** Phan Thông Cường. Long-an :**

Cho tới nay, chúng tôi chưa tìm ra lời giải đáp những thắc mắc bạn nêu trong thư đề ngày 10 tháng 5 vừa qua. Chúng tôi đã nhờ vài vị học giả tìm kiếm giùm, khi nào tìm ra sẽ xin giải đáp bạn đăng rõ. Mong được bạn cảm phiền.

* * *

SÁCH MỜI LÁ BỒI

GÓP NHẬT CÁT ĐÁ

Thiền sư Muju

Bản dịch của Đỗ Đình Đồng

Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13 gồm những mẫu chuyện Thiền vui, lạ lùng... như những hạt cát, những viên đá ném vào lòng đại dương tiềm thức làm lóe lên vùng ánh sáng huyền diệu muôn đời bị bức màn ý thức nhọt nhọt che khuất.

Những hạt cát, những viên đá... dành cho những ai muốn thăm dò, khai phá đường vào và thể nhập với cõi Sáng Lung Linh ấy của chính mình.

Tin văn văn

Triển lãm hội họa

Hai họa sĩ Lê Tùng và Nguyễn Bảo đã cho trưng bày 50 bức tranh sơn dầu tại trụ sở Pháp văn Đồng minh hội, Sài-gòn. Được biết đây là cuộc triển lãm đầu tiên của hai họa sĩ trẻ, mở cửa từ 24 tháng 5 cho tới hết ngày 3 tháng 6 năm 1971.

Một cuộc triển lãm khác, được tổ chức nhân dịp mãn khóa của trường Trung học Võ Trường Toản, tại câu lạc bộ của trường này, với 40 họa phẩm sơn dầu của họa sĩ Văn Ba.

Hình như là tình yêu

Tại trụ sở của Trung tâm Văn Bút Việt-nam, vào hồi 20 giờ ngày 28 tháng 5 vừa qua, nhà xuất bản Quán Văn đã tổ chức một buổi tiếp tân nhằm giới thiệu ấn phẩm đầu tiên của Quán Văn : tập truyện “Hình như là tình yêu” của Hoàng Ngọc Tuấn một cây bút trẻ quen thuộc của nhiều tạp chí, như Bách Khoa, Văn Đê, Khởi Hành... Buổi họp mặt diễn ra trong vòng thân mật, quy tụ chừng sáu mươi anh chị em trong văn giới và nhiều anh em trong làng báo. Sau phần tặng sách lưu niệm, giới thiệu tác giả và tác phẩm, chương trình được góp vui với nhiều tiếng hát quen thuộc, như : Khánh Ly, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Diễm Chi và các bằng hữu của tác giả Hoàng Ngọc Tuấn.

(HHT ghi)

Về bức tượng Y Uyên

Trong VĂN số 176, chúng tôi đã loan tin, một nhóm thân hữu của Y Uyên lên tiếng kêu gọi sự tiếp tay của anh em bằng hữu khắp nơi trong việc đúc một bức tượng đồng để ghi dấu ngày giỗ thứ ba của Y Uyên.

Nay, chúng tôi được tin thêm là điều khắc gia Đỗ Toàn đã khởi công và bức tượng sẽ được đúc đồng vào tháng tới.

Nhóm tổ chức hiện còn đang mong mọi nhận được nhiều hơn nữa sự ủng hộ, những ý kiến xây dựng của anh em bằng hữu khắp nơi. Thư từ và bưu phiếu, xin gửi cho :

– Trần Sĩ Huệ (Trần Huiên Ân)

Ty Tiểu học Phú-yên

hoặc – Mang Viên Long

58-bis Tăng Bạt Hổ, Qui-nhơn.

Rất mong anh chị em khắp nơi sẽ tiếp tay với nhóm tổ chức để “lưu lại một kỷ vật bên nắm mộ của người bạn cũ, người đã thực sự hy sinh xương máu và công lao cho kẻ còn ở lại”.

(P.T. ghi)

Kẻ chết, người sống

Tạp chí “ Phổ Thông ” số 265, ngày 15-4-1971, nơi trang 204 mục “Những dòng thơ mới” do Hoàng Tuyết Khanh phụ trách, có đăng bài thơ “Vàng Lạnh” ký tên Hoài Vọng Thu. Bài thơ này, nếu chúng tôi không lầm, đã được đăng trên

VĂN SỐ 7, ngày 1-4-1964, mà tác giả là nhà thơ chết trẻ Nguyễn Nho Sa Mạc, xa lánh cõi đời trần thế này rồi, chắc tác giả (thật) của “Vàng Lạnh” không còn buồn nữa, những độc giả đã yêu và còn trót nhớ thơ anh nghĩ thật buồn thay.

Nhân ghi lại vụ mượn tạm a thơ này, tôi lại sực nhớ tới một nhà thơ khác, còn sống nhăn, anh Đinh Trầm Ca, tác giả tập “Mắt Đêm” xuất bản năm 1970, cũng có bài thơ bị “mượn”, mà đặc biệt thay, nó lại bị mượn tới những hai lần. Bài thơ đó nhan “Cuồng ca của một người”, lần đầu tiên đã bị cô Kim Ngân thộp cổ đăng trên Đặc san Trường Nữ Trung học Đà Nẵng, 1970. Mới đây, cũng bài thơ đó tại được ông Lê Ngọc “chiếu cố tận tình” đem đăng trong tờ “Duy Ái” số ra tháng 4 năm 1971 Có điều thật đặc biệt là cả hai người mượn thơ Đinh Trầm Ca đều

bỏ sót đoạn thứ hai và bỏ một câu thứ tư trong đoạn thứ 3 (tức đoạn thứ hai của những người này).

(Lê Trần ghi)

Sách của Thế Uyên

Ngoài “Mưa trong sương”, tân truyện do Nguyễn định Vương xuất bản lần đầu, trong tháng 5 vừa qua, nhà Khai Trí cũng đã cho tái bản hai cuốn “Tiền đồn” và “Mười ngày phép của một người lính” của Thế Uyên.

Trong hạ bán niên 1971, Thế Uyên dự tính cho in :

1) Exodus dịch Léon Uris. Cuốn này dịch xong từ năm ngoái cho nhà Lá Bối. Sách dày gần ngàn trang, gấp kiem ước,

Lá Bối đành chuyển cho An Tiêm. Gặp song hành, An Tiêm lại trả về Lá Bối, và lần này, dù giá giấy chợ đen đã lên tới gần ngàn bạc một ram (chao ôi, cái thứ giấy gói trà, theo danh từ kinh tế !) sách có hy vọng sẽ in xong vào hạ tuần tháng tám.

2) Khu vườn mùa mưa, truyện dài.

3) Truyện tình, truyện dài.

Ngoài ra, Thế Uyên còn đợi vụ kiện Bộ Thông tin kết liễu để cho xuất bản cuốn Trận Điện-biên phủ, dịch Jules Rov. Cuốn này đòi hỏi cả triệu bạc vốn nên sách còn đang lêu bêu đi tìm nhà xuất bản.

Văn nghệ “viễn mơ” đi về đâu ?

Từ ít năm nay, chúng ta thường nghe nhắc đến, bàn đến nền văn nghệ được gọi là “viễn mơ”, — một danh từ bí thủ dùng để chỉ chung nền văn nghệ “xa rời thực tế”, “không gần thân”...

Nhưng không phải chỉ có thế. Có khi “viễn mơ” được coi như thứ “văn nghệ hàng hai thân Cộng” (tạp chí Hiện Diện xuất bản tại miền Trung, số 1, khoảng cuối năm 1969) ; có khi “viễn mơ” bị coi như “văn nghệ nhận tiền trợ cấp” (tạp chí Đất Nước và Trình Bày) ; mới đây, “viễn mơ” lại bị coi như thứ “văn nghệ có xu hướng Thiên học” (tạp chí Ý Thức số 13, 1971).

Mai này, khi “phong trào” đọc Thiên qua đi, chẳng hiểu rồi “văn nghệ viễn mơ” còn bị gán cho những định nghĩa

nào khác ? Nghĩ tội thay cho cái thứ văn
nghệ cú thán nhiên im lặng trước bấy
nhiều là lời qua tiếng lại ồn ào !

(V.L. ghi nhận)

* * *

HỘP THƯ BẠN ĐỌC

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin thân thành cảm ơn người tặng sách và trang trong giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc :

* KHAI PHÓNG, Hội Phụ huynh Học sinh Khánh-hòa. số 10-11. 172 trang, giá 100 đồng.

Diễn đàn văn hóa giáo dục xã hội. Liên lạc: 95 (số cũ 53) Phước-hải Nha-trang.

* TRONG MƯA BOM MẶT TRỜI SẼ ĐẾN, nhạc Nguyễn Duy Khoái. thơ

Huỳnh Ngọc Thành, Da Vàng xuất bản, không ghi giá.

* THAM DỰ, Tập san Văn nghệ Dân tộc, số 2. Dày 44 trang khổ lớn, giá 50 đồng.

Chủ đề : Viết trong thời chiến. Liên lạc : 112 Nguyễn Huệ. Vĩnh Long.

* NHỮNG BÀI THƠ TÌNH, 3 tác giả tự xuất bản. Sách in rô-nê-ô, dày khoảng 70 trang, không ghi giá.

Tập thơ của Trùng Việt Khánh, Nguyễn Hoàng Lương và Hoàng Thụy Khanh.

* SÂU Ở LẠI, Tạ Ký, Quế-sơn Võ Tánh xuất bản. Sách dày 128 trang, giá 250 đồng.

Thi phẩm được tặng giải nhất Giải

Văn học Nghệ thuật của Tổng thống VNCH năm 1970. Sách in lần thứ hai. Bìa Văn Đen.

* HÁT BUỒI THU KHÔNG, Nguyễn Bá Dật. Sách in rô-nê-ô. không ghi số trang và giá bán.

Thi phẩm viết tay in thạch bản. Bìa và phụ bản Anh Khoa.

* CHIM VIỆT, Bút đoàn Chim Việt. Dầy 68 trang khổ nhỏ, giá 60 đồng.

Giai phẩm văn nghệ, tập 3: Mùa hoa học trò. Liên lạc : 38 Trưng Trắc, Quảng-trị.

* CUỐI MÙA GIÓ CHUỖNG, Hàn Song Thanh, Chim Việt xuất bản. Sách dầy 288 trang, giá 240 đồng,

Tiểu thuyết đồng quê. Bìa Tuy Uyên.

* HƯƠNG GÂY MÙI NHỚ – ĐÀO LÝ XUÂN PHONG, Đông Hồ. Quỳnh Lâm xuất bản. Sách dày 136 trang, giá 250 đồng.

Sách gồm hai tập, trên ba chục bài thơ di cảo của Đông Hồ. Mộng Tuyết, Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Hiến Lê đề tựa. 4 phụ bản (tranh thủy mặc, thơ đề trên quạt) của chính tác giả.

* KHỞI NGUYÊN, Hội Việt Hán, Viên Đại học Cần-thơ biên soạn và xuất bản. Sách in rô-nê-ô dày 76 trang. Nội san, không ghi giá bán,

* ĐƯỜNG NĂNG, dày 118 trang, không ghi giá bán. Đặc san Mùa Hạ của trường Bồ Đề tại Tuy-hòa và Hiếu-xương.

* HỌC ĐƯỜNG TÌNH YÊU, Mai

Động, tác giả xuất bản. Sách dày 102 trang, giá 100 đồng.

Thi phẩm gồm trên ba chục bài thơ.
Bìa Đỗ Kiệm.

THƯ ĐI TIN LẠI

* Nguyễn-thị Quỳnh, Ban-mê thuật.

Cô có thể viết thư hỏi nhà sách Xuân Thu (185-1*3 đường Tự Do, Sài-gòn); hoặc nhà sách Khai Trí (60-62 đại lộ Lê Lợi, Sài-gòn); hoặc nhà sách Sài gòn (58-A đại lộ Lê Lợi, Sài-gòn). Đó là ba nhà sách lớn bậc nhất Sài-gòn, có đầy đủ những sách cô hỏi.

* Nguyên Thủy, Đà-lạt.

Không có văn sĩ hay thi sĩ nào mà lại “không có tác phẩm” được cả. Điều tốt

nhất là nên khởi đầu bằng cách gửi bài tới các báo, không phải một mà nhiều báo khác nhau. Phần khác, cẩn thận tí nhé : cái bút hiệu NT có người dùng rồi đấy. Chúc lành.

*** Nhất Anh, Sài-gòn.**

Có thể ghé tòa soạn mà hỏi. Cũng nên tránh dùng tên NA, vốn là bút hiệu của một tác giả đã từng cộng tác với VĂN từ lâu.

*** Nguyễn-thị Tư, Chợ-lớn.**

Còn. Dịp nào tiện mời cô ghé báo quán.

*** Ông Nguyễn Bá Quát, Tuy-hòa**

Xin chân thành cảm tạ điều ông múch bảo trong thư 31/5, chúng tôi sẽ cố tránh để việc đó khỏi tái diễn (dẫu cho

ngoài ý muốn đi nữa). Về thể lệ, xin ông xem lại Hộp thư Bạn đọc VĂN số 172 (15-2-1971) và bài Giải đáp thắc mắc trong cùng số này. Tụ hậu, gửi thư xin ông dán đủ tem (7 đồng) để người nhận khỏi bị phạt vạ. Đa tạ.

*** Thục Tuyên, Biên-hòa.**

1) Chủ nhật các thư viên thường đóng cửa. 2) Về MM. xin xem lại mục này trong Văn số 178 ; Khê Kinh Kha hiện là sinh viên du học tại Hoa-kỳ. 3) Xin viết hỏi những báo nào có mục giải đáp y học phổ thông.

CẦN TÀI LIỆU :

Tòa soạn VĂN rất cần mua lại hoặc mượn (trong một tháng) những thi phẩm của Nguyễn Bính, như « Hương cố

nhân », Một ngàn của sôn, bản in, quay rô-nê-ô, hoặc chép tay cũng đặng. Bạn đọc nào sẵn có, xin vui lòng biên thư cho Thư ký Tòa soạn VĂN. Muôn vàn cảm tạ.

NHẮN TIN RIÊNG :

* Trầm Kha, Kbc 4027.

Sẽ đăng “Tàn cuộc”, Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Nguyễn Chí Kham, Thủ-đức.

Sẽ đăng “Áo trắng”. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Khê Kinh Kha, Hoa-kỳ.

Sẽ đăng “Lời nhắn nhủ mai sau” và “Nỗi niềm”. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Mường Mán. Huế.

Sẽ đăng “Mùa thu gần kề”.

* Bùi Quang Chiêu (?)

Sẽ đăng “Cái kẹp ba lá”. Cho biết địa chỉ để tiện liên lạc. Thân.

BÀI LAI CẢO

NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

VĂN

Quý bạn : Giáng Bình ; Phyl Ly Đa ;
Nguyễn Tường Long ; T.TH. ; Nguyễn
Tưởng ; Thanh Phượng ; Ngô Hữu Chiến
; Thương Tích ; Trâm Khanh ; Võ Hoàng
Hưng ; P-C-NGH ; Thủy Tử ; Nguyễn Sa
Mạc.

THƠ :

Quý bạn : Thái Khê. Giáng Bình. Cao
Trường Huy. Lê Hồng Nhượng Linh Thơ.
Trương Hữu. Tống Châu Âu. Nhượng
Minh. Nhã Uyên. Hà Đức Thông. Đỗ
Tĩnh. Lâm Tեն Cuôi. Sa Hoài Nhuận.
Huỳnh Viễn Sao Nguyễn Hiền Lương.
X Nguyễn Tri. Phương Thu Uyên. Van-
lý Trường thành. Nguyễn Đăng Khiêm.
Đình Mạc. Quách Ngọc Điền. Đỗ Tâm
Tư. Nguyễn Tường Long (2). Lê Minh
Liệt. Trần Quang Thiếu (2) Thoại Châu,
Quảng trị. Trần Đăng Quang. Thanh
Thanh. Bùi Quang Chiêu. Nguyễn Tưởng

(2) Thâm Giang. Hồ-đắc Bối vũ. Sa Linh. Thủy Tử. Nguyễn Thành Thỏa. Song Tân HTT. Hồ Uyên Thy. Nguyễn Cố Thành. Thương Tích. Nguyễn Đình Chiến. Lê-trần Nguyên Thảo. Kim Cúc. Chương Đắc Lê (3) Thy Vy Lệ. Nguyễn Trường Nghị. Đông Du. Trần-vũ Cung-thy. Thy Lynh Tử. Trần Hoài Lê. Phố Đô. Nguyễn Tấn Tề. Nguyên Lư. Trầm Mặc. Trương Văn Hồng. Long Hồ LTL. Nguyễn Ngọc Nghĩa. H-Y-N. Tống Đình Nam. Ưu Thức. Viên Hoa Cường. Bùi Dzinh. Phạm Chu Sa. Lê Minh Hóa. Hương Trúc, Nguyễn Tiếp Tục. Mai Trang.

